CHÁNH PHÁP

PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG — HOẰNG PHÁP — TIN TỨC PHẬT SỰ — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — SỐ 23 - THÁNG 3.2011

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **VÌ SỰ BÌNH AN HẠNH PHÚC CHO CHƯ THIÊN VÀ NHÂN LOẠI** *(Thích Nguyên Siêu), trang 1*
- **ẢNH HƯỞNG PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI NHÂN LOẠI** *(HT. Thích Trí Chơn dịch), trang 2*
- **TỈNH THỨC VỀ HOA** *(thơ Thắng Hoan), trang 2*
- **...MỘT CHỮ "NHƯ"** *(Điều ngự tử Tín Nghĩa), trang 3*
- **KHAI KINH SỬA DẤU LẠC VẦN** *(thơ Trần Kiêm Đoàn), trang 3*
- **QUAN NIỆM SỬ HỌC CỦA DUY THỨC, tiếp theo** *(HT. Thích Thắng Hoan), trang 4*
- **DÒNG THƠ CUỐI** *(thơ Phan Tấn Hải), trang 4*
- **PHẬT GIÁO VÀ NGƯỜI HY LẠP** *(Đào Viên), trang 5*
- **NGỦ VÀ ĐI BỘ TRONG THIỀN ĐỊNH** *(Thị Giới dịch), trang 6*
- **XUÂN, ĐÓN GIAO THỪA** *(thơ Nguyên Kim), trang 6*
- **TU LÀ CHUYỂN NGHIỆP** *(Duyên Hạc), trang 7*
- **MÊNH MÔNG** *(thơ Huyền Vũ), tr. 7*
- **VẤN ĐỀ TÂM-VẬT TRONG ĐẠO PHẬT** *(Gs. Thạc Đức), trang 8*
- **NẺO VỀ** *(thơ Bạch Xuân Phẻ), tr. 8*
- **HOA ĐỐM MÙA XUÂN** *(Vĩnh Hảo), trang 9*
- **TÍN TÂM MINH CỦA TAM TỔ TĂNG XÁN** *(Trúc Thiên), trang 10*
- **ĐÀO XUÂN LỘNG Ý KINH** *(thơ Thích Nữ Giới Hương), trang 10*
- **LỢI ÍCH CỦA THIỀN ĐỊNH VÀ SỰ HY SINH** *(Hoang Phong dịch), tr. 11*
- **LÊN CHÙA** *(thơ Mãn Đường Hồng), trang 11*
- **BÌNH MINH, DÂNG HƯƠNG** *(thơ Tường Vân), trang 12*
- **HƯƠNG THƠM CỦA LOÀI HOA** *(thơ Cs. Liên Hoa), trang 14*
- **KHÓA TU DƯỠNG TĂNG NI KỲ 2,** *trang 15*
- **ĐỌC THƠ XUÂN CỦA NGUYỄN DU** *(Lam Nguyên), trang 19*
- **XA CHÙA XA BẠN XA THẦY...** *(Tịnh Minh soạn dịch), trang 19*
- **LÝ NHÂN DUYÊN SANH** *(GĐPTVN tại Hoa Kỳ), trang 20*
- **THOẢNG GIÓ ĐÂU ĐÂY** *(thơ Nguyễn Thị Minh Thủy), trang 20*
- **KHI NẮNG XUÂN VỀ** *(Lam Khê), trang 21*
- **THƯỜNG XUÂN** *(Trần Đan Hà), trang 22*
- **CÂU CHUYỆN "MY SISTER'S KEEPER"** *(Pháp Độ dịch), trang 24*
- **MƯỜI LẠY MÙA XUÂN, LÂU RỒI** *(thơ Thích Nữ Viên Quang), trang 24*
- **THIỀN** *(thơ Diệu Linh), trang 25*
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** *(Diệu Âm lược dịch), trang 27*
- **DẠ ẢNH, CẦN NIỆM ƯU TƯ, NHỚ NHÀ, THÍ PHÁT** *(thơ Phù Du), tr. 28*

VÌ SỰ BÌNH AN HẠNH PHÚC CHO CHƯ THIÊN VÀ NHÂN LOẠI

DIỄN VĂN KHAI MẠC

Chương Trình Triển Lãm Phật Ngọc Cho Hòa Bình Thế Giới tại California Center For The Arts, Escondido từ thứ Bảy, 29 tháng 01, 2011 đến Chủ nhật, 06 tháng 02, 2011

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Tôn Trưởng lão Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni,

Kính thưa quý vị giới chức chính quyền, quý quan khách, Hội đoàn, Đoàn thể, quý vị truyền thông báo chí, quý đồng hương, Phật tử,

Kính thưa liệt quý vị,

Chúng con, toàn thể ban tổ chức kiền thành đảnh lễ Đức Thế Tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh giác đã thương tưởng chúng sinh mà thị hiện nơi đời, cũng như hiện hữu trong đạo tràng Phật Ngọc cho Hòa Bình Thế Giới hôm nay. Sự thị hiện của Đức Phật là một nhân duyên vô vàn tối thắng, là một tấm lòng Từ Bi vô lượng cao cả được trang trải đến cho vô số chúng sinh trong pháp giới. Đến hôm nay, đầu thế kỷ 21, hình ảnh và lời giảng dạy của Đức Phật đã in sâu vào tâm thức con người, dù ở phương Đông hay phương Tây. Xã hội loài người đã thực tập lời Phật dạy:

Vui thay chúng ta sống
Không hận giữa hận thù
Giữa những người thù hận
Ta sống không hận thù

Vì sống không hận thù nên Tôn Giả Phú Lâu Na xin Phật đi giáo hóa dân tộc ở xứ Du Lô Na, dân tộc nhiều hận thù và hung bạo, nhưng nhờ đức tính Hòa bình và lòng Từ Bi cao cả mà Tôn Giả Phú Lâu Na đã giáo hóa được sự bạo tàn và lòng thù hận của con người trong xã hội đó, và nhân đấy, Đức Phật dạy:

"Này các tỳ kheo, các con hãy đi và đi một mình. Đi từ hang cùng ngõ hẻm. Các con chỉ đi một mình, vì sự giáo hóa cho đời. Vì sự bình an hạnh phúc cho chư Thiên và nhân loại. Các con hãy lên đường bằng hành trang của người giác ngộ."

Bằng lời dạy thắm thiết vì lợi ích cho phần đông, vì hành phúc cho phần đông mà chư Tôn Đức Tăng Già đã y lời Phật dạy, dấn thân hoằng pháp suốt hơn 2000 năm qua, từ trong nước ra đến hải ngoại. Công cuộc hoằng pháp qua hình ảnh tượng Phật Ngọc cho Hòa Bình Thế Giới trong hơn hai năm qua đã có nhiều triệu người trên thế giới trực tiếp chiêm bái, đảnh lễ cầu nguyện, cũng như nhiều triệu người đã xem trên mạng lưới toàn cầu, từ đó chiêm nghiệm tinh thần hòa bình của đạo Phật, một cách thực nghiệm, siêu nghiệm và hằng hữu. Đạo Phật đã luôn mang tinh thần hòa bình đến từng quốc gia dân tộc, để tạo lập cuộc sống nhiều ý nghĩa đạo đức, tâm linh thăng hoa thánh thiện. Vì vậy, con đường hoằng pháp của đạo Phật trong suốt hơn 2500 năm lịch sử Phật giáo thế giới đã không làm tổn thương, thù hận, khổ đau cho bất cứ quốc gia, dân tộc nào. Nền văn hóa giác ngộ của đạo Phật được hòa quyện với nền văn hóa dân tộc đó để cùng sống chung trên giá trị đặc thù nhân bản.

Cũng vậy, chương trình cung nghinh và chiêm bái Phật Ngọc cho Hòa Bình Thế Giới được tổ chức tại California Center for the Arts này được sự hoan hỷ chấp thuận của thành phố Escondido cũng như ban điều hành California Center for the Arts để chúng ta có được một chương trình đại lễ long trọng như ngày hôm nay. Ban tổ chức chúng tôi vô cùng kính biết ơn sự hỗ trợ của chư vị giới chức chính quyền và ban điều hành California Center for the Arts và nguyện cầu cho chư liệt vị luôn an lành, hạnh phúc trong sự nghiệp kiến tạo quốc gia giàu mạnh, dân tộc ấm no thịnh vượng.

Kính thưa liệt quý vị,

Trong bầu không khí trang nghiêm, thanh tịnh, đông đảo chư Tôn đức Trưởng lão, Tăng già quang lâm chứng minh, cầu nguyện cho đạo pháp trường tồn, thế giới hòa bình, chúng sinh an lạc. Ban tổ chức chúng con nhất tâm đảnh lễ và cầu chúc quý Ngài pháp thể khinh an, đạo nghiệp viên thành trên con đường hoằng pháp lợi sanh.

Đồng kính chúc quý quan khách, đồng hương Phật tử vô lượng an khang, cát tường như ý, để có được cuộc sống bình an hạnh phúc trong cuộc đời này.

Dưới sự chứng minh của mười phương chư Phật, cùng sự hân hoan thành kính reo vui của vô lượng chúng sinh được diện kiến tôn nhan Phật tượng mà phát bồ đề tâm thượng cầu hạ hóa, chúng con thành kính tuyên bố khai mạc Chương Trình Cung Nghinh và Chiêm Bái Phật Ngọc cho Hòa Bình Thế Giới ngày hôm nay.

Nam Mô Thành Tựu Trang Nghiêm Công Đức Phật

Tỳ Kheo Thích Nguyên Siêu

ẢNH HƯỞNG PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI NHÂN LOẠI

Nguyên tác: **T.T. Nyanatiloka Maha Thera**
Chuyển ngữ: ***H.T. Thích Trí Chơn***

Khoảng vài ba mươi năm trước đây, bất cứ người nào ở các nước Tây Phương có cảm tình với Phật giáo đều được coi là hạng người thiếu suy xét. Vào thời đó, người ta còn xem đạo Phật đại để như một tôn giáo đầy màu sắc thần bí lẫn mê tín dị đoan và không ai tin rằng Phật giáo sẽ có thể đóng một vai trò quan trọng trong sự hướng dẫn đời sống tinh thần cho các dân tộc Tây Phương như hiện nay. Có nhiều người Âu Châu, phần đông thuộc các tín ngưỡng đối lập, đã chỉ trích xuyên tạc Phật giáo, cũng như đã cố gắng thuyết minh cho những bạn bè của họ tin rằng ảnh hưởng của Phật giáo rất tai hại vì nó gieo rắc tư tưởng bi quan yếm thế cho con người. Do đó, dưới mắt họ, Phật giáo là một chướng ngại nguy hiểm cho mọi hoạt động xã hội và phát triển quốc gia. Tuy nhiên, những người có hiểu biết đạo Phật ít nhiều hoặc đã từng sống ở các quốc gia thuần túy theo Phật giáo chẳng hạn như Miến Điện, Thái Lan, nơi mà dân chúng cảm thấy cuộc sống hầu như được an lành và hạnh phúc nhất trên thế giới thì họ sẽ nhận thấy ngay những lời phê bình trên về Phật giáo của một số người Tây Phương là hoàn toàn vô căn cứ, sai hẳn sự thật.

Dưới đây, chúng ta sẽ thấy rằng, một học thuyết cao siêu toàn hảo như Phật giáo có thể gây nên những ảnh hưởng tốt đẹp cho tâm tính con người và đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho xã hội, quốc gia. Phật giáo luôn nhắc nhở con người nên tin ở mình, tinh tấn tu hành để tự giải thoát. Thật chưa có tôn giáo nào xác nhận tinh tấn là động lực chính giúp con người vươn đến cõi toàn thiện và trái lại giải đãi (biếng nhác) là nguyên nhân khiến con người phải sa đọa khổ đau như Đức Phật đã dạy:

"Tinh tấn là đường dẫn đến Niết Bàn,
Giải đãi và trì hoãn là đường về sanh tử"

Chỗ khác đức Phật bảo: "*Này các Tỳ Kheo! Nhờ ý chí cương quyết thiền định mà Ta đã giác ngộ và cũng do bởi sự tinh tấn chuyên tu mà Ta đã được giải thoát hoàn toàn. Hỡi các Tỳ Kheo! Nếu các con biết tinh tấn tu hành, không bao lâu các con cũng sẽ chứng được quả Bồ Đề Vô Thượng".* Và trước khi nhập Niết Bàn, trong lời di chúc cuối cùng Đức Phật cũng dạy: "*Các con hãy nỗ lực tinh tấn để tự giải thoát*". Bởi thế, trên đường tu tập, người Phật tử luôn luôn trông cậy vào sự cố gắng của chính mình. Họ không ỷ lại vào một ngoại lực nào, vì họ thừa hiểu rằng không một ai, dù là đấng có quyền phép đến đâu có thể cứu giúp cho họ thoát khỏi được trong đời hiện tại, những nghiệp quả khổ đau mà họ đã lỡ gieo nhân từ tiền kiếp. Cho nên, "*Lành do ta mà dữ cũng do ta. Tịnh hay bất tịnh đều bởi ta. Không ai có thể làm cho người khác thanh tịnh được".*

Phật giáo dạy rằng, mỗi chúng ta phải chịu trách nhiệm lấy những hành động thiện hoặc ác mà chúng ta đã gây ra và cuộc đời hạnh phúc hay đau khổ cũng do tự bàn tay chúng ta xây dựng lấy. Vì: "*Mọi hành động xấu đều không phải do cha mẹ, bạn bè của ta gây nên mà bởi ta đã tạo ra, cho nên chính ta phải gặt lấy những kết quả đau khổ đó*". Người Phật tử biết rằng không phải hoàn toàn ỷ lại vào sự giúp đỡ của đức Phật, Giáo Hội, hay của chư Tăng mà mình có thể giải thoát được, nên người Phật tử buộc phải trông cậy vào nỗ lực tu tập nơi chính bản thân để tự cứu lấy mình. Nhờ thế mà họ đạt được cao độ của tinh thần tự tín. Cũng không ai chối cãi được rằng, sự tin tưởng vào một đấng Thượng Đế hay bất cứ một năng lực tưởng tượng nào đều làm con người mềm yếu, mất hết đức tính tự tin và tự trách nhiệm. Trong khi đó trái lại, kẻ biết tự tin vào năng lực của chính mình họ sẽ trở nên cương quyết và mạnh mẽ.

Không những Phật giáo đã làm phát triển đức tánh tự tin nơi con người mà còn khuyên con người phải sáng suốt trước khi tin một điều gì. Phật giáo phủ nhận lối tin vào những tập tục mù quáng hay những quyền lực vu vơ. Muốn đạt được chân lý, giải thoát mọi khổ đau, con người phải tin tưởng vào khả năng giác ngộ và thiền định nơi chính mình. Đức Phật dạy: "*Đừng tin vào một điều gì dầu điều ấy là lời khẩu truyền hay những tập quán. Đừng tin theo điều gì dù điều ấy do một bậc Thầy dạy lại. Những điều nào các con tự xét thấy là sai lầm, xấu xa sẽ gây đau khổ cho các con và mọi người khác thì các con hãy đừng tin theo".* Một học thuyết nêu cao khả năng giác ngộ của con người như thế không thể nào gây ảnh hưởng tại hại cho nhân loại được.

Những tôn giáo phủ nhận lý trí cá nhân, buộc tín đồ mù quáng tin vào thần quyền, giáo điều hoặc những lễ nghi tập tục sai lầm, mới thật đưa con người vào con đường mê tín dị đoan, phá sản xã hội. Cho nên tinh thần con người chỉ tiến bộ được khi họ có tự do tư tưởng. Và ai cũng nhận thấy rằng, lòng tin mù quáng vào giáo điều, tín ngưỡng đã gây nên ở con người bệnh cố chấp và lòng phân chia hẹp hòi ích kỷ. Ngày nay họ còn nhớ tới xã hội thời Trung cổ (Middle Ages) với những hình phạt tra tấn, thiêu đốt chém giết, tàn sát con người một cách dã man cùng những cuộc Thánh chiến rùng rợn. Tất cả những hành động phi nhân này đều là kết quả của lòng tin cuồng nhiệt vào giáo điều của những tôn giáo Thần quyền. Nói tóm, mọi chủ trương độc tài tín ngưỡng và tàn bạo bao giờ cũng đưa xã hội con người đến cảnh suy vong, man rợ, phản tiến hóa vậy.

Trái lại, một nền tiến bộ tự do và hòa bình trong sự phát triển xã hội, đạo đức, kiến thức, nghệ thuật, khoa học và triết học chỉ có thể xuất hiện trong một quốc gia biết tôn trọng đức tánh khoan dung cũng như tự do tư tưởng con người. Và không thể thực hiện được trong một quốc gia mà nơi đó có sự kỳ thị về tôn giáo, chính trị hay sự tự do của con người bị bóp chết hoàn toàn. Bây giờ điều trên hết để giúp chúng ta phát triển đức tánh khoan dung này trong nhân loại là lòng từ bi, mà theo Phật giáo nó là nền tảng luân lý để xây dựng cho mọi sự tiến bộ xã hội và đạo đức con người. Đúng vậy, dân chúng những quốc gia thật sự theo Phật giáo đều thấm nhuần tinh thần từ bi này. Nó không phải là kết quả của đức tin mù quáng vào những giáo điều cố định mà là kết quả của sự hiểu biết chân chính rằng, tất cả chúng sanh từ loài người đến côn trùng đều có tương quan mật thiết: "*Ta là tất cả chúng sanh, tất cả chúng sanh là ta*".

Bởi sự sống của ta với sự sống của mọi chúng sanh là một, nên con người không có quyền sát hại bất cứ sinh mạng nào. Không có tôn giáo nào trên thế giới đề cập đến lòng từ bi như Phật giáo. Nó thể hiện qua những lời kinh chân thành mà thường nhật chư Tăng tụng đọc với mục đích cầu nguyện cho chúng sanh không phân biệt chủng loại luôn thoát khổ được vui. Cho nên, tại các nước Phật giáo, kinh Từ Bi (Metta Sutta) đã được dùng tụng hàng ngày hai buổi sáng tối cho tất cả hàng chư Tăng, Đại Đức cũng như hàng Thượng Tọa, lớn cũng như nhỏ mà tôi xin trích một đoạn ngắn dưới đây:

"Như bà mẹ chăm sóc bảo vệ hết sức đứa con độc nhất của mình.
Làm thế khi chúng ta đối với tất cả chúng sanh,
Hãy phát tâm từ bi rộng lớn,
Tràn khắp vũ trụ bao la,
Trên dưới mọi nơi,
Không còn những tâm niệm hận thù ganh ghét .....".

Trong khi đó, những kẻ cuồng tín tin vào Thần quyền lại khuyên tín đồ: "*Hãy giết chết những kẻ thù của anh bất cứ nơi nào anh gặp chúng. Hãy tắm chúng trong máu đào bởi đó là hình phạt dành cho những kẻ bất tín".* Hay là "*Hãy chiến đấu chống lại những kẻ thù của anh cho đến khi chúng chịu đầu hàng, cho đến khi nào chúng chịu tôn thờ Thượng Đế. Phải bắt chúng chịu mọi sự đau khổ của sự trả thù"* Như vậy, chúng ta thấy rằng ở đâu lời khuyên răn tàn bạo được chấp nhận thì nơi đó sẽ phát sanh những ảnh hưởng tai hại của sự cuồng tín, độc ác và có thể gây cho thế giới con người sự đau khổ và âu lo khủng khiếp. Điều ai cũng thấy là lòng từ bi và đức tánh khoan dung nói trên thường được nhắc đến trong các kinh điển Phật giáo, một đặc điểm mà ở các kinh sách những tôn giáo khác rất khó tìm thấy.

Thật vậy, chưa có nhà truyền giáo tên tuổi nào của Phật giáo có ý tưởng phỉ báng hay sân hận chống đối những kẻ khác tín ngưỡng với mình, và cũng không bao giờ có sự kỳ thị về tôn giáo quốc gia hay chính trị nơi một dân tộc đã thực sự thấm nhuần chân tinh thần từ bi của Phật giáo. Nhờ thế mà không cần đến súng đạn hay giáo gươm, Phật giáo vẫn chinh phục được tâm hồn của hàng trăm triệu người trên thế giới. Trong lịch sử, như chúng ta đã biết, từ lúc Phật còn ở đời cho đến hôm nay, chưa có một giọt máu nào đã chảy nhân danh đức Phật hay bởi sự truyền bá giáo lý của Ngài. Nhưng với các tôn giáo khác thì sao? Thật không thể nào dẫn chứng hết ở đây tất cả những phương tiện man rợ mà một vài tôn giáo đã dùng đến để truyền bá đạo lý của họ.

Hơn nữa, Phật giáo cũng dạy rằng đức tin và những hình thức phát triển bên ngoài không hẳn hoàn toàn giúp người Phật tử đạt đến sự giác ngộ giải thoát và truyền bá Phật giáo bằng vũ lực có nghĩa là bành trướng những đức tính công bình và tình thương bằng hành động bất công và tàn bạo. Người Phật tử không xem sự cải giáo của tha nhân là quan trọng. Với một kẻ tự nhận mình là Phật tử hay không, điều ấy

→

Tỉnh thức về hoa

Hương sắc thắm nương đóa hoa thể hiện
Bao cành hoa nhờ hương sắc khoe tươi
Theo thời gian hoa tàn úa rã rời
Nguồn hương sắc đầy vơi không hệ phược
Bằng vọng thức thấy hoa rơi luyến tiếc
Khóc vì hoa và sống chết theo hoa
Tỉnh thức nhìn chung cuộc đấy chỉ là
Sự chuyển hóa của nhân duyên biến hóa
Dòng tâm thức mang sắc hương ngát tỏa
Sức sống còn nuôi những đóa hoa sau
Ngào ngạt hương lan khắp cả trời cao
Tô điểm sắc với ngàn sao khởi sắc
Tạo vũ trụ thành bài thơ tuyệt tác
Phổ thiền ca hòa tấu khúc tình ca.

(Trích từ Thắng Hoan Thi Tập)

THẮNG HOAN

... MỘT CHỮ "NHƯ"

Điều ngự tử Tín Nghĩa

"Một chữ Như". Đây là ba chữ trong câu Thi kệ cuối cùng của ngài Phước Hậu.

Nguyên văn bài Thi kệ Ngài dạy :

"Kinh điển lưu truyền tám vạn tư,
Học hành không thiếu cũng không dư,
Năm nay nghĩ lại chừng quên hết,
Chỉ nhớ trên đầu một chữ NHƯ."

Chữ Như ngài dạy vô cùng mầu nhiệm và thâm thúy. Vì chữ Như này ngài chiết tự từ một danh hiệu Như lai của Phật trong Mười hiệu. Đó là: Như lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hành tục, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật thập hiệu Thế tôn.

Trước tiên, chúng tôi tạm mạo muội dịch từng hiệu một, mặc dầu đã được chư Tôn Thiền đức, bậc thạc học Phật pháp đã từng dạy hay đã từng diễn giải ra rồi. Chúng tôi chỉ tạm nhắc lại ý của các bậc tiền bối đó thôi, để làm thêm một phần sáng tỏ cho bài viết này.

Như Lai: Trước tiên, Như lai là một hiệu trong mười hiệu của Phật. Nghĩa là Như như bất động, Lai thành chánh giác. Hay kim Phật Như cổ Phật tái lai. Có nghĩa là Như kỳ tánh bất như kỳ tướng. Ví dụ vàng là tánh mà các dụng dùng để trang sức như vòng, xuyến, nhẫn, . . . hình tướng đều khác nhau mà thể tướng đều giống nhau, vì đó là vàng. Như lai là thông hiệu mà danh hiệu Phật là biệt hiệu như: A Di Đà Như lai, Bổn sư Thích Ca Như lai. A Di Đà và Thích Ca là biệt danh, là biệt hiệu mà Như lai là thông hiệu.

Ứng cúng: Ứng là xứng đáng, là nên, tức là bậc xứng đáng được trời người cúng dường.

Chánh biến tri: Biến tri là biết cùng khắp. Bậc biết tất cả cùng khắp những điều chơn chánh.

Minh hành túc: Minh là sáng, Hành là thực hành. Bậc thực hành toàn hào và rất trong sáng.

Thiện thệ: Thiện là là hiền lành, Thệ là phát nguyện. Bậc thực hiện tất cả các hạnh lành để chứng ngộ đến quả vị niết bàn và trở lại độ sanh.

Thế gian giải: Bậc lý giải rõ ràng tất cả những gì ở trong thế gian, nói chung là trong vũ trụ.

Vô thượng sĩ: Sĩ là bậc có học mà không có ai trên nữa.

Điều ngự trượng phu: Điều ngự là bậc chế phục được tất cả, bậc thuần hóa hết tất cả mọi người, nhưng tất cả đều hoan hỷ.

Thiên nhơn sư: Sư là vị thầy. Bậc thầy của cả cõi trời và cõi người.

Phật: Bậc giải thoát hoàn toàn. Đầy đủ tuệ giác và phước đức.

Thế tôn: Thế là đời, Tôn là cao quý. Bậc cao quý nhất ở trong đời.

Nói chung từ Như lai đến Phật là mười hiệu được tôn xưng là cao quý nhất, không gì hơn nữa vậy.

Theo Đại lão Hòa thượng Thích Trí Quang dạy, mà ngày xưa chúng tôi đã được phước báo thọ học là: Mười hiệu và cọng chung hiệu Thế tôn là 11, rất quan trọng, không những ấn định một đức Phật là phải có Mười hiệu, mà mỗi khi chúng ta niệm Phật hay khen Phật là phải nhớ và lạy cả mười hiệu ấy. Do vậy, khi lạy Sám hối cũng cần lạy mỗi hiệu là một lạy. Khi Ngài Trí Quang dạy cho chúng tôi tường tận rằng: trong Mười hiệu, thì ba hiệu Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri được nói nhiều, xưng tán nhiều, thì cũng được xem như thay thế cho cả Mười hiệu vậy.

Thiền sư Phước Hậu, gốc Thái Bình, Bắc Việt. Ngài thọ sinh vào năm 1866. Năm 1916, Triều Nguyễn mời vào Trú trì chùa Trường Xuân. Năm 1920, cung thỉnh ngài Trú trì Tổ đình Linh Quang. Năm 1939, Ngài được triều Nguyễn sắc chỉ Tăng Cang và đảm nhiệm Trú trì chùa Bảo Quốc sau này là Phật học đường Bảo Quốc. Sau khi ngài xả báo thân thì được xây tháp tại Tổ đình Linh Quang. Hiện bảo tháp của ngài vẫn còn ở đây.

Riêng chữ Như mà Thiền sư dùng trong bài thi kệ trên đây, có thể nói rằng: thấy rõ ý nghĩa của chữ Như *(lai)* của bậc Đại sĩ Trượng phu là trừ được gốc rễ sự khổ đau; một khi gặp khổ đau họ không còn sợ hãi mà cũng không bị khổ đau dày vò, thân và tâm đều như, tức là bất động. Muốn được cái thù diệu này, loài hữu tình mà đặc biệt là con người, phải tuyệt đối giữ gìn giới hạnh thật trọn vẹn và thanh tịnh. Có như thế mới trừ được mọi gốc rễ của tội lỗi và khổ đau. Không những chỉ giữ gìn giới hạnh mà phải biết phát tâm bồ đề mà phát tâm thật kiên cố. Có đủ tín hạnh nguyện, đừng để thối thất về tín căn.

Tâm bồ đề đã phát và kiên cố rồi thì tợ như mặc áo Như lai (*trước Như lai y*), từ đó thực hành, tu tập theo chánh pháp mới có thể sanh được vào nhà Như lai *(nhập Như lai thất)*, mới được ở trên tòa sen báu *(tọa Như lai tòa)*, ... tâm không còn đắm trước và cũng không vô trước, đạt đến cao thượng, thù thắng, không còn gì hơn được tức là Như. Vì Tâm bồ đề giống như ruộng tốt có thể cho chúng sanh trưởng dưỡng pháp thanh tịnh. Cũng giống như đất, muôn vật nhờ đất mà sinh sống, nhờ đất che chở. Đất là giới luật của Phật vậy. Phát tâm bồ đề tức là giữ giới.

Xin đi sâu một chút vào bài thi kệ bốn câu của Thiền sư Phước Hậu.

Ở câu thứ nhất, Thiền sư nói: *"Kinh điển lưu truyền tám vạn tư"* là ý muốn nói Pháp Phật có tám vạn bốn ngàn pháp môn để tu tập. Đây là con số tượng trưng, để cụ thể hóa chữ "vô số".

Trong vô số pháp môn tu tập này, Ngài khiêm cung nói rằng Ngài không được tu học nhiều: *"Học hành không thiếu, cũng không dư."* Nhưng bốn chữ "không thiếu không dư" cũng không đơn giản là nói sự khiêm cung, mà còn có thể ngầm hiểu rằng đó là con đường trung dung, trung đạo.

Đến câu thứ ba, Ngài dùng chữ *"quên hết"* khiến người đọc hời hợt có thể nghĩ rằng đó kết quả của tuổi già lú lẩn, nhưng kỳ thực là nói công hạnh vô chấp, vô trước đối với sở hành sở chứng của hành giả tu tập. *Tu vô tu tu, hành vô hành hành, chứng vô chứng chứng* (Tứ thập nhị chương) – tu mà không thấy mình tu mới thực là tu, hành mà không thấy mình hành mới thực là hành, chứng mà không thấy mình chứng mới thực là chứng. Diệu nghĩa của chữ "quên hết" là chỗ đó.

Sau cùng là câu: *"Chỉ nhớ trên đầu một chữ Như".* Đây là cách nói cho cụ thể, bằng những từ đơn giản, gần gũi (chỉ nhớ, trên đầu, một chữ), nhưng để chuyên chở tất cả ý nghĩa thượng thừa cao thâm của Phật Pháp qua chữ NHƯ. Quên tất cả nhưng chỉ còn nhớ một chữ Như thôi, nghĩa là không quên gì cả, nghĩa là nhớ tất cả. Bởi vì, Như gồm thâu trọn vẹn con đường tu tập của bồ-tát, là mục tiêu tối hậu của Phật Pháp.

Một đời tu tập và hành đạo của Thiền sư Phước Hậu được đúc kết trong bài thi kệ ngắn bốn câu như thế. Đọc tới đọc lui càng thấy sáng tỏ thêm nhiều vấn đề của Phật Pháp, và còn khích lệ, mở lối cho chúng ta trong sự hành trì.

Tóm lại, bài thi kệ của Thiền sư Phước Hậu đúng là thi kệ của một bậc chân tu đạt đạo. Chỉ có một bậc thượng căn thượng trí mới có thể dùng lời lẽ bình dị mà diễn bày được điều thậm thâm vi diệu của Phật Pháp như vậy. Ngài xứng đáng là bậc thạch trụ tùng lâm của Phật giáo Việt Nam, và bài thi kệ của Ngài cũng xứng đáng là kiệt tác của nền văn học Phật giáo cận đại.

Điều ngự tử Tín Nghĩa

---

không mấy cần thiết đối với họ, bởi người Phật tử biết rằng, chỉ có chính bản thân họ học hiểu và thực hành giáo lý, họ mới đến gần được cứu cánh giải thoát của đức Phật.

Người Phật tử chỉ muốn tạo sự an lạc cho những kẻ khác bằng cách hướng dẫn họ trở về với ánh sáng đạo đức, trí tuệ cùng chỉ cho họ một con đường giải thoát khỏi mọi khổ đau mà thôi. Và ngay từ xưa, tinh thần từ bi này cũng đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến các dân tộc theo Phật giáo, khiến dân chúng thực hiện được nhiều công tác từ thiện hữu ích như thiết lập trên các quốc lộ những nhà tạm trú miễn phí cho khách bộ hành mỏi mệt, hoặc cung cấp thức ăn, nước uống cho người và vật; xây cất những nhà thương thí và phát thuốc không cho các bệnh nhân v.v…

Như vậy, có thể nói rằng thay vì gây ảnh hưởng tai hại cho loài người—như các quốc gia Tây Phương thường bày tỏ--trái lại, Phật giáo là một trong những tôn giáo của thế giới bao hàm nhiều phương pháp tốt đẹp nhất, có thể cải thiện và giáo dục tâm tánh con người. Nó đánh thức nơi con người đức tính tự trọng và tinh thần trách nhiệm bản thân. Phật giáo còn khích lệ sự tiến bộ tinh thần bằng cách tán dương năng lực suy tưởng của chính con người. Nó phổ biến trong nhân loại đức tánh khoan dung và giúp cho loài người thoát khỏi bệnh cuồng tín cố chấp hẹp hòi vì tín ngưỡng quốc gia. Nó phát huy trong nhân loại đức tính từ bi, tình huynh đệ, cùng dứt trừ được nơi con người lòng sân hận và bạo tàn.

Nói tóm, Phật giáo đã nêu cao tinh thần tự tín bằng cách dạy rằng số phận con người nằm trong tay của nó, và chính con người có đủ tiềm lực để phát triển những đức tánh tốt đẹp, hầu đạt đến qủa vị giải thoát, chứ Thượng Đế và đức Phật không bao giờ có thể giúp con người điều ấy. Cho nên, tự trọng, tự tín, khoan dung, từ bi, trí tuệ là những đức tánh tốt đẹp có thể tạo được cho nhân loại nhờ ảnh hưởng của Phật giáo. Và trong một quốc gia mà mọi dân chúng đều thấm nhuần những đức tính ấy thì chắc chắn là hạnh phúc, hòa bình sẽ hiện đến và một quốc gia như thế sẽ là một quốc gia kiểu mẫu cho toàn thế giới, một nhân gian tịnh độ vậy.

Trích tập *"Influence of Buddhism On A People"* phát hành tại Tích Lan (Sri Lanka)

Khai kinh sửa dấu lạc vần

Thơ ta là cá lòng tong
Bơi quanh những sợi bòng bong rối bời
Một mai về cõi không lời
Thơ là dấu lặng giữa trời đầy sao
Phiêu linh cổ lụy ba đào
Giày trần vệt gót non cao dặm dài
Sương chiều vỡ nắng ban mai
Nghe con dế trũi miệt mài kêu trăng
Thơ ta là dậu bằng lăng
Em ra hoa tím nhuộm bằng màu tim
Chờ hoa rụng hết đi tìm
Bỗng dưng thấy cõi im lìm là thơ
Người về mang một giấc mơ
Đêm ru giấc ngủ đợi chờ phù vân
Về thôi tu giữa bụi trần
Khai kinh sửa dấu lạc vần trong thơ.

(San Antonio, tuần cuối 01-2011)

TRẦN KIÊM ĐOÀN

QUAN NIỆM SỬ HỌC CỦA DUY THỨC

Người giảng: **Pháp Sư PHÁP PHẢNG**
Người dịch: ***THẮNG HOAN***

(tiếp theo kỳ trước)

CHƯƠNG III

LỊCH SỬ PHẬT HỌC TRUNG QUỐC XEM DUY THỨC HỌC

I.- QUAN NIỆM KHÁI LƯỢC VỀ LỊCH SỬ PHẬT HỌC TRUNG QUỐC:

Căn cứ trên phương diện Phật Học Đại Thừa, Duy Thức Học tại Trung Quốc là một tông phái vô cùng quan trọng, tông phái rất chú trọng về lý học và cũng rất quan hệ với các tông phái khác trên lãnh vực lý học. Ở đây, chúng ta nên bắt đầu từ nơi sự thật về lịch sử của Phật Học Trung Quốc để nghiên cứu Duy Thức Học, nghĩa là chúng ta phải căn cứ tổng quát về quá trình phát triển của Phật Học Trung Quốc để tìm hiểu Duy Thức Học.

A.- QUAN NIỆM KHÁI LƯỢC LỊCH SỬ PHẬT GIÁO TỪ ĐỜI ĐƯỜNG TRỞ VỀ TRƯỚC:

Các học giả cận đại có nhiều thuyết khác nhau về niên đại Phật Giáo truyền vào Trung Quốc. Chung quy họ đều cho rằng, niên đại Phật Giáo truyền vào Trung Quốc là vào khoảng năm Vĩnh Bình thứ 10 đời Đông Hán. Phật Giáo phát xuất từ Ấn Độ, xuyên qua Tây Vực và truyền vào Trung Quốc. Phật Giáo trong thời kỳ này được xem là một thứ văn hóa ngoại lai, mặc dù các nhà truyền giáo chỉ chú trọng về sự phiên dịch mà thôi. Các nhà phiên dịch của Phật Giáo khai mở đầu tiên kể từ cuối nhà Hán gồm có An Thế Cao, Chi Lâu Ca Sấm (họ đến Lạc Dương vào Kỷ Nguyên 167 Tây Lịch). Đến thời Tam Quốc, lại có thêm các nhà phiên dịch như Chi Khiêm, Khương Tăng Hội, Duy Kỳ Nan, v.v... Các kinh điển được phiên dịch trong thời kỳ này là Lục Độ Tập Kinh, Pháp Cú Kinh, v.v... Sự nghiệp phiên dịch của Phật Giáo dần dần chiếm địa vị phát triển. Quốc gia tuy ở thời kỳ chiến loạn, nhưng nhân dân trong nước từ từ tiếp nhận Phật Giáo mới đến một cách an lạc.

Ở thời Tây Tấn, tuy quốc gia vừa mới ổn định, nhưng học phong của Phật Giáo đã đứng vững trong thời Tam Quốc. Phật Giáo đã được triều đình và nhân dân tín ngưỡng theo. Các cao tăng Tây Vực nối gót nhau đến Trung Quốc tiếp tục giới thiệu món ăn tinh thần mới. Cho nên kể từ đây trở về trước, sự nghiệp phiên dịch rất thạnh hành. Các dịch giả đáng kể nhất của thời Tây Tấn như ngài Trúc Pháp Hộ, người Tây Vực đến Trường An và Lạc Dương (năm 366 Tây lịch). Các kinh do ngài phiên dịch từ chữ Phạn ra chữ Hán gồm có: Kinh Quang Tán, Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Thập Địa, Kinh Đại Ai, Kinh Bát Nê Hoàn, v.v... Còn ngài Trúc Pháp Lan dịch Kinh Bát Nhã, v.v...

Đến thời Đông Tấn, Phật Giáo sở dĩ được hoằng truyền rộng lớn là nhờ các Đại Đức người Tây Vực đến Trường An khai mở, như ngài Phật Đồ Trừng giảng Thiền Học, ngài Cưu Ma La Thập giảng Kinh Bát Nhã, ngài Tăng Già Đề Bà dịch Tỳ Đàm. Đáng kể nhất, các cao tăng của người Đông Tấn xuất hiện như Di Thiên Thích Đạo An người thấy xa hiểu rộng, Pháp sư Huệ Viễn tổ sáng lập phái Tịnh Độ và bốn nhà Triết Học uyên thâm của phái La Thập là ngài Đạo Sinh, ngài Tăng Triệu, ngài Đạo Dung và ngài Tăng Duệ.

Sự phiên dịch của Phật Giáo trong thời kỳ này gồm có Kinh Luận của Tiểu Thừa và Đại Thừa. Toàn bộ ba Tạng của Tiểu Thừa chỉ dịch xong A Hàm, Luật Bộ và Thành Thật, v.v... Nhưng ba Tạng Kinh Luận của Đại Thừa thì đã dịch Thiền Học, Pháp Hoa, Kim Cang, Bát Nhã, Tam Luận, v.v... Cho thấy Kinh Luận của Tiểu Thừa và Đại Thừa xem qua thật là phong phú vượt bực chưa từng có. Cũng trong thời kỳ này, ngài Đạo An đề xướng Luật Học áp dụng cho Thiền Học để đại chúng hành trì. Ngoài ra, ngài La Thập và các đệ tử của ngài hoằng dương Tam Luận, Bát Nhã, Thành Thật. Riêng Học Thuật Trung Quán vừa mới thành lập tông phái tại Trung Quốc. Hơn nữa, Pháp Hoa của ngài La Thập lại nhờ các bậc cao tăng như: Huệ Văn, Huệ Tư, Trí Giả tuyên dương thành tông phái. Học phong của những hệ phái nói trên rất thạnh hành tại Kinh Lạc Giang nơi Giang Bắc.

Còn ở Giang Nam, ngài Tuệ Viễn lại căn cứ nơi Tông Bát Nhã để phát huy Tông Tịnh Độ. Ngài Tăng Già Đề Bà dịch thuật và hoằng truyền A Tỳ Đàm. Có thể nói phong trào nghiên cứu Phật Học trong thời kỳ này càng thêm thạnh hành và vượt bực hy hữu. Hơn nữa lại có một người đặc biệt thật đáng đề cao trên hết, đó chính là lưu học sinh Pháp Hiển. Ngài Pháp Hiển là người duy nhất của Trung Quốc, đã thành công một cách vẻ vang tại Ấn Độ trong thời gian du học. Ngài chẳng những có công không nhỏ đối với Phật Giáo Trung Quốc và Ấn Độ, đồng thời cũng đem lại cho Trung Quốc một khích lệ hết sức to lớn trong việc công tác thám hiểm Tây Phương cận đại.

Kế đến là Phật Giáo trong thời đại Nam Bắc Triều. Trước hết trong thời Nam Triều, các vị tăng Tây Vực từ phương đông đến rất nhiều, như ngài Đàm Ma Mật Đa người nước Kế Tân, ngài Cương Lương Da Xá, ngài Cầu Na Bạt Ma, ngài Tăng Già Bạt Ma, ngài Bồ Đề Đạt Ma, ngài Tam Tạng Chân Đế, v.v... Trong số này chỉ có hai ngài có công rất lớn trong việc phát huy hai tư tưởng Thiền và Duy Thức nổi tiếng là ngài Bồ Đề Đạt Ma người kiến lập Thiền Tông và ngài Tam Tạng Chân Đế người đầu tiên truyền dịch và thiết lập Câu Xá Tông. Lúc bấy giờ, danh tăng của Nam Triều gồm có: ngài Huệ Văn, ngài Huệ Tư, ngài Trí Giả, v.v... kiến lập Chỉ Quán và sáng lập Thiên Đài Tông (Thiên Thai Tông). Ngài Huệ Khả, v.v... truyền thừa Thiền Tông. Học giả Chân Đế thiết lập Nhiếp Luận Tông (về sau Tông này mở đầu cho Duy Thức Tông). Ngoài ra, Ngài Huệ Quán và ngài Tạ Linh Vận lại thiết lập Niết Bàn Tông. Sự thạnh hành nghĩa học của Lưỡng Tấn thì vẫn bất diệt trong thời đại này.

Tiếp theo trong thời Bắc Triều, ngài Đàm Vô Sấm (năm 412) dịch Kinh Đại Niết Bàn, Kinh Kim Quang Minh, Kinh Lăng Nghiêm, v.v... Ngài Bồ Đề Lưu Chi (năm 508), ngài Phật Đà Phiến Đa (năm 525), ngài Lặc Na Bạt Đề (508) cùng nhau dịch Thập Địa Kinh Luận và Duy Thức Luận của ngài Vô Trước và ngài Thế Thân. Những kinh luận này về sau được truyền đến đất Bắc. Kế tiếp ngài Huệ Quang nghiên cứu Luật Tứ Phần và thành lập Luật Tông (Hoàng Sử, Dương Sử và Tông Phái Nguyên Lưu).

Theo Lịch Sử Phật Giáo Trung Quốc, kể từ bắt đầu du nhập cho đến thời Nam Bắc Triều, 600 năm đó có thể cho là thời đại tiếp nhận Phật Giáo. Thứ đến thời đại Tùy Đường được gọi là thời đại Phật Giáo dung hóa. Đặc biệt hơn, thời đại Tống Minh mới chính là thời đại Phật Giáo chân chánh. Phật Giáo trong thời đại này trở thành một thứ huyết mạch của văn hóa Trung Quốc không thể phân ly.

Riêng Duy Thức Học trong thời kỳ Phật Giáo du nhập Trung Quốc, nghĩa là trong khoảng 500 năm đầu, trước ngài Chân Đế, thành thật mà nói không có dấu vết nào cả của một học phái. Nguyên do những điển tích thành lập Pháp Tướng Duy Thức Học hoàn toàn không thấy ghi lại.

Mãi đến thời Tùy Đường, Phật Giáo gồm có 8 Tông và 10 Phái bao hàm Đại Thừa và Tiểu Thừa, Hiển Giáo và Mật Giáo cùng nhau phát triển. Ánh hoa rực rỡ chưa đủ để chứng minh cho sự thạnh hành của Phật Giáo Trung Quốc. Kể từ đây Phật Giáo có thể nói thừa sức sống đi lên sau này.

(còn tiếp)

Dòng Thơ Cuối

Không còn bao nhiêu lời cho em,
môi anh đóng băng,
ngày và đêm tê cóng trên da, trên
đầu, trên vai, trên lưng, trên từng

sợi tóc bạc... Năm mới
ùa qua cửa sổ, gió lạnh buốt xương
anh, từng tế bào run rẩy, chân anh
khụy xuống... Lặng lẽ anh đưa tay

níu lại từng ngày, chụp
các nỗi vui chưa kịp đến... Em
hãy nhìn cho kỹ, có thấy gì
đêm nay, khói sương anh thở vào

người, trăng đêm treo cao là khuôn
mặt em, khắp trời sao bay rơi rụng...

Không còn bao nhiêu lời cho em,
anh ngồi giữa ánh trăng, chép xuống
cho cạn mực đêm nay, những lời
cuối còn đẫm khói sương...

những dòng thơ cuối trong đời
anh đem tặng hết cho em
và ngày mai sẽ làm kẻ vô gia cư
lang thang giữa trời trăng sao

sẽ không còn lời nào trong đời anh
khi bầu trời trở thành giấy
khi sao bay trở thành dòng mực
và khi em là vầng trăng...

Last Lines of Poetry

Not many worrds left for you
my lips become icy
days and nights freeze on my skin, on my head, on my shoulders, on my back, and

on every strand of white hair tonight... New year comes through the window, blows
chilly wind into my bones, quivers my every cells, and shakes my legs... My hands softly

try to grasp every day, catching the still-far-away joy... You should watch carefully to see that
the fog tonight becomes my

breaths, that the midnight moon is your face among the stars fading away...

Not many words left for you
I sit under the moonlight, write down until no ink remains, and see my last words soak in fog and smoke...

my last lines of poetry in my life now become gift for you
and tomorrow I will live a homeless life, wandering under the light of moon and stars

no more words in my life
when the sky becomes a piece of paper, when the flying stars become ink lines
and when you are the moon…

PHAN TẤN HẢI

PHẬT GIÁO VÀ NGƯỜI HY-LẠP

Đào Viên

1. Vua Hy-Lạp A-Lịch-Sơn Đại -Đế Chinh phục Ấn-Độ

Mùa Thu năm 334 trước Tây Lịch (TTL), vua A-Lịch-Sơn Đại-Đế (Alexander the Great) của nước Hy-Lạp bắt đầu cuộc chinh phạt Đông tiến. Nhà vua thấy nhà hiền triết Aristotle – cũng là ông thầy dậy học mình – nói về Ấn-Độ như là một dải đất mênh mông xa tít mù tắp tận chân trời, nên cảm thấy hứng thú phải đi chiếm lấy và để đem nền văn minh Hy-Lạp gieo rắc cho các dân bản xứ.

A-Lịch-Sơn nối ngôi vua cha là vua Phillip II, vua xứ **Macedonia** [1], Hy-Lạp, khi đó đã tóm thâu các nước xung quanh, kể cả nước Ba Tư (Persia) mà làm nên một đế quốc rộng lớn. Vua Phillip II vẫn chưa hài lòng với đế quốc của mình, theo truyền thuyết, đã bảo con Alexander là: "*Con à! Chắc con phải thấy nước ta chưa đủ lớn cho hoài bão của con. Nước Macedonia quá nhỏ đối với con*"

Hưởng thụ một bộ máy chiến tranh vô địch của vua cha, **A-Lịch-Sơn** cầm đầu một đội quân sáu chục ngàn người, chưa kể một số tư tưởng gia, khoa học gia luôn luôn đi theo vua A Lịch Sơn, Đông tiến, chinh phục Ấn-Độ. Đoàn quân tiến hành rất chậm. A-Lịch-Sơn đã phải mất 7 năm mới tới sông Ấn Hà (Indus).

Vương quốc Macedonia (kéo dài từ Greece đến Pakistan ngày nay) của A-Lịch-Sơn Đại đế

Trước đó, đoàn quân đã vượt qua A-Phú-Hãn (Afghanistan), đến miền Ngũ Hà, tức là Punjab của Pakistan ngày nay. Sau khi vượt qua một con sông lớn, họ đã tới Taxila, một thị trấn sầm uất có nhiều thương gia đi qua trên con đường Tơ Lụa. Ở Taxila, A-Lịch-Sơn đã trông thấy nhiều nhà tu hành và những đệ tử của họ, sống một cuộc đời khổ hạnh, gần như trần trụi, chỉ quan tâm đến đời sống tinh thần hơn là những tiện nghi vật chất bên ngoài. Họ là những người Bà La Môn hay theo đạo Kỳ Na Giáo hay là Jainism Ấn-Độ.

Vua A-Lịch-Sơn rất chú ý đến những người này, khi thấy họ có một sức chịu đựng mãnh liệt, tự kiểm soát được mình không bị ảnh hưởng ngoại lai xô đẩy. Vì muốn có một tu sĩ như thế trong đoàn quân viễn chinh của mình, vua A-Lịch-Sơn cùng quần thần là những tư tưởng gia Hy-Lạp liền mời một nhà sư đến nói chuyện. Ông này, theo sử sách Hy-Lạp, tên là **Dandamos**, đến nhưng không chịu trả lời những câu hỏi của triều đình Hy-Lạp.

Sau cùng ông hỏi lại: "*Tại sao Ngài đã phải đến đây từ quá xa vậy? Tôi cũng có nhiều đất đai như Ngài và như những người khác. Dù ngài có chiếm giữ được tất cả sông ngòi, Ngài cũng không thể uống nước nhiều hơn tôi. Bởi vậy, tôi không sợ hãi, tôi không bị thương tích, tôi không đi phá hủy những thị trấn. Tôi cũng có đất đai, nước uống như Ngài. Tôi có đầy đủ tất cả. Thưa Ngài! Ngài hãy học điều hiểu biết khôn ngoan này của tôi. Đó là: đừng có mong cầu điều gì và Ngài sẽ có đầy đủ mọi chuyện*"

A-Lịch-Sơn để ngoài tai lời khuyên đó. Đoàn quân viễn chinh của A-Lịch-Sơn vẫn tiếp tục sứ mạng chinh phục. Một năm sau, khi tới con sông Beas của vùng Punjab, Pakistan, đoàn quân này đã phải ngưng lại, rồi phải rút lui, không phải bị ai đánh bại, mà chỉ vì quân đội bắt đầu chán chường mỏi mệt. Mười tám tháng sau, A-Lịch-Sơn đưa quân về đến Babylon, thuộc Mesopotamia, bây giờ là Irak, thì ngã bệnh mà qua đời. Khi ấy ông mới 32 tuổi, chưa kịp thấy Ấn-Độ là thế nào. Ông để lại một triều đình Hy-Lạp bắt đầu tan rã.

2. Sứ Thần Megasthenes của *Vua Hy-Lạp tại triều đình Mauryan.*

Trong khi ấy, bên Ấn-Độ, năm 324 trước Tây lịch, tại tiểu bang Magadha, phía nam của bộ tộc Shakya (Thích Ca) của Đức Phật, bây giờ là Nepal, một tướng lãnh của bộ tộc **Mauryan**, tên là Chandragupta, nổi lên cướp ngôi vua lập ra triều đại Mauryan, đóng đô tại Pataliputa (Hoa Thị). Đây là một triều đại lớn của Ấn-Độ kéo dài 137 năm.

Công việc đầu tiên của vua Chandragupta là đuổi nốt tàn quân của A-Lịch-Sơn đi, giữ gìn biên giới phía Tây tới con sông Indus, ngăn chặn ngoại xâm, kế đến là dẹp loạn trong nước. Triều đình Hy-Lạp không thể dùng võ lực xâm chiếm Ấn-Độ như trước nữa, đã phải gửi một sứ giả ngoại giao đến vua Chandragupta. Ông này tên là **Megasthenes** sống trên 10 năm tại Ấn-Độ, trước khi mãn nhiệm kỳ. Về nước, ông viết một cuốn hồi ký tên là "*Indika*" kể lại xứ sở Ấn-Độ, triều đình vua Chandragupta, cùng những nhà hiền triết Ấn Độ.

Mặc dầu ông đã sống trên 10 năm tại đây, chỉ ít lâu sau Đức Phật Thích Ca nhập diệt, Megasthenes trong sách '*Indika"* không đả động gì đến Phật giáo, bởi lẽ những nhà hiền triết ông gặp đều là những người Bà La Môn, cũng như là chính vua Chandragupta. Hơn nữa đạo Phật khi đó chưa lan tràn ngay trên lục địa Ấn-Độ, mà vẫn chỉ loanh quanh vùng đất gần Nepal.

Phải chờ đến năm 273 trước Tây Lịch, khi cháu nội của vua Chandragupta là vua **A-Dục** (Ashoka) lên nối ngôi, thay thế vua cha Bindusara, con của Chandragupta, Phật giáo mới có cơ hội bành trướng ra khắp mọi nơi, đặc biệt đến những nơi có người Hy-Lạp sinh sống.

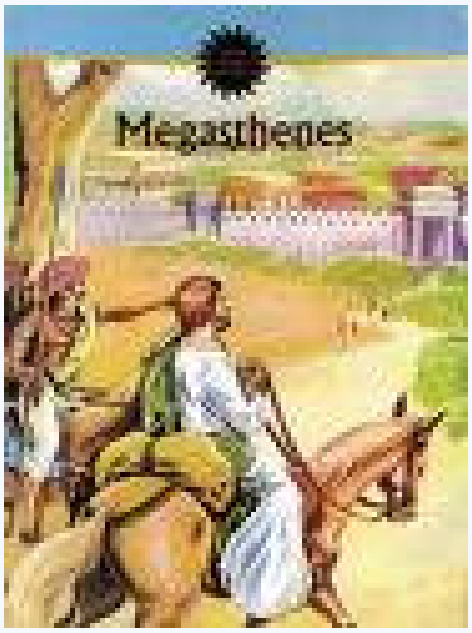

Sứ thần Hy Lạp Megasthenes

Kể từ đấy, chúng ta thấy đã có nhiều người Tây phương theo đạo Phật. Trong số này có một ông vua người gốc Hy-Lạp là một Phật tử thuần thành, sau đó đã xuống tóc đi tu, đắc chứng quả A La Hán.

Vua A-Dục là một hoàng đế hăng say chiến tranh để mở mang thêm bờ cõi vương quốc Mauryan. Vào năm thứ tám sau khi lên ngôi, ông gửi quân xâm lăng đến vương quốc nhỏ Kalinga, chưa chịu thần phục. Ông đã chiến thắng. Đây là một trận chiến tranh tàn khốc trong đó 100,000 người bị tàn sát, 150,000 người bắt làm tù binh và số người bị liên lụy còn đông hơn nhiều lần như thế. Sau khi nghe được tình trạng tổn thất nặng nề do đạo binh của mình gây ra, vua A-Dục cảm thấy ăn năn hối hận vì đã làm một tội ác ngập trời. Ông trở nên một Phật tử, dành cuộc đời con lại tận lực gia công hoằng dương Phật Pháp ngay tại trong nước cũng như ra ngoài xứ Ấn-Độ.

Sau khi trị vì ngôi báu được 36 năm, vua A-Dục già yếu lơ là việc triều chính. Ông đã băng hà năm 231 trước Tây lịch để lại một vương quốc bắt đầu suy tàn. Những lời giáo huấn của Đức Phật như cấm sát sanh, không gây hấn, giải quyết mọi chuyện bằng đường lối hòa bình, được vua A-Dục ban ra, là những đường lối chánh trị dường như làm cho nhóm quân đội trong triều mỗi ngày một yếu thế, mất quyền lực. Bốn mươi hai năm sau, vua A-Dục băng hà, vị tướng lãnh cầm đầu quân đội vương quốc, ông Pushyamitra, nổi lên, ám sát chết nhà vua đương thời, đưa vương quốc Mauryan vào một cuộc khủng hoảng, rối loạn. Pushyamitra theo đạo Bà La môn cũng như Chandragupta, thay đổi chính sách, gây ra nhiều mâu thuẫn trong nước, khiến Pushyamitra phải đánh đông dẹp bắc, để biên thùy ngõ cửa cho quân ngoại xâm.

3. Vua Hy-Lạp Demetrius và vua Hy-Lạp Menander

Quân ngoại xâm đến là từ ông vua người gốc Hy-Lạp, Demetrius, đang trị vì một vương quốc tại Bactria (Đại Hạ), bây giờ là A-Phú-Hãn (Afghanistan). Demetrius thấy đây là cơ hội ngàn năm một thủa để thực hiện hoài bão bất thành của hoàng đế Hy-Lạp A-Lịch-Sơn Đại-Đế.

Năm 182 trước Tây Lịch, Demetrius đem quân vào Ấn-Độ, chiếm được Taxila rồi Gandhara, bây giờ là Pakistan. Chỉnh đốn xong hàng ngũ, vua Demetrius cùng bộ tướng Menander đem quân Đông tiến tràn vào Ấn-Độ.

Menander – sau này Phật Giáo Nam Tông tiếng Pali gọi ông là **Milinda** và Hán tạng phiên âm là **Di Lan Đà** – là người Hy-Lạp đầu tiên đã qua được sông Beas, nơi mà A-Lịch-Sơn Đại-Đế đã phải dừng chân, không thể qua sông mà rút quân về. Menander đã nhanh chóng tiến vào vương quốc Mauryan, chiếm được thủ đô Patiluputra (Hoa Thị) của vua A-Dục ngày xưa.

Đến đây thì, quân viễn chinh Hy-Lạp đã không còn được may mắn nữa.

Thời lai đồ điếu thành công dị
Vận khứ anh hùng ẩm hận đa.

Tin tức từ quê nhà đưa đến bản doanh của Demetrius là thủ đô Bactria (Đại Hạ) có chính biến do Eucratidès cầm đầu. Nhà Vua ủy thác cho Menander về đóng giữ vùng Ngũ Hà, còn mình thì trực chỉ về Đại Hạ để dẹp nội loạn. Nhưng khi đến gần thủ đô thì vua Demetrius bị Eucratidès phục kích giết chết. Bấy giờ là năm 167 trước Tây lịch. Từ đó, Vương quốc Đại Hạ tách ra làm hai: Vương quốc miền Tây do Eucratidès cai trị, và vương quốc miền Đông do Apollodots I (em ruột Démétrios) cai trị. Đến năm 163 trước Tây lịch, Apollodotes I bị Eucratidès tiến đánh và giết chết luôn, Menander lên kế vị và dời đô từ Taxila về Sagala (Xá Kiệt) ở chân núi Hy Mã Lạp Sơn, giữa Udiyama, bây giờ là thung lũng Swat Valley, Pakistan và Sialkot thuộc Punjab (Ngũ Hà).

Sử sách Hy-Lạp không nói nhiều về ông vua Hy-Lạp Menander này, có lẽ bởi vì tuy ông giòng giõi Hy-Lạp – cha là người Hy-Lạp, mẹ là người Trung Á (Middle East) – nhưng sinh sống và trưởng thành tại A-Phú-Hãn. Ông chưa bao giờ về Hy-Lạp.

Tại Sagala, vua Menander đã dành cuộc đòi còn lại nghiên cứu Phật Pháp. Sử sách Phật giáo Nam Tông bằng tiếng Pali mô tả Menander là một ông tướng Hy-Lạp tài ba, một nhà lãnh tụ chính trị sáng suốt và là một Phật Tử Hy-Lạp thuần thành. Cuộc đời hành đạo của vua Menander xảy ra thế nào, không ai biết rõ. Sử sách Pali Phật giáo Nam Tông cho rằng Menander đã đạt chứng quả A La Hán.

Vua Menander – hay là Milinda theo sử sách Phật Giáo Nguyên Thủy viết bằng tiếng Pali, hay là Di Lan Đà theo Hán tạng– đã có một cuộc tham vấn Phật học với một nhà sư đắc đạo theo truyền thống Nguyên Thủy tên là **Nagasena**, phiên âm sang tiếng Việt là Tỳ Kheo **Na Tiên**.

(đón đọc kỳ 2: Cuộc đối thoại giữa vua Di Lan Đà và Tỳ Kheo Na Tiên, Di tích của người Hy Lạp tại Ấn Độ)

Chú thích:

1) *Macedonia là một đế quốc Hy-Lạp rộng lớn ngự trị bởi vua Phillip II. Sau khi Phillip II bị ám sát chết, con là A-Lịch-Sơn (Alexander) lên nối ngôi, tước hiệu là Đại-Đế Hy-Lạp. Đến năm 148 trước Tây Lịch thì bị La Mã (Ý Đại Lợi) xâm chiếm và cai trị.*

THÀNH KÍNH TRUY NIỆM

Đại Lão Hòa Thượng THÍCH BẢO AN, Trưởng Môn phái Chúc Thánh (tại Bình Định, Quảng Ngãi và Phú Yên), Viện chủ Tổ Đình Phổ Bảo Bình Định, thành viên Hội Đồng Trưởng Lão Viện Tăng Thống GHPGVNTN, nguyên Đặc Ủy Tăng sự GHPGVNTN tỉnh Bình Định khóa II, Đặc Ủy Cư sĩ GHPGVNTN tỉnh Bình Định khóa III, đã thâu thần thị tịch vào lúc 01 giờ 45 phút sáng ngày 22 tháng Giêng năm Tân Mão (nhằm ngày 24 tháng 2 năm 2011) tại Tổ đình Phổ Bảo, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, Bình Định. Trụ thế: 98 năm, 70 Hạ lạp.

Ni Trưởng THÍCH NỮ BẢO NGUYỆT, Viện chủ Diệu Giác Ni Tự, đã an nhiên thâu thần thị tịch vào lúc 4 giờ sáng Chủ Nhật, ngày 20 tháng 02 năm 2011 (nhằm ngày 18 tháng Giêng năm Tân Mão) tại Chùa Diệu Giác, Quận 2, Sài-gòn, Việt Nam, thọ thế 69 năm, với 43 hạ lạp.

Thay mặt Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Hoa Kỳ, nhất tâm nguyện cầu chư giác linh cao đăng Phật Quốc, hồi nhập Ta Bà giáo hóa chúng sinh. Xin thành kính phân ưu cùng môn đồ pháp quyến trong và ngoài nước của chư giác linh tân viên tịch.

Kính mong chư tôn đức Giáo Phẩm Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni hành đạo tại hải ngoại, tùy hoàn cảnh sở tại, thiết lễ cầu nguyện và truy niệm công đức của chư giác linh.

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật
Thành kính truy niệm,
Sa Môn Thích Trí Chơn
Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ

NGỦ VÀ ĐI BỘ TRONG THIỀN ĐỊNH

Thị Giới dịch

Ngủ Với Tâm Bồ Đề
(Lama Zopa Rinpoche, Making Life Meaninful)

Có nhiều phương pháp thiền có thể thực hành trước khi ngủ. Có những phương pháp thiền định sâu xa trong mật giáo, nhưng một cách tổng quát, bạn có thể phát triển tâm bồ đề bằng suy nghĩ: "Mục tiêu cuộc đời tôi là giải thoát tất cả chúng sanh khỏi đau khổ và hướng dẫn họ đến hạnh phúc, nhất là sự hạnh phúc vô thượng của giác ngộ. Tôi có bổn phận nầy cho toàn thể pháp giới. Để thành tựu việc nầy, trước tiên tôi phải tự thân giác ngộ, do đó tôi phải tu tập thiền định trong giấc ngủ." Với động lực phát triển tâm bồ đề, bạn đi vào giấc ngủ.

Một phương pháp thường được áp dụng khác là quán tưởng vị thầy của mình trên gối ngủ, và khi nằm xuống, tưởng tượng như nằm trên đùi của thầy. Sau đó, với lòng sùng kính, quán tưởng thầy là một với đức Phật, phát ra lòng từ bị bao la đến khắp cả chúng sanh, và ngủ. Nếu thực hành phương pháp nầy, suốt giấc ngủ của bạn là một giấc ngủ đong đầy đạo đức, nguyên nhân cho đời sống hạnh phúc. Như vậy, bạn ngủ với lòng sùng kính đối với vị thầy, đối với đức Phật, và với lòng từ bị đối với hết thảy chúng sanh bằng việc nghĩ tưởng đến sự đau khổ của họ.

Bạn cũng có thể nghĩ khi ngủ bạn đang ở trong cõi tịnh độ của đức Phật, Bồ tát mà bạn đang tu tập. Thực hành nầy sẽ tạo ảnh hưởng sâu sắc trong tâm thức và tạo thiện nghiệp để được sanh vào cõi tịnh độ đó.

Bạn cũng có thể đi ngủ với ý tưởng từ bỏ, quán chiếu tính chất đau khổ của luân hồi, vô thường, chết v.v... hoặc thiền quán về tánh không hay tính duyên khởi, nhìn mọi sự như một giấc mơ hay một ảo ảnh, chỉ là những nhãn hiệu do tâm thức gán cho. Nếu bạn đi ngủ với tâm quán niệm rằng mọi sự vật hiện ra trước mắt do tâm thức dán nhãn hiệu cho chỉ là một giấc mơ, một ảo giác, sẽ giúp bạn nhận ra giấc mơ là giấc mơ và thực hành việc tu tập trong cả giấc mơ.

Thực hành bất cứ phương pháp nào ở trên, giấc ngủ của bạn sẽ là giấc ngủ trong chánh pháp và đức hạnh.

Thiền Đi Bộ (Hành Thiền)
(Walking Meditation của Ajahn Brahm)

Thiền đi bộ rất là tuyệt diệu, nhất là vào lúc sáng sớm. Thường thường khi chúng ta thức dậy vào buổi sáng, nhất là những người không có thói quen dậy sớm, cơ thể mệt mỏi và tâm thức lu mờ. Một trong những ưu điểm của Thiền Đi Bộ là chúng ta không bị ngủ gục khi đi bộ. Nếu mệt mỏi, đi bộ cũng làm kích thích một số năng lượng và tạo một trạng thái an bình.

Thiền Đi Bộ được đức Phật tán thán và thực hành. Đọc kinh điển, chúng ta thấy đức Phật thường đi bộ vào sáng sớm. Ngài không ngồi; ngài đi.

Nhiều vị tu sĩ, tăng và ni, đã giác ngộ trong lúc đi bộ. Đó là một cách rất có hiệu quả cho việc phát triển tâm an tịnh và nội chiếu. Tôi có biết một số vị tăng ở Thái Lan, phương pháp tu tập chính của các vi đó là đi bộ tham thiền. Các ngài rất ít ngồi, nhưng đi bộ rất nhiều, và nhiều vị đã đạt được sự quán chiếu sâu xa trong lúc đi bộ.

Một ích lợi khác của thiền đi bộ là rất thích hợp với những người gặp khó khăn trong việc ngồi lâu. Nếu thấy khó ngồi vì cơ thể bị đau khi ngồi lâu thì phương pháp rất thích hợp là đi bộ tham thiền.

Đừng cho rằng thiền đi bộ là loại "thiền hạng hai." Nếu bạn muốn dùng nhiều thì giờ vào việc đi bộ tham thiền thì đừng ngại. Nhưng hãy thực hành một cách cần mẫn và cẩn trọng. Quan sát xem bạn có đạt được niềm hạnh phúc từ sự yên bình khi bước đi hay không.

Xuân

Tha hương đón Tết giữa mùa Đông
Giao thừa băng giá luống chạnh lòng.
Mơ về xuân cũ nơi quê mẹ
Xuân mới vui tươi đón ánh hồng.
Chợ hoa đào thắm với mai vàng
Muôn hồng ngàn tía, cúc, huệ, lan...
Cam quýt, bưởi bồng trăm thứ quả
Phố phường tấp nập vạn người qua.
Hớn hở trẻ con khoe áo mới
Lì xì mừng tuổi kính yêu già.
Vui vẻ ăn chơi ba ngày Tết
Tri ân tưởng niệm đến ông bà...
Âm thầm đón Tết ở phương xa
Bận làm công việc chẳng ở nhà
Mẹ cha, con cháu không sum họp
Không viếng bà con, chẳng hội hè.
Xứ người đích thực xuân chưa đến
Nắng mới chưa về xuân vắng hoa.
Bạn bè hờ hững nơi quê lạ
Mừng xuân chỉ có một mình ta!

Đón giao thừa

Cổ Lâm trầm tịnh đêm giao thừa
Thiên hạ cùng nhau đến lễ chùa
Tâm thành khẩn nguyện lên chư Phật
Cầu cho thế giới được thanh bình.
Quỳ trước Phật đài dâng nén hương
Đèn hoa rực rỡ, khói trầm thơm
Ngoài kia sương tuyết mờ nhân ảnh
Ngập trời mây xám dựng xây thành.
Múa lân đốt pháo tưng bừng
Pháo hoa sáng rực núi rừng Cổ Lâm.
Quỳ trước điện Phật thành tâm
Hương đèn hoa quả khói trầm quyện bay
Mừng xuân Di Lặc về đây
Đón giao thừa lại tháng ngày
thong dong.
Từ bi hoan hỉ bao dung
Nhất tâm niệm Phật một lòng về Tây.

NGUYÊN KIM

TU LÀ CHUYỂN NGHIỆP

Duyên Hạc Lê Thái Ất

Tội nghiệp! Quả báo hay **Nghiệp báo** là những tiếng ghép đôi dân gian thường dùng khi tỏ ý sót thương một người khổ não hay tỏ ý đáng tiếc một việc không hay đã xẩy ra. Phật học nói đến Tam Nghiệp gồm có Thân Nghiệp, Khẩu Nghiệp và Ý Nghiệp. Phật học cũng nói đến Nghiệp Nhân và Nghiệp Quả, nói tắt là Nhân và Quả.

I- TAM NGHIỆP VÀ PHÂN BIỆT NHÂN VỚI QUẢ

Theo từ ngữ, tiếng đơn NGHIỆP (tiếng Sanskrit: Karma) có nội dung diễn tả một việc làm, một sự kiện do một vai trò thực hiện: Do Thân đảm trách gọi là *Thân Nghiệp*, do miệng đảm trách gọi là *Khẩu Nghiệp*, do Óc đảm trách gọi là *Ý Nghiệp*. Nói đến Tam Nghiệp là có hàm ý chú trọng đến vai trò diễn xuất. Nói cách khác, Tam Nghiệp trình bầy sự xếp loại Nghiệp trong Phật học lấy vai trò thực hiện làm tiêu chuẩn phân biệt.

Sự phân biệt *Nghiệp Nhân* với *Nghiệp Quả* khó nhận ra, không dễ dàng như trường hợp Tam Nghiệp Thân, Khẩu và Ý.Theo từ ngữ NHÂN có nghĩa cụ thể là hạt giống, nghĩa trừu tượng là nguyên do, lý do chính tạo nên một sự kiện như gieo hạt giống xuống đất sẽ mọc lên cây có trái. QUẢ có nghĩa cụ thể là trái cây, nghĩa trừu tượng là kết cuộc một sự kiện như trồng cây để lấy trái. Không ai có sự nhầm lẫn Nhân với Quả theo nghĩa cụ thể trong thực vật học như nhầm tưởng hạt cam là trái cam. Sự nhầm lẫn chỉ có và dễ mắc phải khi nói đến Nghiệp Nhân và Nghiệp Quả trong Phật học. Sự phân biệt Nhân với Quả đã tùy thuộc vào sự quán chiếu, sự soi tỏ và phân tách một sự kiện, nói cách khác là tùy thuộc vào cách nhìn của người quan sát. Nói đại cương có hai quán niệm căn bản như sau:

1- Quán niệm sự kiện trong thời gian và không gian

Trong sinh hoạt thực tế hàng ngày, một sự kiện xẩy ra, một hành động do con người thực hiện bao giờ cũng xẩy ra trong một bối cảnh thời gian và không gian. Thân nghiệp, Khẩu nghiệp và Ý nghiệp đều thành tựu ở một thời điểm và một địa điểm nào đó. Con người cũng như vạn vật không thể sinh hoạt ở ngoài phạm trù của thời gian và không gian. Đây là một sự thật hiển nhiên ai cũng nhận thấy.

Theo cách quán niệm thứ nhất, Nhân và Quả là hai sự kiện khác nhau thể hiện ở hai thời điểm và hai địa điểm khác nhau. Vai trò diễn xuất có khi là một người: Chăm chỉ làm việc thì dễ thành đạt khá giả, lười biếng ham chơi thì sẽ phiền muộn nghèo khó. Có trường hợp vai trò diễn xuất là hai người sống cách nhau cả thế hệ: cha mẹ hiền lành để phúc cho con, đời cha ăn mặn đời con khát nước.

Đây là cách quán niệm sự kiện của người mang tâm thế gian, nhìn vào sinh hoạt nhân sinh với con mắt thế gian để nhận thức lý Nhân Quả: *Nghiệp Nhân và Nghiệp Quả là Hai, không phải Một*.

2- Quán niệm Nhân Quả nhất như.

Đây là cách quán niệm sự kiện siêu thời gian và siêu không gian, nghĩa là không đặt sự kiện được quán chiếu vào trong một bối cảnh thời gian và không gian. Cách quán niệm này của Thiền tông nhìn thấy *Nhân và Quả chỉ là Một, không phải Hai* (chữ Hán: Nhất như). Lập luận như sau:

Dòng thời gian vốn vô thủy vô chung liên tục tiếp nối không lúc nào ngưng lại ở một điểm nào. Khi nhìn một sự kiện, con người đem đặt vào bối cảnh thời gian tại một điểm nhất định gọi là thời điểm xẩy ra sự kiện. Do đó mới nẩy sinh ra ý niệm quá khứ, vị lai lấy thời điểm xẩy ra sự kiện làm hiện tại coi như giao điểm giữa hai thời quá khứ và vị lai. Quá khứ, vị lai cũng như hiện tại chỉ có *hư nghĩa,* không có *thực nghĩa* vì lý do chính thời điểm gọi là hiện tại dùng làm cái mốc chia quá khứ với vị lai lại luôn luôn di chuyển , không đứng yên một chỗ. Người nói ra lời, âm thanh chưa kịp đến tai người nghe thì cái gọi là hiện tại đã trở thành quá khứ. Căn cứ vào hư nghĩa quá khứ và vị lai nẩy sinh ra ý niệm Nhân và Quả, tin rằng đó là hai thực thể khác nhau, *Nhân có trước Quả sinh sau.*

Đem sự kiện đặt vào bối cảnh không gian tại một điểm nhất định gọi là địa điểm nơi xẩy ra sự kiện. Do đó mới nẩy sinh ra ý niệm chỗ xa chỗ gần, người này người nọ. Thực ra , không gian vốn vô cùng vô tận, không có cái gọi là xa gần trên dưới hay đông tây nam bắc. Những ý niệm về khoảng cách trong không gian là những quy ước có giá trị tương đối khi cần sự phân biệt, không có giá trị tuyệt đối, Phật học gọi là *Chân Như.* So với bầu khí quyển bao quanh trái đất, mặt trăng ở xa hơn nhiều; so với mặt trời, mặt trăng lại ở gần hơn nhiều. Hoa Kỳ ở phía nam của Canada nhưng ở phía bắc của Mexico.

Lập luận như trên nên Thiền tông có quán niệm *Nhân Quả nhất như*, Nhân và Quả là Một, không phải Hai. Người quán chiếu nhìn thấy Nhân tức khắc biết cả Quả, nhìn thấy Quả tức khắc biết cả Nhân. Thâm quán hơn khi nhìn vào một sự kiện duy nhất, người này thấy ngay cùng một sát na cả Nhân lẫn Quả, không cần suy ngẫm gì. Đạt tới trình độ này gọi là trực quán, trực giác, trực ngộ, đốn giác hay đốn ngộ. Theo cách quán niệm thứ hai này, khi nhìn trái cam người quán chiếu thấy ngay hạt cam trong quá khứ đã ương trồng thành cây cam tức là Nhân của trái cam nhìn thấy ở thời điểm hiện tại, đồng thời thấy luôn cả cây cam trong thời gian vị lai do hạt cam trong ruột trái cam nhìn thấy trước mắt sẽ nẩy mầm mọc thành cây tức là Quả của trái cam ở trước mắt. Nói cách khác, từ sự kiện hiện hữu trong hiện tại người quán chiếu thấy luôn cả Nhân trong quá khứ và Quả trong tương lai. Hiện tại, quá khứ và tương lai thâu lại chỉ là một điểm duy nhất, tính cách siêu thời gian được dẫn giải như vậy theo Thiền tông. Bằng cách dẫn giải tương tự, tính cách siêu không gian cũng vậy: Trái cam cụ thể nhìn thấy trước mắt có một vị trí trong không gian. Cũng từ vị trí duy nhất này người quán chiếu thấy cả hai vị trí có trong quán tưởng, một của Nhân trong quá khứ và một của Quả trong tương lai.

Trường hợp sự kiện trừu tượng cũng vậy. Nhìn thấy trước mắt một người thành đạt khá giả sẽ biết ngay do Nhân trong quá khứ là chăm chỉ làm ăn, đồng thời cũng biết ngay sẽ dẫn đến Quả trong tương lai là được an vui sung sướng. Ngược lại, nhìn thấy trước mắt một người phiền muộn nghèo khó sẽ biết ngay do Nhân trong quá khứ là lười biếng ham chơi, đồng thời cũng biết ngay sẽ dẫn đến Quả trong tương lai là tủi nhục thất vọng.

Đây là cách quán niệm sự kiện của người tu thiền mang tâm xuất thế gian, nhìn vào sinh hoạt nhân sinh với con mắt xuất thế gian để nhận thức lý Nhân Quả nhất như: Nhân và Quả là Một, không phải Hai. Gọi là *xuất thế gian* vì lý do siêu thời gian và không gian, coi như không có thời gian và không gian dùng làm bối cảnh quán chiếu mà chỉ nhìn thấy một sự kiện xẩy ra một cách trực tiếp và chính xác.

II- SỰ CHUYỂN NGHIỆP TRÊN ĐƯỜNG GIẢI THOÁT

Sinh hoạt của con người luôn luôn tiếp diễn không lúc nào ngừng, nói văn hoa gọi là dòng đời trôi nổi ví như dòng sông tuôn chảy lúc mạnh lúc yếu, khi đục khi trong, không lúc nào tĩnh lặng. Nước sông bắt nguồn từ chỗ cao thượng lưu chảy xuống chỗ thấp hạ lưu theo lẽ tự nhiên từ cao xuống thấp: Đó là sự lưu chuyển do *thủy lực* của nước sông. Sinh hoạt của con người hàng ngày vui buồn sướng khổ, an nguy sống chết theo lý vô thường nối đuôi nhau tạo thành cuộc sống nhân sinh. Tất cả mọi sinh hoạt của con người thâu tóm lại là nghĩ, nói và làm. Phật học gọi là tam nghiệp gồm có Ý nghiệp, Khẩu nghiệp và Thân nghiệp. Sự diễn tiến cuộc sống nhân sinh do sinh lực tức sức sống của con người, Phật học gọi là *Nghiệp lực.*

Nghiệp lực trong quá trình chuyển nghiệp

Thế nào là chuyển nghiệp? Câu thường nghe nói trong Phật học *tu Phật là tu Tâm* vì lý do Phật tại Tâm, Phật chính là Chánh Tâm bẩm sinh vốn tự tánh Chân Thiện nên cũng gọi là Chân Tâm, Thiện Tâm. *Tu Tâm là chuyển Tâm* từ Tà Tâm thành Chánh Tâm, từ Vọng Tâm thành Chân Tâm, từ Ác Tâm thành Thiện Tâm. Nói rõ ràng dễ hiểu hơn, *Chuyển Tâm là Chuyển Nghiệp*, từ Nghiệp Dữ sang Nghiệp Lành.

Theo từ ngữ, CHUYỂN NGHIỆP có hai nghĩa cần phân biệt tường tận:

* **Chuyển** hiểu theo nghĩa *lưu chuyển, chuyển dịch, chuyển biến…* diễn ý rời chỗ này đến chỗ kia, lìa bỏ sắc tướng hình dạng này để mang sắc tướng hình dạng khác. Ứng dụng vào lý Nhân Quả, đây là quá trình từ Nghiệp Nhân đã gieo trong quá khứ dẫn đến Nghiệp Quả đang nhận trong hiện tại, hay từ Nghiệp Nhân gieo trong hiện tại đến Nghiệp Quả sẽ nhận trong tương lai. Tóm lại là từ Nhân đến Quả theo dòng thời gian.

Sự lưu chuyển này là lý Nhân Quả đương nhiên chân thật, là Sự thật tuyệt đối. Con người biết đến hay không biết, tin theo hay không tin thì lý Nhân Quả vẫn đương nhiên diễn tiến theo quá trình từ Nhân đến Quả. Sự đương nhiên không thể nghĩ bàn, chỉ dẫn chứng để kiên định niềm tin là nương theo lẽ đương nhiên mà hành trì Chánh pháp:

Đã gieo Nhân thì ắt nhận Quả, nhìn thấy Quả ắt phải biết là có Nhân. Nhân và Quả không bao giờ hiện hữu đơn lẻ một mình. Đây là lý *Tương sinh tương nhiếp* nghĩa là cùng sinh ra cùng nắm giữ lấy nhau.

Nhân nào Quả ấy, lời Phật dạy: *Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu.* Nhân lành sanh Quả phúc, Nhân dữ sanh Quả họa. Cổ nhân có câu *Họa phúc vô môn duy nhân tự triệu,* diễn nôm là Họa và Phúc không tự dưng bước qua cửa vào trong nhà, tất cả đều do chủ nhân rước vào. Tục ngữ có những câu *Ở hiền gặp lành, Gieo gió gặt bão, Cây thối tự rễ, Nước đục tự nguồn…*Ca dao nói về lẽ đương nhiên Nhân nào Quả ấy một cách nhẹ nhàng nhưng rất thâm thúy:

Trồng sung thì hái quả sung,
Trồng sung mong hái quả hồng được sao!
Trồng mơ đừng ước được đào,
Trồng chanh chẳng có khi nào được cam!

(xem tiếp trang 12)

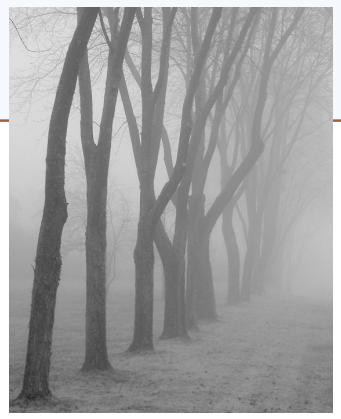

Mênh mông…

HUYỀN VŨ

Gió mùa lạnh buốt song thưa
Trong này cửa khép tìm chưa ra lời
Dệt thành thơ ướp giữa đời
Nhẫn trong thiên hạ trọn lời yêu thương.

Nắng lên hòa nhịp triều cường
Mênh mông vô tận rõ đường trăng sao
Mỉm cười sờ giấc chiêm bao
Luân lưu nửa kiếp gầy hao quá chừng ?

Ngụm trà nóng lệ rưng rưng
Giựt mình nhìn lại rõ từng sát-na
Trông lên trên dãy ngân hà
Thì ra cuộc thế chỉ là huyễn thôi.

(Buổi sáng trời xanh, Florida Feb 2011)

VẤN-ĐỀ TÂM VẬT TRONG ĐẠO PHẬT

Gs. Thạc Đức

Đạo Phật chủ-trương nhất-nguyên hay đa-nguyên, duy-tâm hay duy-vật?

Đứng ngoài đạo Phật thì "vọng tưởng" rằng đạo Phật là nhất-nguyên, là đa-nguyên, là duy-tâm hoặc là duy-vật. Nhưng bước vào trong đạo Phật, trong rừng giáo-lý – để quan-sát, người ta sẽ thấy một hiện-tượng kỳ lạ. Là khi đứng về hướng nầy, người ta thấy đạo Phật chủ-trương nhất-nguyên, nhưng khi đứng qua hướng kia, lại thấy rõ ràng đạo Phật chủ-trương đa-nguyên. Rồi đứng trên miếng đất này, người ta thấy đạo Phật chủ-trương duy-tâm, nhưng đứng sang miếng đất khác, thì rõ-ràng là đạo Phật chủ-trương duy-vật.

Quả thật là một sự kỳ lạ. Kẻ nóng tính nghe như thế sẽ bực mình và sẽ cho đó là một lối chủ-trương ba-phải. Nhưng không. Đứng về phương-diện triết-học, đạo Phật có những hệ-thống lý-thuyết rất phong-phú, mà tất cả đều đi đến một sự nhất-trí vô-cùng hoàn-mỹ.

Nhiều người nghe câu kinh " *tam giới duy-tâm, vạn pháp duy-thức* " liền chỉ ngay đạo Phật mà bảo rằng : Ấy đấy, đạo Phật duy-tâm rõ-ràng, còn chối cãi gì nữa. Thực ra, đạo Phật có chối cãi đâu. Đạo Phật chỉ giảng giải rằng chữ TÂM của đạo Phật không phải như chữ TÂM của thế-gian, của triết-học. Phật-học là một môn Tâm-học. Nhưng tâm ở đây không phải là linh-hồn, là tất cả những hiện-tượng tâm-lý, và "tâm-học" của đạo Phật rất khác xa "tâm-lý-học" của triết-học vậy.

Cũng có kẻ thấy đạo Phật chủ-trương bác bỏ thuyết linh-hồn tồn-tại độc-lập (điểm này có thể làm nhiều bạn giật mình), không công-nhận tạo-hóa, thì lại chỉ vào đạo Phật mà bảo rằng: Ấy đấy, đạo Phật duy-vật rõ-ràng, còn chối cãi gì nữa. Thực ra, đạo Phật có chối cãi gì đâu. Đạo Phật chỉ giảng giải rằng cái mà người ta gọi là linh-hồn ấy, đạo Phật gọi *ý* và *thức*, và khi xác thân tiêu hoại, *ý* và *thức* ấy không còn tác-dụng nữa, nghĩa là không sinh-hoạt như một hồn ma bóng quế như giới ít học hiểu lầm.

Chủ-nghĩa DUY-VẬT là một chủ-nghĩa cho rằng thực tại chỉ là vật-chất. Vũ-trụ, nhân-loại và sinh-vật đều là vật-chất, nói một cách tinh-vi hơn, đều có nền tảng chung là vật-chất. Cả đến phần tinh ba nhất của loài động-vật là *tư-tưởng*, là *cảm-tình* cũng đều do nền tảng vật-chất mà có. Những tư-tưởng và tình-cảm ấy không thể phát hiện nếu không có vật-chất. Tinh-thần cũng là sản-phẩm thượng-hạng của vật-chất, duy có tinh tế hơn những sản-phẩm khác như đường, như mật, như sinh-tố, như thần-kinh-hệ… mà thôi.

Người chủ-trương duy-vật thường lý-luận rằng: chỗ nào không có vật-chất thì không thể có tinh-thần, do đó tinh-thần là do vật-chất mà có, tinh-thần là một *thuộc-tính của vật-chất*.

Ta không cần phải mất thì giờ để bác-bẻ cái quan-niệm nông-cạn và thiên-lệch này trong khi mọi người đều đã thấy cái vô-lý của nó rồi. Tuy nhiên, cũng cần nói rằng duy-vật-luận chỉ chú-trọng đến phần ngoại-giới, xao lãng hẳn phần nội-giới phong-phú sâu-xa mà ở đấy nhà khoa-học chỉ có thể dọi vào những tia sáng ngắn ngủi nhất. Mà dù người duy-vật có để ý đến nội-giới đi nữa thì vẫn xem nội-giới như một đối tượng tầm thường như bao nhiêu đối-tượng vật-chất khác, dù nhà duy-vật cho nó là "*một hình-thức tinh-tế nhất của vật-chất*". Tinh-thần tự đối-tượng-hóa đã là một việc khó làm, mà tinh-thần tự cho mình là thuộc tính của vật-chất lại là chuyện khó nghe. Đời thuở nào lại có một thứ thuộc-tính kỳ-quái có thể "biết" mình là thuộc-tính của vật-chất!

Còn bảo rằng "*chỗ nào không có vật-chất thì không có tinh-thần*" cũng thật lạ lùng. Làm như tai mắt người có thể "*thấy*" được thứ tinh-thần tồn-tại độc-lập vậy. Tai mắt ta chỉ nhận được sự hiện-hữu của tinh-thần nhờ những dấu hiệu vật-chất. Tinh-thần vẫn hiện-hữu đó nếu ta không nhờ một vài dấu hiệu vật-chất, cũng như lúc nào cũng có làn sóng điện, và những âm-thanh chở trên các làn sóng điện ấy, nhưng ta chỉ nhận được sự hiện-hữu của các âm-thanh được chở trên các làn sóng kia nếu ta có một chiếc máy thu-thanh.

Vậy thì nhà duy-vật đừng nên bắt ta đi tìm tinh-thần ở chỗ không có vật-chất. Nhưng nói thì nói thế thôi, chứ đạo Phật cũng không nhận rằng có thể có cái "hiểu biết" (cái mà thế-gian gọi là cái hồn) tồn tại ngoài xác thân loài động-vật. Lát nữa ta sẽ hiểu điểm này.

Chủ-nghĩa DUY-TÂM chủ-trương ngược lại rằng vật-chất không phải thực có, vật-chất không tồn tại ngoài ý-thức chủ-quan của con người. Chỉ có ý-thức chủ-quan là thực-tại, còn bao nhiêu cái khác đều là sản-phẩm của ý-thức chủ-quan, đều là những *biểu-tượng* của ý-thức, gọi tắt là những "*ý-tượng*". Duy-tâm-luận chủ-trương ngoài tâm ý của mình không còn gì cả; vũ-trụ, thế-giới, những người khác và chính tâm ý của những người khác cũng không thực-tại.

Người duy-tâm cũng như người duy-vật cố tình phủ-nhận một mặt của sự thực; người duy-tâm cố tình làm ngơ không nhận những ảnh-hưởng và những tác-động của vật-chất của sinh-lý trên tư-tưởng và tâm-lý của mình. Những loài hữu-tình sống chung quanh ta cũng có những cảm-tình, những tư tưởng, nói tóm lại, một tâm lý chủ-quan của họ. Trong sinh-hoạt thường nhật ai không nhận rõ điều đó. Ta không thể chỉ công-nhận có sự tồn-tại của tâm ý riêng ta.

Đạo Phật không vướng vào duy-tâm, không vướng vào duy-vật, nhưng cũng không phải một nhị-nguyên-thuyết. Duy-thức-học đạo Phật chủ-trương rằng ngũ-uẩn tức là toàn-thể những hiện-tượng vật-lý, tâm-lý (sắc, thọ, tưởng, hành, thức), đều là những thứ phát hiện của "chủng tử" tiềm tại trong A-lại-gia-thức (Alaya – vinnana) mà thôi.

Những hiện-tượng tinh-thần hay vật-chất (sắc pháp và tâm pháp) đều là đứng về thế hiển phát. Khi chưa hiển phát, chúng đứng về thế tiềm-tàng. Đứng về thế tiềm-tàng, chúng gọi là "*chủng-tử*" (danh-từ của duy-thức-học). Đứng về thế hiển phát chúng gọi là *hiện-hạnh*. Chủng-tử sinh hiện-hạnh, hiện-hạnh trở về chủng-tử, chủng-tử là hiện-hạnh, hiện-hạnh là chủng-tử, sự phát hiện nầy được tiếp-diễn không ngừng.

Điểm này đòi hỏi chúng ta nhiều kiến-thức về duy-thức-học. Ở đây chúng ta chỉ lược qua đại-cương. *Chủng-tử* là một thứ "năng-lực" làm bản-chất cho tất cả mọi hiện-tượng tâm-lý và vật-lý, nghĩa là cho mọi hiện-hạnh. Mà toàn-thể chủng-tử nằm gọn trong A-lại-gia-thức, hoặc nói một cách khác, toàn-thể chủng-tử là A-lại-gia-thức. Vậy A-lại-gia-thức là căn-bản cho mọi hiện-tượng TÂM và VẬT.

Mỗi hiện-tượng (tâm-lý hay vật-lý cũng vậy) khi tàn hoại thì trở về chủng-tử để rồi phát sinh hiện-hạnh khác. Nói thế cho dễ hiểu, kỳ thực vì mỗi hiện-hạnh sinh diệt trong từng giây phút, nên hiện-hạnh luôn luôn trở về chủng-tử và chủng-tử luôn trở thành hiện-hạnh. Sự liên-tục mau chóng quá đến nỗi ta không nhận ra kịp đó thôi.

Các hiện-hạnh sinh khởi cách nào? Sinh khởi theo luật tương-quan tương duyên (loi d'interdépendance). Ví-dụ: ý-thức, lý-trí, tình-cảm thì sinh khởi nhờ nương vào các hiện-tượng sinh-lý vật-lý. Nương vào để được phát-sinh mà thôi, chứ không phải các hiện tượng sinh-lý vật-lý "sinh ra" các hiện-tượng tâm-lý. Hiểu như thế, ta không còn cho tâm sinh vật, hay vật sinh tâm nữa. Chúng nương vào nhau mà tương sinh tương thành, và do chủng-tử ở A-lại-gia. Chủng-tử là "*thân nhân duyên*" nghĩa là những nhân chính, còn các hiện tượng giúp chúng phát sinh thì gọi là "*tăng thượng duyên*" nghĩa là các điều-kiện thuận-lợi giúp cho sự phát sinh ấy.

Nguyên-nhân chính của mọi hiện-tượng, như thế, tức là chủng-tử. Nhưng gọi là nguyên-nhân cũng không đúng hẳn; phải gọi là bản-chất. Vậy chủng tử trong duy-thức-học được xem như là một thứ "năng-lực" làm nền tảng cho cả hai loại hiện-tượng TÂM và VẬT.

Tất cả chủng-tử, hiện-hạnh gom góp chung lại, gọi là A-lại-gia.

Sau khi thân xác tiêu hoại, thiếu điều-kiện để "hiện-hành". Các hiện-tượng tâm-lý trở về tiềm phục nơi A-lại-gia. Như thế, không có một linh-hồn tồn-tại ngoài thể xác. Cái tác-dụng tinh-thần kia, sự hiểu biết phân biệt yêu ghét kia không hiện-hành nữa, thì sao gọi là còn linh-hồn được. Tuy nhiên A-lại-gia-thức sẽ biến chuyển, chín muồi, để đem tất cả năng-lực chủng-tử mà phát hiện ra một thế-giới mới, một hoàn-cảnh mới, một sinh-mệnh mới.

Nghe nói thế, có người sẽ cho rằng đạo Phật đã rơi vào duy-tâm. Nhưng không, không có một A-lại-gia tồn-tại độc-lập. Mà có nhiều A-lại-gia của nhiều chúng-sinh. A-lại-gia này tồn tại nhờ sự hiện tồn của A-lại-gia khác, và các A-lại-gia khác cũng tồn tại nhờ A-lại-gia này. Tất cả đều vâng theo luật tương-quan tương-duyên mầu-nhiệm.

Ý-thức chủ-quan của ta nằm gọn trong A-lại-gia ta. Thế-giới khách-quan tồn-tại ngoài ý-thức ấy, nhưng không phải chỉ là một thế-giới hiện-hạnh của riêng A-lại-gia ta, mà là một thế-giới hiện-hạnh do vô số A-lại-gia cọng-đồng kiến-tạo. Điểm này ta sẽ thấy rõ trong giáo-lý tự-biến cọng-biến của duy-nghiệp-luận. Chỉ khi nào A-lại-gia trong sạch, sáng suốt do công phu tinh luyện mà trở thành Đại-Viên-Kính-Trí, nó mới tách rời ra khỏi sự cọng-đồng ấy và thể-nhập về biển Bản-Thể vô cùng rộng lớn thanh-tịnh và sáng-suốt.

Nẻo về

Giọt sương long lanh
Nắng vàng vừa hé
Lá xanh mới mẻ
Nếm lẽ vô thường

Giọt sương long lanh
Thấy mình trong lá
Nắng đâu vội vã
Võ ngã muôn trùng

Giọt sương long lanh
Càn khôn vũ trụ
Hợp tan vô tụ
Nẻo về hư không.

BẠCH XUÂN PHẺ

HOA ĐỐM MÙA XUÂN

Vĩnh Hảo

Cuối năm.

Trời vẫn còn lạnh. Buổi trưa có nắng ấm, nhưng lại nhiều gió khiến những cánh hoa đang rộ nở phải run rẩy, ngửa nghiêng. Chậu mai duy nhất trong sân đã được tuốt lá từ nhiều ngày trước, chuẩn bị đón Tết với trăm nụ hoa còn ươm xuân vàng trong những lộc xanh. Bánh chưn bánh tét truyền thống được gửi tặng từ một người bạn phương xa cũng đã đơm cúng trên bàn thờ Phật và bàn thờ tổ tiên. Hoa quả, bánh mứt từ chợ xuân mang về, đầy hương sắc và sinh phong của một năm mới. Sổ sách cuối năm, báo chí đầu năm, cập nhật tin tức và bài vở các trang nhà, thiệp xuân (điện tử), v.v… mọi thứ đều đã chuẩn bị xong xuôi đâu vào đó. Những ngày cận Tết, thực sự không còn gì để lo, nghĩ, làm, hoặc viết.

Một đời lăng xăng, trôi giạt, có lẽ cũng nên chuẩn bị những ngày cuối cùng của mình như thế. Những ngày cuối cùng ấy, bắt đầu từ khoảng thời gian nào? Tuổi thiếu niên, hồn nhiên, vui chơi, thắc mắc, tò mò… đã qua rồi. Tuổi thanh niên, nhiệt huyết, sôi động, lúc nào cũng muốn thay đổi, cải cách, kiêu căng và thách đố, sẵn sàng dấn mình vào những cuộc phiêu lưu nguy hiểm… cũng qua rồi. Tuổi trung niên, trầm tư, cân nhắc từng ý nghĩ, lời nói, hành động; bước vững con đường đã chọn, nhìn trước những gì ở tương lai… cũng qua rồi. Tuổi lão niên—có phải đã là lão niên không nhỉ? Ngoài năm mươi, tóc trên đầu đã bạc nhiều; ừ, thì lão niên—nhìn mọi thứ trong cuộc đời như là những sắp xếp trật tự của nhân duyên, nhậm vận mà hành xử… cũng đang đi qua, từng phút, từng giờ. Đã qua đi tất cả những cái hiện tại, hiện tiền. Đã qua đi những cái ngày nay, năm nay, nơi này. Vậy mà những ngày cuối cùng của đời mình vẫn là khoảng thời gian mơ hồ, không thể biết trước để sắp xếp một chuyến đi thanh thản, nhẹ nhàng, không vướng bận. Biết chăng, là biết sự chấm dứt của một đời người có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Nhưng cái biết ấy không đủ là một chuẩn bị chu đáo cho thời gian cuối đời.

Cuối ngày, cuối tháng, cuối năm, cuối đời, thực ra bản chất cũng không khác gì nhau. Nhưng chúng ta chỉ biết thu xếp cho ngày tháng năm, mà không thu xếp đàng hoàng cho cuối đời.

Đêm giao thừa.

Sau khi cùng gia đình lễ Phật nơi vài cảnh chùa trước giờ giao thừa, một mình lái xe đi trong đêm. Xa lộ vắng xe mà vẫn lái thong thả, đúng tốc độ qui định. Không có gì vội vã, dù rằng quí thầy nơi tu viện gọi điện thoại thăm chừng đã đến đâu, có vẻ hối thúc. Giữa đường ghé lại trạm nghỉ ngơi. Mua một ly cà phê nóng nơi máy pha chế tự động. Đứng giữa trời đêm, gió lạnh cắt, nhấp từng ngụm nhỏ, thật sảng khoái. Muôn sao lấp lánh như thể muốn chia sẻ sự run lạnh của một lữ hành trong đêm.

Xe lên đến cổng tu viện thì vừa đúng 12 giờ khuya, giờ giao thừa. Đậu xe nơi bãi, không vội vào trong. Trên xe, bấm số gọi điện thoại phương xa. Nghe tiếng mẹ qua điện thoại. Mẹ không nhận ra mình là ai, chỉ đoán là một trong những đứa con xa nhà của bà. Không sao, nghe được tiếng mẹ, biết mẹ còn khỏe là đủ rồi. Giờ giao thừa, một mình giữa đất trời im, nói đôi lời với người thương, nghe được tiếng người thương, không gì hạnh phúc hơn.

Ra khỏi xe nghe hoa rừng lao xao trong gió. Hương cỏ ngập tràn đêm ba mươi. Đứng lặng giữa đêm sâu. Ngước nhìn muôn sao le lói trong biển đen thẳm. Bất chợt nhận ra sao mai, lồng lộng ngời lên như một thiên thần. Sao mai, hay hoa mai của trời cao, tỏa cánh thiêng, ôm lấy mình, hay chính mình đã đi vào trong sao. Trong khoảnh khắc, trần gian tan biến. Tất cả những nơi chốn, đất và trời, ngày và đêm, tất cả quá khứ, hiện tại, vị lai, đều không hiện hữu. Phút thiêng giao thừa, cất lên bản giao hưởng của tâm, của tình, của cả sắc thân, cảm giác, tư tưởng, hành nghiệp và ý thức. Một năm, một đời, dễ gì có một lần giao cảm huyền diệu như thế.

Lững thững rời bãi đậu xe, vào tu viện. Lễ đón giao thừa đã kết thúc hơn một giờ đồng hồ trước đó. Hóa ra từ đường xa đến đây không phải để cùng mọi người làm lễ mà để trang nghiêm tiếp nhận hương hoa của đất trời. Tu viện vắng ngắt, không còn khách vãng lai. Bãi đậu xe chỉ riêng xe mình đậu. Uống trà cùng sơn tăng trong đêm lạnh mịt mùng.

Sáng sớm rời tu viện. Ánh triêu dương bừng vỡ cả núi đồi. Muôn sao rụng xuống thành muôn hoa, rực rỡ sắc màu trong nắng xuân đầu ngày.

Đầu năm.

Nắng ấm. Không còn gió chướng như ngày cuối năm hôm trước. Từ tu viện lái xe về, ghé ngồi với người bạn thân nơi vỉa hè một quán cà phê của khu thương mại người Việt. Nghe nhạc xuân tưng bừng. Nghe pháo Tết nổ giòn từ các chợ và cửa hàng. Mùi thuốc pháo quyện lấy cả một không gian rộn rịp người qua kẻ lại, nói cười râm rang. Chợt hòa vui theo niềm vui của thiên hạ.

Đường về nhà ít xe qua lại. Hai bên đường có nhiều cây hơn. Những bãi cỏ được cắt xén thành nhiều hình thù khác nhau, trông như những ao hồ xanh rợp. Bồn hoa của các cơ xưởng khoe sắc, tỏa hương trong nắng xuân. Nhìn đâu cũng thấy hoa. Con người sống trên đời, dù ở xứ sở nào, sắc tộc nào, dường như không thể thiếu hoa. Hoa là ngôn ngữ, là biểu tượng chung của con người mọi thời đại. Biểu tượng của cái đẹp. Nghĩ vậy mà lòng thấy nhẹ nhàng, nhiều cảm thông, tha thứ. Cảm thông ngay cả những gì không phải là hoa, trái ngược với tính chất của hoa.

Nhưng khi lái xe vào hẻm vắng, bỗng cảm nghe một nỗi gì trống rỗng, mang mang. Có vẻ như tâm thức cũng chuyển động, thay đổi ở ngày đầu năm. Tại sao ngày đầu năm? Phải chăng có thực một ngày đầu năm? Cái gì khác giữa cũ và mới? Cái gì khác giữa tâm thức hôm nay và ngày qua? Năm cũ, có phải đã qua đi và một năm mới bắt đầu? Cái gì còn lại? Cái gì tái sinh? Cái gì mới vừa sinh ra?

Hoa xuân.

Bước vào đến sân, nghi vấn vẫn còn lờn vờn trong đầu. Rồi bất chợt, khi nhìn thấy cành mai nở sáu nụ vàng thắm trên những cành trĩu đầy nụ xanh, trí như khai ngộ một lẽ gì. Cơn biến động của thời thế và đổi thay của lòng người, từ lâu vẫn âm thầm bào mòn, phá hoại, làm giảm đi niềm vui và tin yêu của mình đối với cuộc đời, phút chốc vỡ òa ra, rồi sáng lên theo những nụ mai vàng. Phô trương, đãi bôi, man trá, giả trang, kiêu hãnh, hám danh, hám lợi, lộng quyền, mê tín, cuồng tín, tự đại… những thứ ấy, của những con người ấy, đã từng một thời không ưa, nay tha thứ, cảm thông hết, chấp nhận hết. Vì dù thế nào, họ cũng biết chăm sóc, hoặc nhìn ra vẻ đẹp của hoa.

Ngồi xuống nơi vườn sau. Hoa xuân rực rỡ. Chim ríu rít trong lùm cây rậm nơi tường rào. Mây trắng vẫn bay ngang trời rộng. Vết xuân đi cũng nhẹ nhàng, đơn giản thế thôi. Con người và cuộc đời, với hạnh phúc và khổ đau, yêu thương và giận ghét, đoàn tụ và ly biệt… cũng sống và trôi đi đơn giản, bình thường thế thôi. Hoa sẽ tàn và rồi sẽ nở; sẽ nở rồi lại tàn. Người xấu đó, rồi tốt đó; tốt đó, rồi lại xấu đó. Hưng thịnh hay suy vong của một đất nước, một thể chế, một tổ chức, hay của một cá nhân, cũng rất là bình thường như hoa nở hoa tàn. Không thể đoán trước được những gì sẽ xảy đến, và xảy đến như thế nào. Nhưng đổi thay là lẽ tất định.

Hoa đốm.

Thế gian ly sinh diệt. Do như hư không hoa. Cuộc đời trong hiện tượng vốn biến dịch, đổi thay; nhưng kỳ thực, bản chất của nó vượt ra ngoài sự sinh-diệt còn-mất. Chẳng khác gì hoa đốm giữa hư không. Hoa đốm nào, ở đâu? Ở ngay trước mắt. Mắt bệnh, mắt nhòa, mắt nổ đom đóm… sẽ thấy hoa ấy nở giữa hư không. *Hư không hoa,* chẳng phải hoa nào xuất hiện hay được rải từ hư không, từ thiên giới, mà chính là hoa nở từ trong mắt. Phát xuất từ nhãn quan, mà trình hiện nơi không giới. Cái đẹp của hoa ấy không giống các loài hoa của trần thế, nhưng tên nó, *hư không hoa,* đọc lên nghe hay và thi vị làm sao! Cái đẹp của nó không chỉ ở cái tên, mà còn ở nơi tính chất không thực, bất định, khó nắm bắt, không phải lúc nào muốn thấy thì sẽ thấy. Chính từ đây mà nghiệm ra vẻ lung linh muôn sắc tuyệt vời của hoa trần gian, hay của chính trần gian vô thường biến hoại. Người biết nhìn ra vẻ đẹp thực sự của hoa, là người thấy được tính cách vô thường của chúng.

Hoa nếu nở mãi không tàn, sẽ không quí, không đẹp. Phát tiết một thời để tàn rụi một thời, chính đó là vẻ đẹp mong manh mà huyền diệu của hoa, và của cuộc đời. Mọi thứ sẽ không sinh nếu không diệt. Mọi thứ sẽ không diệt, nếu không sinh. Chẳng có nhân nào mà không kết thành quả. Chẳng có quả nào mà không được kết thành bởi nhân và duyên. Chẳng có duyên nào không phải là nhân hay là quả của những duyên khác. Ý nghĩa nội hàm của nhân, duyên, và quả theo cách ấy, là tất cả mọi sự mọi vật đều không thể tự là nhân, là duyên, là quả cho chính nó hay cho bất cứ cái gì khác. Như vậy, một cái hoa, là kết quả của nhiều nhân duyên, mà đồng thời cũng không phải kết quả gì cả. Cũng không phải là nhân hay duyên gì cả. Bởi vì bản chất thực sự của nó là không bản chất riêng, không đặc tính. Nhờ không bản chất riêng mà nó được kết hợp và hình thành bởi muôn vàn cái gọi là nhân hay là duyên khác. Vì không bản chất riêng mà nó biến hoại, không thường hằng; mà cũng nhờ không bản chất riêng, nó vượt ra khỏi sự sinh diệt. Thế gian ly sinh diệt. Không có cái gì thực sự được sinh ra và bị mất đi. Cái gì đã hiện hữu, đang hiện hữu, hay chưa hiện hữu, đều biến hoại, mà đồng thời là không sinh, không diệt.

Nói theo Bát-nhã thì hoa không phải là hoa, mới chính là hoa. Và nói cho thi vị thì hoa, hay cả thế gian này, với tất cả những con người đáng yêu (hay không đáng yêu) này, đều là hư không hoa.

Trên những nhánh mai nhỏ khiêm nhường của mùa xuân năm nay, có những nụ hoa chưa kịp nở, có những hạt mầm của hoa chưa được gieo xuống. Nhưng kỳ thực thì nụ hoa đã là hoa, và hạt mầm cũng đã là hoa. Tình yêu, một khi xuất hiện, nó đi vào vô cùng.

Khai bút đầu năm Tân Mão 2011
Vĩnh Hảo

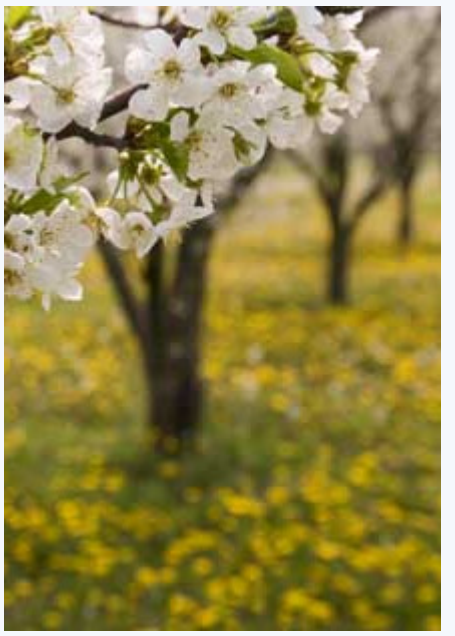

Thế gian ly sinh diệt
Do như hư không hoa
Trí bất đắc hữu vô
Nhi hưng đại bi tâm.

(Kinh Lăng Già)

TÍN TÂM MINH
của Tam Tổ Tăng Xán

Trúc Thiên

Tín Tâm Minh là bài minh luận về lòng tin. Tác giả là Tăng Xán (?–606), tổ thứ ba của Thiền Trung Hoa, đời nhà Tùy.

Minh là bài răn, chép lại hoặc khắc in để ghi nhớ, và ở đây là bài tự thuật lại kinh nghiệm của bản thân mình. Tín Tâm là lòng tin. Nhưng ở đây không phải là lòng tin thường, thường gọi là tín ngưỡng. Thiệt vậy, đem chữ "tín" ghép vào chữ "tâm", người xưa đã phá hết giới hạn của lòng tin mà trực tiếp nhắm ngay vào trung tâm điểm của sanh hoạt đạo giáo. Nhứt là từ ngày bồ tát Mã Minh viết bộ sách "Đại Thừa khởi tín luận" (luận về sự phát khởi lòng tin theo giáo lý Đại Thừa) thì chữ "tín" mang thêm một màu sắc siêu hình và tuyệt đối của phép nội quán, và có thể coi như là đồng nghĩa với "ngộ". Và "ngộ" ấy chẳng phải cái gì khác hơn là "khởi tín".

"Khởi tín là ý thức cái giác tánh bổn lai của mình. Khởi tín là trở về chính mình, trở về tự thể của chính mình" (Suzuki)

Vậy, Tăng Xán viết Tín Tâm Minh cũng như Huyền Giác viết Chứng Đạo Ca, đều mô tả lại sự tâm chứng của hai ngài về Thực tại tối thượng của đạo giáo. Thực tại ấy là gì? Không ai có thể nghĩ gì được về Thực tại ấy vì một lẽ rất dễ hiểu là Thực tại ấy là kết quả của một sự tu chứng chớ không phải của một ý nghĩ. Vì không có ý nghĩ nên Thực tại ấy siêu việt tất cả giới hạn của ý nghĩ, nói đúng hơn, tất cả mâu thuẫn (thiện ác, nghịch thuận, phàm thánh, phiền não niết bàn...) do ý nghĩ tạo ra. Nói thế không nghĩa giác ngộ là phá bỏ tất cả cặp mâu thuẫn để siêu lên ở trạng thái thứ ba nào đó. Không, không hề có trạng thái thứ ba dựng mới lên, mà cũng không hề có việc nắm lấy cũng như bỏ đi. Không có gì để "xả" mà cũng không có gì phải "thủ". Trái lại, tất cả mâu thuẫn đều hòa đồng trong nhau, đều "viên dung vô ngại".

Viên dung nghĩa là trắng tức là đen, đen tức là trắng.

Vô ngại nghĩa là "đen vẫn là đen mà trắng vẫn là trắng".

Nói một cách khác, một vật đồng thời vừa là chính nó vừa chẳng phải là chính nó. Đó là luận lý Bát Nhã. Đó là đại bí mật của đạo giáo–và của cuộc sống.

Cho nên trong cuộc sống, người ngộ đạo không phá thế gian để chứng Niết bàn, không lìa sanh tử luân hồi mà vẫn thoát ly sanh tử luân hồi, không xả tục mà xuất trần. Đó là tất cả tinh thần nhân bản của đạo Phật.

Tam Tổ Tăng Xán

TÍN TÂM MINH

Đạo lớn chẳng gì khó
cốt đừng chọn lựa thôi
quí hồ không thương ghét
thì tự nhiên sáng ngời
Sai lạc nửa đường tơ
đất trời liền phân cách
chớ nghĩ chuyện ngược xuôi
thì hiện liền trước mắt
Đem thuận nghịch chỏi nhau
đó chính là tâm bịnh
chẳng nắm được mối huyền
hoài công lo niệm tịnh
Tròn đầy tợ thái hư
không thiếu cũng không dư
bởi mảng lo giữ nó
nên chẳng được như như
Ngoài chớ đuổi duyên trần
trong đừng ghì không nhẫn
cứ một mực bình tâm
thì tự nhiên dứt tận
Ngăn động mà cầu tịnh
hết ngăn lại động thêm
càng trệ ở hai bên
thà rõ đâu là mối
Đầu mối chẳng rõ thông
hai đầu luống uổng công
đuổi có liền mất có
theo không lại phụ không
Nói nhiều thêm lo quẩn
loanh quanh mãi chẳng xong
dứt lời dứt lo quẩn
đâu đâu chẳng suốt thông
Trở về nguồn nắm mối
dõi theo ngọn mất tông
phút giây soi ngược lại
trước mắt vượt cảnh không
Cảnh không trò thiên diễn
thảy đều do vọng kiến
cứ gì phải cầu chơn
chỉ cần dứt sở kiến
Hai bên đừng ghé mắt
cẩn thận chớ đuổi tầm
phải trái vừa vướng mắc
lộn xộn là mất tâm
Hai do một mà có
một rồi cũng buông bỏ
một tâm ví chẳng sanh
muôn pháp tội gì đó
Không tội thì không pháp
chẳng sanh thì chẳng tâm
tâm theo cảnh mà bặt
cảnh theo tâm mà chìm
Tâm là tâm của cảnh
cảnh là cảnh của tâm
ví biết hai đẳng dứt
rốt cùng chỉ một không
Một không, hai mà một
bao gồm hết muôn sai
chẳng thấy trong thấy đục
lấy gì mà lệch sai
Đạo lớn thể khoan dung
không dễ mà chẳng khó
kẻ tiểu kiến lừng khừng
gấp theo và chậm bỏ
Chấp giữ là nghiêng lệch
dấn tâm vào nẻo tà
cứ tự nhiên buông hết
bổn thể chẳng lại qua
Thuận tánh là hiệp đạo
tiêu dao dứt phiền não
càng nghĩ càng trói thêm
lẽ đạo chìm mê ảo
Mê ảo nhọc tinh thần
tính gì việc sơ thân
muốn thẳng đường nhứt thặng
đừng chán ghét sáu trần
Sáu trần có xấu chi
vẫn chung về giác đẩy
bậc trí giữ vô vi
người ngu tự buộc lấy
Pháp pháp chẳng khác
do ái trước sanh lầm
há chẳng là quấy lắm
sai tâm đi bắt tâm
Mê sanh động sanh yên
ngộ hết thương hết ghét
nhứt thiết việc hai bên
đều do vọng chấm chước
Mơ mộng hão không hoa
khéo nhọc lòng đuổi bắt
chuyện thua được thị phi
một lần buông bỏ quách
Mắt ví không mê ngủ
mộng mộng đều tự trừ
tâm tâm ví chẳng khác
thì muôn pháp nhứt như
Nhứt như vốn thể huyền
bằng bặt không mảy duyên
cần quán chung như vậy
muôn pháp về tự nhiên
Đừng hỏi vì sao cả
thì hết chuyện sai ngoa
ngăn động chưa là tịnh
động ngăn khác tịnh xa
Cái hai đà chẳng được
cái một lấy chi mà...
Rốt ráo đến cùng cực
chẳng còn mảy qui tắc
Bình đẳng hiệp đạo tâm
im bặt niềm tạo tác
niềm nghi hoặc lẳng dứt
lòng tin hòa lẽ trực
mảy bụi cũng chẳng lưu
lấy gì mà kí ức
bổn thể vốn hư minh
tự nhiên nào nhọc sức
Trí nào suy lượng được
thức nào cân nhắc ra
cảnh chơn như pháp giới
không người cũng không ta
Cần nhứt hãy tương ưng
cùng lẽ đạo bất nhị
bất nhị mà hoà đồng
không gì chẳng bao dong
Mười phương hàng trí giả
chung về nhập một tông
Tông này vốn tự tại
khoảnh khắc là vạn niên
dầu có không không có
mười phương trước mắt liền
Cực nhỏ là cực lớn
đồng nhau, bặt cảnh duyên
Cực lớn là cực nhỏ
đồng nhau, chẳng giới biên
Cái có là cái không
cái không là cái có
Ví chửa được vậy chăng
quyết đừng nên nấn ná
Một tức là tất cả
tất cả tức là một
Quí hồ được vậy thôi
lo gì chẳng xong tất
Tín Tâm chẳng phải hai
chẳng phải hai Tâm Tín
Lời nói làm đạo dứt
chẳng kim cổ vị lai.

Đào Xuân lộng ý kinh

Xuân Tân Mão chuyển mình
Thung lũng phủ màu xanh
Vận hành sức diệu dụng
Tiếp nguồn sống tâm linh.

Thắm tươi xuân đào nhỏ
Bên góc chùa đẹp xinh
Dáng xuân choàng ánh nắng
Đào xuân lộng ý kinh.

(Mùa Xuân Tân Mão, Moreno Valley, 2011)

THÍCH NỮ GIỚI HƯƠNG

LỢI ÍCH CỦA THIỀN ĐỊNH VÀ HY SINH

Aung San Suu Kyi — Hoang Phong chuyển ngữ

Lời giới thiệu của người dịch:

Dưới đây là một bài viết của bà Aung San Suu Kyi trên báo Bangkok Post tháng 9, năm 1996. Bài báo sau đó được một ký giả Pháp là Alain Delaporte-Digard viết lời giới thiệu và đưa lên mạng Buddhachanel.tv vào ngày 13 tháng 10, năm 2010. Bài báo tuy đến với chúng ta hơi muộn, thế nhưng chính sự muộn màng đó biết đâu cũng là một lợi điểm giúp chúng ta đánh giá cao hơn nữa Lợi ích của Thiền định và sự Hy sinh" của bà Aung San Suu Kyi, vì gần đây bà đã phục hồi được sự tự do của mình. Dưới đây là lời giới thiệu của ký giả Alain Delaporte-Digard và tiếp theo đó là phần chuyển ngữ bài viết của bà Aung San Suu Kyi.

Lời giới thiệu của Alain Delaporte-Digard:

19 tháng 6: Lại thêm một năm quản thúc cho người Phụ nữ Miến điện

Hôm nay là ngày sinh nhật của bà Aung San Suu Kyi, người đoạt giải Nobel Hòa bình, đang bị quản thúc tại gia, hoàn toàn biệt lập với đời sống bên ngoài và không hề được chăm sóc sức khoẻ đã từ nhiều năm nay.

Với sự tưởng nhớ trong lòng và bằng những lời nguyện cầu chúng ta chỉ biết mong sao bà hiểu được là chúng ta vẫn còn đây, tuy bất lực nhưng vẫn luôn đặt hết niềm tin và ngưỡng mộ bà.

Thật thế, chúng ta bất lực không giúp được gì cho bà trước đám Quân phiệt chẳng qua vì áp lực quốc tế không tạo được một sức ép nào. Khi nào tất cả các quốc gia trên thế giới không đồng lòng hợp tác để phong tỏa kinh tế một cách toàn diện, thì khi đó Tập đoàn Quân phiệt vẫn còn tiếp tục nuôi dưỡng 450 000 quân lính để duy trì chế độ độc tài.

Thật vậy, chúng ta phải vững tin vào sức mạnh chuyển hóa của tâm linh gồm hàng nghìn tư duy tích cực có thể biến cải được thế giới này, kể cả những góc cạnh tối tăm nhất của nó. Trong từng giây phút một chúng ta hoán chuyển tư duy của mình để biến chúng thành con đường đưa đến Hòa bình và Công lý. Nước Miến điện phải trở thành dân chủ. Chúng ta cũng nên nhớ lại trong lần bầu cử năm 1990, Aung San Suu Kyi và đảng Dân chủ của bà đã đạt được 82% số phiếu! Thế nhưng Tập đoàn Quân phiệt phủ nhận kết quả đó và còn hơn thế nữa đã tăng cường thêm sự độc tài.

Thật vậy, chúng ta không khỏi khâm phục trước quyết tâm giữ vững chủ trương Bất bạo động, Hòa bình và Từ bi của bà mặc dù bà phải nhịn nhục trước các hành động khiêu khích xảy ra hàng ngày từ nhiều năm nay. Thân xác bà mòn mỏi, thế nhưng tâm hồn bà rực sáng. Bà là hiện thân của một tấm gương hòa bình và nghiêm túc cho chúng ta soi.

Hơn thế nữa, thưa bà Ung San Suu Kyi, chúng tôi quả thật đã mang ơn bà rất nhiều, mặc dù chúng tôi không làm được gì để giúp bà, Thế nhưng bà vẫn nêu cao một tấm gương tuyệt vời cho chúng tôi nhìn vào.

Dưới đây là bài viết của bà.

Bài viết này quả thật xứng đáng là những lời giáo huấn vẹn toàn.

Xin được cám ơn bà.

Alain Delaporte-Digard, viết cho trang internet www.buddachannel.tv/

Lợi ích của Thiền định và sự Hy sinh do bà Ung San Suu Kyi viết

Mùa kiết hạ đã đến.

Đây là dịp dâng y cho những người tu hành và cũng là dịp giúp mỗi người trong chúng ta cố gắng ý thức sâu xa hơn nữa giá trị của một người Phật tử.

Tại Miến điện, chúng tôi xem các thành viên của tăng đoàn là những vị thầy vừa giảng dạy lại vừa hướng dẫn chúng tôi trên con đường thật dài của bát chánh đạo. Những vị thầy tốt không nhất thiết chỉ ban cho chúng ta những bài thuyết giáo uyên bác, mà còn khuyên bảo chúng ta phải cư xử như thế nào trong cuộc sống thường nhật để giữ được sự hiểu biết đúng, suy nghĩ đúng, ngôn từ đúng, hành động đúng, phương tiện sinh sống đúng, cố gắng đúng, chú tâm đúng và tập trung tâm thức đúng.

Cách nay khá lâu, trước khi bị quản thúc tại gia vào năm 1989, tôi được vị đại sư U Pandita dành cho một buổi hội kiến. Ngài là một vị thầy ngoại hạng, một bậc sư phụ đúng với truyền thống ngàn xưa. Vị thầy thánh thiện U Pandita đã giải thích cho tôi thế nào là chánh ngữ. Ngôn từ không những chỉ dùng để nói lên sự thật mà còn phải mang lại sự hài hòa giữa con người, sự thân thiện, niềm an vui và cả sự lợi ích nữa. Chúng ta phải noi gương Đức Phật để nói lên những lời chân thật và thiết thực, dù cho những lời nói ấy đôi khi không được êm tai đối với người nghe.

Vị thầy thánh thiện U Pandita còn khuyên tôi nên trau dồi sự tỉnh thức.

Trong số năm khả năng tinh thần (lòng tin, sự hăng say, sức tập trung, trí tuệ và sự tỉnh thức) chỉ có sự tỉnh thức là không bao giờ trở thành quá dư thừa. Một lòng tin quá đáng thiếu sự hỗ trợ của trí tuệ sẽ biến thành một thứ đức tin mù quáng, một trí tuệ đơn thuần thiếu sự hỗ trợ của lòng hăng say sẽ tạo ra đủ mọi thứ mưu mẹo khiến mọi người lánh xa. Sự nhiệt tình quá đáng kèm theo sự tập trung tâm thức non kém sẽ mang lại sự đờ đẫn. Thế nhưng đối với sự tỉnh thức thì chẳng bao giờ xảy ra tình trạng quá đáng, mà lúc nào cũng vẫn còn thiếu. Khái niệm Phật giáo về sự tỉnh thức mà vị thầy thánh thiện U Pandita ra sức chỉ dạy cho tôi đã chứng minh một cách hùng hồn tính cách đích thực và giá trị của nó xuyên qua những năm tháng dài bị quản thúc. Noi gương các bạn đồng hành Phật tử của tôi trước đây, tôi quyết định dành trọn thời gian bị quản thúc để thiền định. Tuy nhiên đấy không phải là một quyết tâm dễ mang ra thực hiện. Vì không có thầy bên cạnh chỉ dạy nên bước đầu tập tành của tôi mang đầy thất vọng. Có những ngày tôi không thể nào thực hiện được một tâm thức kỷ cương đúng với sự đòi hỏi của phép thiền định. Sự bực dọc phát sinh khiến lắm lúc tôi cảm thấy thiền định có vẻ mang lại nhiều tệ hại hơn là lợi ích. Nếu không nhớ lại lời khuyên trước đây của một vị đại sư lừng danh cho biết việc thiền định chính là cách tu tập mang lại lợi ích cho chính mình, thì có lẽ tôi cũng đã bỏ dở dang.

Các lời giáo huấn của tăng đoàn đã hỗ trợ tôi rất nhiều trong các sinh hoạt chính trị. Trong suốt cuộc hành trình vận động tranh cử đầu tiên của tôi trên khắp lãnh thổ Miến điện, tôi đã đón nhận được vô số lời khuyên vô giá của các vị tu hành khắp nơi. Tại tỉnh Prome một vị thầy thánh thiện khuyên tôi lúc nào cũng nên hình dung trong tâm hình ảnh của nhà sư ẩn dật Sumeda, một người đã hy sinh dạng giác ngộ mà mình đã đạt được để đổi lấy vô số kiếp nhọc nhằn với ước vọng cứu độ chúng sinh khỏi khổ đau. Vị thầy thánh thiện của tỉnh Prome trên đây đã khuyên tôi: «Phải vượt lên những khó khăn của chính mình để mang lại an lành và công lý dù cho phải trải qua một thời gian thật dài».

Vị trụ trì một ngôi chùa ở tỉnh Pa-kokhu lập lại với tôi những lời khuyên mà ngài đã từng dặn dò cha tôi cách nay hơn 40 năm:

«Con chớ khiếp sợ khi người ta tìm cách dọa nạt con,

Thế nhưng con cũng không nên hoàn toàn không sợ hãi.

Con không nên say sưa mỗi khi người ta tán tụng con,

Thế nhưng con cũng không nên hoàn toàn không say sưa».

Nói một cách khác, nếu muốn giữ được lòng can đảm và sự khiêm tốn thì cũng không nên loại bỏ sự thận trọng và cả sự kính trọng chính mình một cách đúng mực.

Khi đến tỉnh Natmauk quê của cha tôi thời thơ ấu, tôi đến viếng ngôi chùa cha tôi đến học ngày còn bé. Vị trụ trì ngôi chùa giảng cho tôi nghe về bốn nguyên nhân đưa đến sự băng hoại và suy đồi, bốn nguyên nhân ấy như sau :

- bất lực không đủ khả năng tái tạo lại những gì đã mất;
- phó mặc không hàn gắn những gì bị hư hại;
- không quan tâm đến tầm quan trọng của sự chừng mực;
- đưa lên hàng lãnh đạo những người thiếu đạo đức và khả năng hiểu biết kém cỏi.

Vị trụ trì còn giải thích thêm cho tôi chính đấy là những lời khuyên đúng theo quan điểm Phật giáo hướng vào mục đích kiến tạo một xã hội công bằng và phồn vinh trong thời đại tân tiến ngày nay.

Đấy là những lời tràn đầy trí tuệ mà một vị thầy thánh thiện đã 91 tuổi ở tỉnh Sagaing đã khuyên bảo tôi khi tôi đi ngang vùng miền trung Miến điện. Ngài phác họa ra những khó khăn có thể xảy ra cho tôi khi tôi muốn thực hiện thể chế dân chủ cho quê hương Miến điện, ngài nói với tôi như sau :

«Con sẽ bị người ta tấn công và phỉ báng chỉ vì hoài bão của con muốn thực hiện một nền chính trị lương thiện. Thế nhưng con phải bảo vệ hoài bão ấy. Con phải thực hiện nó trong khổ đau, và sau này con sẽ gặt hái được phúc hạnh».

09.02.11

Lên Chùa

Nắng nghiêng chênh chếch sau chùa
Dừng chân miệng đếm chuông vừa ngân vang
Khói nhà trù toả xanh lam
Chúng sinh chợt nhớ chưa ăn nửa ngày
Già lam tịch mịch đứng đây
Xác còn nặng nợ, hồn bay phiêu bồng
Mây còn lững thững trời đông
Tà dương đang trốn vào lòng núi Tây
Nhớ xưa văng vẳng lời thầy
Yêu là đau khổ, Đời đầy bi ai
Mà sao dại cứ yêu hoài
Để con tim nhỏ đâm chồi nẩy hoa?
Dùng dằng bậc cấp bước qua
Tiếng chuông vọng cõi Ta Bà gọi tên
Tan bay trăn trở kim tiền
Chập chờn khoảnh khắc nhớ quên nợ trần
Hướng về chánh điện phân vân
Phải mình chới với đang cần dựa nương?
Đã quen với lẽ vô thường
Thì thôi gánh chịu vui buồn ghét yêu
Giỡn đùa chi với cao siêu
Trở về phố thị mà liều cuộc chơi
Chuông ngân tiễn khách xa rồi
Hồi đầu thấy một nụ cười nhẹ tênh.

MÃN ĐƯỜNG HỒNG

TU LÀ CHUYỂN NGHIỆP

Duyên Hạc Lê Thái Ất

(tiếp theo trang 7)

*** Chuyển** hiểu theo nghĩa *chuyển hóa, hóa độ* diễn ý rời thể tánh phẩm chất này sang thể tánh phẩm chất khác. Ứng dụng vào lý Nhân Quả, đây là quá trình thay đổi từ Ác sang Thiện, từ Tà sang Chánh, từ Họa sang Phúc. Đây là nghĩa chánh yếu trong lý Nhân Quả khi nói Tu là Chuyển Nghiệp.

Một câu hỏi then chốt: Mới thoạt nghe hai nghĩa khác nhau của quá trình Chuyển Nghiệp, người sơ tâm thấy như mâu thuẫn trái ngược nhau. Theo nghĩa thứ nhất thì *Nhân nào Quả ấy,* Nhân lành Quả lành, Nhân dữ Quả dữ. Theo nghĩa thứ hai thì *Nhân dữ lại chuyển hóa thành Quả lành* do sự hành trì Chánh pháp, tại sao? Hơn nữa trường hợp chuyển hóa từ Nhân lành sang Quả dữ có xẩy ra hay không?

Xin thưa: Quá trình Chuyển nghiệp có hai nghĩa khác nhau, bổ sung và kiện toàn cho nhau trong lý Nhân Quả, không có sự mâu thuẫn nghịch ý nhau.

Thứ nhất, lý Nhân Quả trình bầy *một Chân lý tuyệt đối*, một lẽ đương nhiên như vậy, một nguyên tắc bất di bất dịch: Một khi đã gieo Nhân nào ắt hái Quả ấy, không hề có sự sai khác. Gieo Nhân lành hưởng Phúc, không cầu Phúc vẫn đến và không ai tranh dành được. Gieo Nhân dữ mang Họa, dù có van lạy xin tha đừng giáng xuống cũng không tránh được, hoặc có người sót thương tự nguyện xin gánh đỡ phần nào cũng không được. Đây là uy lực của lý Nhân Quả tác động đến sinh hoạt nhân sinh.

Thứ hai, lý Nhân Quả trình bầy *một hệ luận bổ sung* nhằm mục đích khuyến tu làm điều Lành tránh điều Dữ: muốn hái Quả nào thì hãy gieo Nhân ấy, không hề có sự ép buộc làm mất quyền tự do chọn lựa của từng cá nhân. Muốn hưởng Quả Phúc hãy gieo Nhân Lành, muốn tránh Tai Họa đừng bao giờ gieo Nhân Dữ. Đây là *quyền tự do tuyệt đối của người gieo Nhân* đã nương theo lý Nhân Quả mà hành xử và được lý Nhân Quả có tính cách khách quan yểm trợ một cách công bằng vô tư. Phật tử có niềm tin nhưng chưa thông suốt lý giải hệ luận bổ sung một cách tường tận thường hiểu đây là ân cứu độ của Đức Phật ban Phúc cho tín đồ làm điều lành tránh điều dữ. *Ân cứu độ chúng sanh của Đức Phật là ân giáo hóa lý Nhân Quả, làm cho đệ tử hiểu rõ và sử dụng quyền tự do gieo Nhân*. Đó là ân đã pháp thí, không phải là ân ban Phúc hay che chở cho thoát khỏi Họa một khi đệ tử đã gieo Nhân. Phúc hay Họa là do chính đệ tử quyết định tự chọn, không phải do Đức Phật.

Nguyên tắc quy định Nhân nào Quả ấy có hệ luận bổ sung xác nhận quyền tự do gieo Nhân của con người. Sự bổ sung này *cần thiết không thể thiếu được* có tầm quan trọng tránh sự ngộ nhận cho rằng lý Nhân Quả là một dạng của thuyết Định Mệnh trong triết lý nhân sinh. Thuyết này chủ trương số phận con người được an bài định sẵn do một quyền năng thiêng liêng tối cao, có tính cách khách quan, không lý hội kể đến phần nào khả năng tự lực có tính cách chủ quan ở con người. Câu tục ngữ Người làm Trời định diễn ý thuyết Định Mệnh trong tin tưởng của người thường dân không thông hiểu lý Nhân Quả. Trong Truyện Thúy Kiều, thi hào Nguyễn Du là bậc túc Nho uyên thâm đạo Phật hiểu thấu lý Nhân Quả đã có câu thơ:

Có Trời mà cũng có Ta…

Ở một đoạn khác có câu thơ nói rõ ràng hơn khả năng tự lực tức quyền tự do gieo Nhân của con người trong việc định đoạt số phận mình:

Xưa nay Nhân định thắng Thiên cũng nhiều.

Trời và Thiên ở đây là lẽ Trời, Thiên lý hiểu là lẽ vận hành mọi sinh hoạt trong cuộc sống con người tức lý Nhân Quả trong Phật học.

Sau lý Nhân Quả kế đến việc sử dụng từ ngữ trong Phật học. Theo định nghĩa, Chuyển Nghiệp là chuyển hóa theo hai chiều: Thứ nhất theo chiều đi lên từ thấp lên cao, từ Ác thành Thiện, từ Tà thành Chánh; thứ hai theo chiều đi xuống từ cao xuống thấp , từ Thiện hóa ra Ác, từ Chánh hóa ra Tà. Tuy nhiên, theo thông dụng từ ngữ Chuyển Nghiệp dùng trong việc khuyến tu chỉ diễn ý chuyển hóa theo chiều đi lên vun bồi Quả Phúc. Năng lực chuyển hóa gọi là *Nghiệp lực* hay *Nguyện lực*. Trường hợp diễn ý chuyển hóa theo chiều đi xuống bị Tai Họa dùng từ ngữ *Đọa Nghiệp*, năng lực chuyển hóa gọi là *Đọa lực* (Tiếng Hán Đọa nghĩa là rớt xuống như nói đọa Địa ngục, đọa Súc sinh).

2- Vai trò A-lại- da thức trong quá trình chuyển nghiệp

Con người đứng hàng đầu hơn hết các giống động vật khác nhờ ở đời sống tâm linh có trí huệ linh diệu. Năng lực của trí huệ do ở Bát thức là tám khả năng nhận biết mọi vật mọi sự việc. Trong Bát thức vai trò tối thượng là thức thứ tám mang tên A-lại -da thức, phiên âm tiếng Sanskrit là Alaya. Đây là thức Chúa tể có quyền năng tối cao và bao trùm cả bẩy thức kia, định đoạt cuộc sống con người đọa xuống Địa Ngục hay chứng đắc Phật quả nhập Niết-Bàn. Với chức năng vừa tinh vi linh diệu vừa thông suốt vạn pháp, A-lại-da thức mang nhiều tên gọi khác nhau, mỗi danh xưng dịch sang tiếng Hán Việt tương ứng với mỗi vai trò riêng biệt tùy từng trường hợp muốn nhấn mạnh đề cao. Người thiện học cần lưu tâm những danh xưng sau đây:

Hàm tàng thức hay gọi tắt *Tàng thức* diễn ý vai trò chứa đựng, lưu trữ một thời gian những nhận biết, giống như nhà kho chứa hàng hóa.

Nghiệp thức diễn ý vai trò nhận biết tất cả mọi nghiệp do con người đảm trách trong sinh hoạt hằng ngày.

Chủng tử thức diễn ý vai trò nhận biết mọi hạt giống tức mầm sống chứa đựng sinh lực tức nghiệp lực của con người.

Căn bản thức diễn ý vai trò nền tảng của trí huệ, nguồn gốc của nhận biết.

Thức tâm diễn ý vai chính cầm đầu trong Bát thức. Thức tâm trong Lục thức là Ý thức tức thức thứ sáu.

Tập khởi tâm diễn ý vai trò thâu nhận quy tụ (tiếng Hán: Tập, tập trung, tập hợp) và phân phối tác động (tiếng Hán: Khởi, khởi sinh, khởi động) tất cả mọi nghiệp chủng tức hạt giống Nhân để rồi sanh ra Quả.

Như Lai tàng và *Như Lai thức* diễn ý vai trò có chức năng linh tri diệu ứng, những Nghiệp chủng lưu trữ, vừa sáng suốt nhận biết vạn pháp vừa tùy duyên ứng hóa khi thể hiện thành hành động. Chức năng này còn có tên gọi là *Thần lực Như Lai.*

Đại viên kính trí diễn ý vai trò giác ngộ đã đắc đạo quả Tâm Không tức Tâm Thanh Tịnh Vô Nhiễm. Tâm này coi như một tấm gương trong sáng có khả năng vừa tịch vừa chiếu: *Tịch* là phần bản thể tĩnh lặng an nhiên như Hư không bất động, không có một hoen ố nào; *Chiếu* là phần hiện tượng ứng dụng khi nhập thế chiếu soi thông suốt vạn pháp. Khi duyên chưa hội thì Tịch, khi duyên hội thì Chiếu, khi duyên liễu chấm dứt thì trở lại Tịch thường hằng, giống như Tấm Gương (tiếng Hán: Tâm kính) vốn trong sáng không có dấu vết gì, lúc có một vật gì ở trước gương thì gương soi tỏ hình tướng vật ấy thấy rõ trên mặt gương, đến lúc vật ấy rời đi chỗ khác thì mặt gương trở lại trong sáng như cũ không lưu trữ lại dấu vết gì. Chiếu là tác động của Tâm Hỷ vui vẻ đi vào đời và Tịch là tác động của Tâm Xả buông bỏ mọi thứ không luyến tiếc. Nói cách khác, *Chiếu là Tâm Nhập thế gian và Tịch là Tâm Xuất thế gian.*

Sự thông dịch từ một tiếng Sanskrit là Alaya sang nhiều tiếng Hán Việt khác nhau chứng tỏ vai trò của thức thứ tám vừa đa năng đa dạng vừa quán xuyến quy về một mối, đó là chức năng Chủ Tướng cai quản toàn bộ sinh hoạt tâm linh con người. Dịch sang tiếng Hán Việt không có danh xưng nào diễn đầy đủ trọn vẹn ý nghĩa nội dung tiếng Alaya, do đó danh xưng thường dùng nhất để diễn tả trung thực hơn cả là tiếng phiên âm *A-lại-da thức*, thêm tiếng Hán Việt là *thức* chỉ khả năng nhận biết. Hãy coi sự vận hành chuyển nghiệp tức guồng máy sinh hoạt tâm linh con người như cơ chế chánh quyền một quốc gia: A-lại-da thức là cấp trung ương đóng vai trò Lãnh đạo, bẩy thức còn lại đều là thuộc cấp dưới quyền của nhà Lãnh đạo trung ương. Mạt-na thức đóng vai tham mưu cố vấn, Ý thức đóng vai trực tiếp chỉ huy, năm thức đóng vai cấp thừa hành là Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỵ thức, Vị thức và Thân thức. Sự vận hành trong quá trình chuyển nghiệp đại cương chia làm ba giai đoạn chứng tỏ khả năng lãnh đạo của cấp trung ương tức A-lại-da thức: *Tập hợp, tàng trữ* và *khởi động.* Đây cũng là sự liên hệ phân định khả năng giữa cấp Lãnh đạo trung ương với các thuộc cấp dưới quyền.

→

Bình minh

Sương giá rơi rơi lạnh hiên ngoài
Xào xạc bên song lá khế lay
Màn đêm khép lại bình minh đến
Chim hót hoa cười... mây vẫn bay!

Sunshine State 2011

Dâng hương

Không gian lắng đọng buổi sớm mai
Sương vẫn giăng đầy lạnh đôi vai
Dưới chân từng bước ngang tâm thức
Đường xưa về lại... vẫn chưa phai.

Mai đào nở rộ quán âm đài
Xuân về trút sạch bụi trần ai
Xông trầm khói tỏa dâng bồ tát
Nguyện cầu chân tánh tuệ tâm khai.

Florida ngày đầu xuân 2011

TƯỜNG VÂN

*** Giai đoạn tập hợp**

Trong sinh hoạt hằng ngày Lục thức thu lượm những nhận biết đem giao nộp cho A-lại-da thức, có sự tham mưu cố vấn của Mạt-na thức. Phần việc của bẩy thức này là những động tác gieo Nhân tạo Nghiệp, bao gồm cả Nhân lành Nhân dữ thuộc Tam Nghiệp Thân, Khẩu, Ý. Nói theo ngôn từ khoa học, đây là phần việc của Giác quan do Ý thức chỉ huy trực tiếp thu lượm những dữ kiện trong cuộc sống để giao nộp cho Bộ Óc là A-lại-da thức theo hệ thống thần kinh cảm giác. Do đó con người mới biết mầu sắc, âm thanh, hương thơm nhẹ hay nồng, vị ngọt hay chua, nóng hay lạnh và vui buồn, đúng sai…

Trong quá trình Chuyển Nghiệp cần lưu tâm hai điều then chốt về hiệu năng và phẩm chất khả năng của Lục thức và Mạt-na thức:

- *Lục thức* có nhiều động tác thiếu sót và sai nhầm trong phần việc gieo Nhân, Phật học gọi là *Vọng thức*, nguyên do sinh ra Tà niệm, Vọng niệm, Thành kiến, Định kiến, Thiên kiến, Tà kiến. Đây là Vô Minh mê mờ dẫn con người trên con đường đau khổ luân hồi. Đây chính là nghiệp căn *Chấp pháp,* làm cho con người nhìn thấy pháp tướng tức hiện tượng hiển lộ của sự kiện mà không nhận biết ra pháp tánh tức bản thể ẩn tàng của sự kiện, Phật học gọi là chưa có khả năng *tùy tướng nhập tánh*, nương theo pháp tướng mà nhận biết ra pháp tánh.

Mạt-na thức đóng vai tham mưu cố vấn cho Lục thức, nói rõ hơn là có tác dụng chi phối đến Ý thức trong việc điều động năm thức đầu tức năm giác quan. Mạt-na thức nhận biết ra *Bản Ngã*, cái Tôi của con người, phân biệt tự thân với tha nhân. Sự phân biệt này dẫn đến Vị kỷ, *Chấp ngã* và do đó suy tư thiên lệch cái gì của mình hay thuộc về mình cũng hơn của người khác.

Tóm lại trong giai đoạn tập hợp, A-lại-da thức đã thâu nạp những Chủng tử tức Nghiệp Nhân cả lành lẫn dữ *mang sẵn nghiệp căn Chấp pháp và Chấp ngã*. Đây chính là nguồn gốc mầm mống của Tam độc Tam, Sân và Si.

*** Giai đoạn tàng trữ**

Sau việc tập hợp đến việc tàng trữ những Chủng tử do Lục thức giao nộp, do đó A-lại-da thức có tên gọi là *Tàng thức*. Ngoài vai trò tàng trữ, A-lại-da thức còn có một vai trò khác quan trọng hơn trong giai đoạn này, đó là *chuyển hóa*.

- *Tàng trữ* những Chủng tử, những Nghiệp Nhân đã gieo kể cả lành lẫn dữ. Không hẳn chỉ tập hợp thâu nhận những Nhân gieo hàng ngày mà tàng trữ tích lũy những Nhân đã gieo trong quá khứ từ vô lượng tiền kiếp. Khối chủng tử tích lũy này tạo thành Nghiệp Căn ngày một sâu nặng thêm, chia làm hai trường hợp: *Thiện Căn* hay *Phúc Căn* khi tỷ lệ Chủng tử Nhân lành nhiều hơn và *Ác Căn* hay *Tội Căn* khi tỷ lệ Chủng tử Nhân dữ nhiều hơn. Làm việc Thiện là gieo Nhân lành, vun bồi Thiện Căn; làm điều Ác là gieo Nhân dữ, đắp thêm cho Ác Căn.

- *Chuyển hóa* những Chủng tử cùng tích lũy tức Nghiệp Căn từ Ác sang Thiện, từ Tà sang Chánh, từ Hư sang Thực. Vai trò này là *tinh hoa nhân bản* của con người làm cho con người dung tục phàm phu có đủ khả năng thăng hoa thành Bồ-tát, thành Phật. Do đó A-lại-da thức có tên gọi là *Như Lai tàng*, *Như Lai thức*. Khả năng linh diệu này gọi là *Thần lực Như Lai.*

- Điểm cần lưu tâm: A-lại-da thức chỉ chuyển hóa Chủng tử nghĩa là cải tà quy chánh những Nhân dữ trở thành Nhân lành, không hề diệt trừ Nhân dữ và sinh ra Nhân lành mới.

*** Giai đoạn khởi động**

Khởi động tất cả những Chủng tử chứa sẵn năng lực tiềm ẩn, giống như làm cho nẩy mầm những hạt giống một khi đã gieo, Phật học gọi là *tác nghiệp* hay *tạo nghiệp.* Nếu không được khởi động, Nhân không chuyển thành Quả, không còn có lý Nhân Quả.

Vừa chuyển hóa vừa khởi động kết hợp thành sự vận hành Chuyển Nghiệp, một mặt từ Ác sang Thiện, một mặt từ Nhân ra Quả. Sau khi kết thành Quả là sự hiển lộ thành Báo Ứng, cụ thể hóa ra một sự kiện, một việc xẩy ra trong sinh hoạt thực tế, dân gian thường dùng tiếng ghép đôi Quả báo để diễn tả hai động tác nối tiếp liền nhau là kết thành Quả và hiển lộ thành Báo.

Tất cả ba giai đoạn tập hợp, tàng trữ và khởi động trong quá trình Chuyển Nghiệp người mang tâm thế gian với con mắt phàm phu không hay biết, chỉ nhận thấy có hai sự kiện trước và sau: Sự kiện trước là gieo Nhân mà chính mình không nhận thức ra là gieo Nhân vì Vô Minh và Tham Dục không phải chỉ ở kiếp hiện tại mà đã gieo Nhân từ rất nhiều kiếp trước; sự kiện sau là trả Quả mà không rõ từ đâu dẫn đến, nhận Quả lành thì bảo là Phúc Trời ban cho hay số may số tốt, nhận Quả dữ thì bảo là Tội Trời giáng họa hay số phận hẩm hiu bạc bẽo. Người hiểu lý Nhân Quả nhận thấy cái gọi là Phúc Trời hay Tội Trời là *lẽ đương nhiên như thế* trong quá trình Chuyển Nghiệp xuyên qua nhiều kiếp liên tục.

KẾT LUẬN

Tu Phật là Tu Tâm. Tu là Chuyển Nghiệp, phần lý giải tuy có tế nhị tinh vi nhưng phần hành trì tóm lại chỉ một câu tâm nguyện là đủ: LÀM ĐIỀU LÀNH TRÁNH ĐIỀU DỮ. *Trên đường Giải thoát làm một điều lành là tiến một bước, làm một điều dữ là lui một bước.* Trong sinh hoạt hàng ngày người khéo tu thấy việc lành rất nhỏ vẫn nhất tâm thực hiện, thấy việc dữ rất nhỏ vẫn nhất tâm cố tránh. Phúc hay Họa đều do ở đấy mà ra, lý Nhân Quả về mặt hành trì thật đơn giản dễ hiểu nhưng có hiệu ứng linh diệu vô cùng, đừng thấy đơn giản dễ hiểu mà khinh xuất không tu tập để uổng kiếp làm người ở thế gian.

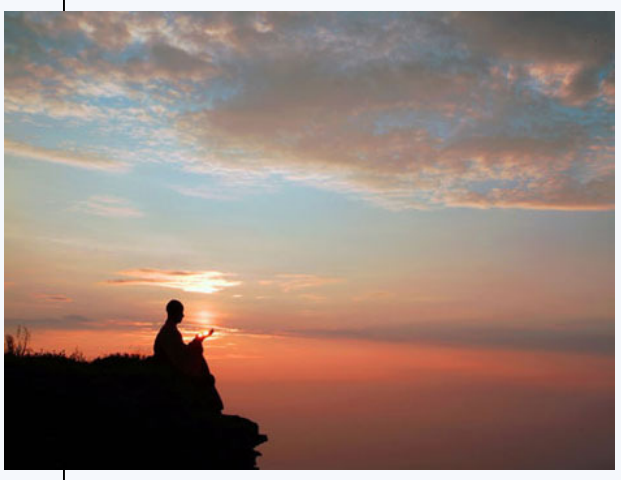

RỦ NHAU CÙNG TU

Đã sinh ra kiếp làm người
Tu là Chuyển Nghiệp cho đời nở hoa:
Tìm ngay Phật ở Tâm ta,
Trang nghiêm Tịnh Độ tự nhà mình ra,
Kính nhường, đầm ấm, vui hòa,
Thế gian hết khổ ấy là chân tu.

Duyên Hạc Lê Thái Ất

Tưởng niệm khi anh còn sống

Kính tặng Thầy Thích Phổ Hòa
(Hay cây cổ thụ nhà Lam, trưởng Hồng Liên Phan Cảnh Tuân)

… Khi tôi mất, xin hãy mặc áo Lam cho tôi
Và xin hãy đắp quan tài bằng lá cờ Hoa Sen Trắng*…

Ngày anh mất chắc mây sầu ảm đạm
Gió cũng ngừng để đưa tiễn anh đi
Bao áo Lam trưởng lão đến xuân thì
Đều ghi tạc một đời anh hy hiến
Cho tổ chức, quê hương và dân tộc
Rồi xuất gia cầu đạo Bồ Đề
Tấm gương ấy sáng ngời không phai nhạt
Nhưng anh đi chúng ta vẫn phải hát
"Đây gia đình cùng nhau chung thân ái"
Để nối tiếp nguyện vọng anh để lại
Là "thống nhất bất khả phân" của tổ chức GĐPT Việt Nam
Đẹp biết bao khi hoài bão nhà Lam
Được thực hiện trước ngày anh ra đi vĩnh viễn
50 năm trước, Đại Hội Thống nhất GĐPT Toàn Quốc đầu tiên
Đại Hội kỳ V vào tháng 12 năm 1961 tại Chùa Xá Lợi, Sàigòn
Chúng ta có quyền hy vọng, 50 năm sau, tháng 12 năm 2011,
Cũng có thể có một Đại Hội Hợp Nhất GĐPT Hoa Kỳ
Mà anh suốt đời ấp ủ
Bao nhiêu viết mực cũng không đủ
Để viết về công trạng và hạnh nguyện của anh
Đêm nay một mảnh trăng thanh
Tưởng niệm anh khi anh còn sống
Xin nguyện cầu cho tất cả
Tay trong tay lòng bên lòng
Xây dựng tổ chức GĐPT Việt Nam
Bằng chất liệu thương yêu, bao dung, và tha thứ.
Nam Mô Thầy Phổ Hoà thương yêu đang sống đạo
Nén hương lòng thành kính gởi đến anh.

TÂM THƯỜNG ĐỊNH

---

* Lời của trưởng Hồng Liên Phan Cảnh Tuân

Hương thơm của loài hoa…

Cư sĩ Liên Hoa

Rồi có một ngày nào đó
khi trên đôi vai mỏi,
oằn gánh nặng cuộc đời
qua bao nhiêu năm tháng
khi mắt nhạt nhoà, yếu kém
khi bước chân dò dẫm
trên những con đường qua lại
chân run, tay thỏng
chốn trần gian bão tố
nơi dốc đá, đèo nghiêng
nắng có hong màu tóc
mây có lùa trên má
gió rơi hoa thơm mắt
có hạnh phúc ngọt ngào
khi cơn đau mật ngọt
bàn tay bịn rịn, níu kéo
đôi tay đẩy đưa
lời nói làm chia ly
trái tim đưa sum họp
mưa có xóa tan bao nhiêu kỷ niệm đẹp
mùi hoa lá đời người
gió cát phù du,
núi mờ dĩ vãng
nhưng, nếu có ai hỏi chúng ta
điều gì còn lại trên cõi đời nầy
khi buông xuôi đôi tay
mắt khép vào miên viễn
thì có phải chăng
đó là Tình yêu, là Tấm lòng, là sự Chia sẻ

Tình yêu,
gánh bớt cho con người sức nặng của thời gian
làm dịu trái tim khi thổn thức
những bức rức, bâng khuâng
ướp vị nước mắt mặn trở thành mùi vị cam lồ
hạnh phúc nhẹ nhàng
thoảng hương thơm
của hoa, của lá, của cỏ dại, lá khô

Tấm lòng,
có cái gì đó rất là ấm áp
có gì đó, rất là thân cận
có mặt đâu đây,
không cần mời gọi
bên nhau khi đời mưa gió
gió trở thành hoa
mây biến thành ánh nắng
vũ trụ trở thành căn nhà
đầy hoa thơm, cỏ lạ
hăng hắc những tình nồng
dù có đi xa, trên vạn nẻo đường
vẫn muốn trở về
vì nơi đó, có hương mềm dịu ngọt

Sự chia sẻ,
có cần gì phải nói lời cao xa
có cần gì phải bông lung, hư ảo
có cần gì phải vân du trên cõi cao
con người,

Ôi con người, trần gian là ruột thịt
nơi đến đi của mọi cõi lành
nơi có sự chia sẻ
vì em, vì anh, vì muôn loại
bên nhau, im lặng
giây phút đó trở thành bất diệt
vì nơi vực sâu trái tim
không màu mè, hoa mỹ
vì nơi dòng máu nóng,
từng buông bỏ vọng mê
chúng ta thấy nhau
trong suốt những tâm tình chân chất
dù mỗi tiếng,
mỗi lời nói ra
chúng ta lắng nghe được tiếng sóng của hải triều
tiếng của âm thanh vi diệu
tiếng của gần gũi, êm dịu
xoá tan bao nghịch cảnh cuộc đời
dù có là sóng cuồn cuộn dâng cao
dù có là bão tố, gió lớn
nhưng làm sao có thể
xoá mất được tấm lòng
khi ước mong chia sẻ
mẹ ôm con vào lòng
con của mẹ
dù đời có ra sao
mẹ sẵn sàng hy sinh tất cả cuộc đời
vì con
cha vuốt tóc con
đôi tay trao cả tình thương
với ánh mắt san sẻ
hãy bước ra đi, vì lý tưởng, tình yêu người
đứa bé cắp sách đến trường
học những tinh hoa, ôm đời lấy tình thương
giữa bao lớp sóng phế hưng
bao thế hệ vì tình yêu tiếp nối
tình yêu đất nước, con người, nòi giống
nuôi lớn lên từ tình yêu, tấm lòng và sự chia sẻ
những người nghèo tìm ngày hai bữa sống
vì con, vì vợ, vì chồng
dù gian nan, dù khốn khổ
vẫn vui tươi khi nhìn bước chân chai sạn
mài hạt cát lăn tròn nhẫn nhụi
bằng lòng nằm im trước sóng gió
giúp đời, có những nụ hoa nở đẹp
trên gương mặt người thân thương
bát cơm đạm bạc trở thành hạt ngọc
hạt ngọc tình yêu
nuôi dưỡng sức sống hạnh phúc
tình yêu trai gái
tình yêu vợ chồng
có muôn lời muốn nói
có bao nhiêu tâm tình muốn trao
vì đường đời hiu quạnh
vì mọi góc ngả chập chùng
nếu ánh mắt nhìn nhau
cạn khô màu sắc
nếu đôi môi im lặng, nút nẻ
bàn tay nắm lấy nhau hời hợt
trái tim không còn thổn thức chia sẻ
vô tình, không thấy nhau
như mỗi ngày mới, có lòng hy sinh
màu sắc hoa sẽ héo tàn theo dấu thời gian
nơi bóng râm hiu quạnh, lạnh lẽo, giá buốt
người phu quét đường
đứa bé đi bán vé số dạo
những đứa trẻ mồ côi
thiếu tình thương ruột thịt
những người kiếm ăn vất vả
người lang thang trên mọi nẻo đường
những cô gái bán hoa, bán thân xác
dù đời mỉa mai, tủi nhục, cay đắng
nhưng trong góc tối cuộc đời
một hôm nào đó
ngồi lặng yên, nhìn lại đời trôi
nước mắt có chảy dài
vì trong bao vinh nhục
vẫn còn nhớ đến ánh mắt,
vì trong bao nỗi chua xót
vẫn vang lời thương chia sẻ của một ai đó
không vì hào nhoáng, không vì kiêu sa
không vì đồng tiền vung ra
tìm vui thoáng chốc
nhưng vì tình yêu của con người
được tấm lòng chân chất
người mang kiến thức trao truyền
nào phải chỉ là cho tri thức,
hay sự hiểu biết bên ngoài
mảnh bằng có thể tạo nên địa vị
danh vọng có thể đem lại giàu sang, phú quí
kiến thức có thể trở thành thông thái
nhưng không có tình yêu,
không hiểu đến nguồn cội của trái tim
cảm thông, tấm lòng, chia sẻ
chúng ta sẽ trở thành người nơi hoang đảo
sống đơn độc, đìu hiu
dù đi bên cạnh con người
nhưng hình ảnh người lại không có trong trái tim
sự đau khổ khi đối diện vô thường
những bất hạnh không biết đường giải thích
chốn nào là nhân, nơi nào là quả
nếu tất cả là sự sắp đặt sẵn
dù là của Thần linh, dù là bất cứ ai
có phải đó là nguồn cội của bất công,
thiếu tình yêu, cạn vắt tấm lòng
loài người tìm đến tôn giáo
nơi suối nguồn yêu thương, hạnh phúc
mong tìm lấy bình an trong cuộc sống
để tình yêu được nầy nở
tấm lòng được nhân rộng
sự sẻ chia được lan toả khắp mọi phương trời
nhà truyền giáo dấn thân trong cuộc đời
vì sự khổ đau, bất hạnh của con người
chỉ rõ đường mê, nẻo chánh đi về
đóng cửa vọng mê
đem những gì có thể chia sẻ
dù là vật thực, dù là tuệ giác, dù là tâm linh
nhưng nơi đó chứa đựng tình thương con người
vì cùng là thân phận con người
không phải chỉ vì lòng kiêu hãnh
không phải vì lý tưởng ích kỷ, kiêu vọng
không phải vì vị kỷ tâm linh
vì loài người cần tình yêu chân thành, nhân bản
vì loài người cần tấm lòng bao dung, chia sẻ

con người không cần tôn giáo
khi tôn giáo là mầm mống của bất công
vắng bóng tình người,
con người không cần đến tôn giáo
khi tôn giáo gây ra chiến tranh, tạo ra cuồng tín
con người không cần tôn giáo
khi tôn giáo đưa đến sự nô lệ Thần quyền
con người không cần đến tôn giáo
khi tôn giáo mang đầy âm mưu, tính toán
tạo nên những cuộc vong thân, chia rẻ
đầy những tham sân si, tàn bạo
ẩn tàng dục vọng, xâm chiếm, chiến tranh
con người không đến tôn giáo
khi tôn giáo
là nguyên nhân của sự tàn hoại văn hoá, nhân tâm
con người cần tôn giáo
chỉ vì nơi đó là tình thương, là tuệ giác
nơi đó con người tìm lại chính mình
bỏ vọng, thấy rõ con người chân thật, nhân bản
nơi đó, con người
có đầy đủ phẩm chất thành người tỉnh thức
nhận thức được
vũ trụ nầy đều do duyên sinh, duyên diệt
con người là người sáng tạo
để đem tình yêu, tấm lòng và sự chia sẻ
đến với đồng loại, đến với các loài
làm màu mỡ, đẹp cho hành tinh xanh nầy
chỉ còn lại là Tình yêu, là tấm lòng và sự chia sẻ
vì khổ đau đã kinh qua
vì bất hạnh đã từng trải
vì nước mắt đã từng rơi
vì sự vong thân đã đến tận cùng
nên phải trở về
phải trở về nơi suối nguồn tươi mát, dịu êm
thấy trên gương mặt nhau
ánh trăng vàng chiếu soi, mát rượi
của tình thân, của cái nắm tay nhau gần gũi
thấy trên đôi mắt của nhau
có ánh nắng mặt trời của tuệ giác
nhìn rõ nguồn cội khổ đau,
để cùng chia sẻ, vì tất cả tấm lòng,
vì tất cả chỉ còn là tình yêu
phải không?

Xin được dâng tất cả tâm tình vừa được quán chiếu,
nhìn lại tâm, và ghi chép lại trong sự xúc động…

(Ngày Valentine 14.02.2011
lúc 5 giờ chiều)

Donncha Ó Caoimh, http://inphotos.org/

KHÓA TU DƯỠNG TĂNG NI KỲ 2 TẠI NIỆM PHẬT ĐƯỜNG FREMONT, BẮC CALIFORNIA

Từ ngày 3/1 đến 8/1/2011 khóa tu dưỡng dành cho quí tăng ni tại Hoa Kỳ được tổ chức lần thứ 2 tại Niệm Phật Đường Fremont, miền bắc California. Chủ toạ khóa học là hòa thượng trụ trì H.T. Thích Thái Siêu. Tăng ni đến từ nhiều chùa tại Hoa Kỳ. Có vị đến từ nơi xa xôi như Hawaii. Khóa tu bao gồm phần thuyết giảng của H.T. Thích Thái Siêu, H.T. Thích Nguyên Siêu, và T.T. Thích Hạnh Tuấn. Ngoài phần thuyết giảng là phần thuyết trình của các tăng ni. Phật tử của khu vực Fremont và các vùng phụ cận cũng ngồi phía sau dự thính và đặt nhiều câu hỏi trong phần thuyết trình.

Dù cho thời tiết mùa này tại vùng bắc Cali rất lạnh giá, nhưng các tăng ni vẫn theo đúng thời khóa đã đề ra. Các phật tử đến rất đông để cùng công phu sáng với các tăng ni. Nhớ lại một lần, có một vị hòa thượng đến từ Việt Nam đã ở tại chùa mấy hôm và tán thán tinh thần tu học của các phật tử tại Niệm Phật Đường khi thấy sáng nào cũng công phu Lăng Nghiêm rất tinh tấn.

H.T. trụ trì Thích Thái Siêu trong bài giảng cũng như nhiều lần phát biểu đã cho thấy tấm lòng của H.T. thật bao la tràn ngập thương yêu các tăng ni trẻ đang tiếp nối trên con đường hoằng pháp độ sanh. H.T thường nhấn mạnh: "Tôi mong có một ngày các quí tăng ni ngồi dưới đây sẽ thay thế tôi mà ngồi chiếc bàn chấm điểm ở đây như tôi bây giờ."

Tổ chức một khóa học phải hội đủ nhiều điều kiện và một tấm lòng đối với tăng ni sinh như H.T. Thích Thái Siêu. Với ơn đức vô lượng như thế, phật tử của N.P. Đ Fremont cũng đã không ngại bỏ công sức để cùng H.T. lo cho khóa học được thập phần viên mãn. Các phật tử người nào việc đó cùng chung sức cho ban ẩm thực, ban nghi lễ, hương đăng, văn nghệ, tham quan, cũng như nhiều tiểu bang khác nữa.

Các tăng ni đã hết sức nỗ lực trong bốn ngày tu học thật căng thẳng để chuẩn bị cho các bài thuyết trình. Thường là hôm nào cũng thức đến hơn nửa đêm. Các tăng ni đã vận dụng những kiến thức và những bài vở trên internet vừa mới cập nhật để có những bài thuyết trình thật sống động, phong phú, đem nhiều lợi lạc cho người nghe. Những câu hỏi từ phía phật tử đã được các tăng ni trả lời gãy gọn, súc tích, dễ hiểu, và có chút vui trong đó đã đem lại nhiều tiếng vỗ tay thật ấm lòng mọi người.

Cuối khóa học là phần cúng dường trai tăng, một chuyến tham quan chùa Ưu Đàm tại thành phố Monterey. Phần văn nghệ thật phong phú kéo dài như thể không bao giờ chấm dứt được.

Khóa học đã được sự chứng minh của H.T. Thích Thắng Hoan, H.T. Thích Thanh An, H.T. Thích Tịnh Từ, H.T. Phước Thuận, H.T. Thích Thái Siêu, H.T. Thích Nguyên Siêu, H.T. Thích Chơn Minh, và rất nhiều chư tôn đức tăng ni khác.

Phật tử N.P.Đ. Fremont

YỂM TRỢ BÁO CHÁNH PHÁP

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn đức,

Kính thưa quý Phật tử và bạn đọc gần xa,

Nhằm phổ biến giáo lý Giác ngộ của Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni và tạo mối dây liên hệ tinh thần giữa Phật giáo đồ khắp nơi, báo Chánh Pháp ra đời. Thời gian qua, báo Chánh Pháp đã tạo được niềm tin cậy và yêu thích của bạn đọc, xuất gia hay tại gia.

Tuy vậy, để báo Chánh Pháp được duy trì và phát triển trên đường dài, Ban Chủ Trương chúng tôi mong mỏi được sự yểm trợ sâu rộng của chư tôn đức và quý phật-tử qua các phương thức sau:

- Chư tôn đức Tăng Ni và quý văn thi hữu xin đóng góp bài vở, gửi về tòa soạn (nội dung liên quan Phật giáo, Văn Hóa, Xã Hội, Từ Thiện…)
- Quý phật-tử có thương vụ xin đăng quảng cáo để ủng hộ
- Quý phật-tử đồng hương xin phát tâm ủng hộ mỗi vị $3 một tháng (để trang trải cước phí gửi báo đi khắp nơi)
- Giới thiệu báo Chánh Pháp đến thân nhân, bằng hữu, bạn đạo khác.

Sự yểm trợ của chư tôn đức, văn thi hữu và bạn đọc sẽ giúp cho nội dung báo Chánh Pháp ngày càng phong phú, đặc sắc hơn, giúp chúng tôi vượt qua những trở ngại tài chánh để nuôi dưỡng tờ báo dài lâu, góp phần hoằng dương Phật đạo.

Thành thật tri ân chư liệt vị.

Tỳ kheo Thích Nguyên Trí

Tịnh tài xin gửi: CHÁNH PHÁP
11502 Daniel Ave., Garden Grove, CA 92840 – U.S.A.
Tel.: **(714) 638-0989**

Bài vở xin gửi: baivochanhphap@gmail.com

CẢM TẠ

Thành thật cảm tạ sự ủng hộ quý báu bằng tinh thần hay tịnh tài của chư tôn đức Tăng Ni và đồng bào Phật tử đối với báo Chánh Pháp. Đây là niềm khích lệ to lớn cho chúng tôi trong công tác truyền thông, hoằng pháp.

Ngoài sự bảo trợ ấn phí của chư tôn đức và các tự viện, chúng tôi còn nhận được sự ủng hộ của chư tôn đức Tăng Ni và quý phật-tử cũng như của quý thân chủ quảng cáo.

Sau đây là danh sách ủng hộ báo Chánh Pháp tháng qua:

Chùa Pháp Hoa (KS) $300, Nguyễn Hữu Đĩnh $37, Mạch Bình Nam $30, Lê Trung Trực $20, C. Pháp Hoa $300, Hoàng K. Ngô $20, Phạm Giao $30, Sa-di Tâm Định $20, Lê Như Thưởng $200, Cư sĩ Liên Hoa $200

Ngưỡng nguyện Tam Bảo thùy từ gia hộ chư liệt vị thân tâm an lạc, vạn sự cát tường.

Ban Thư Ký Chánh Pháp

LỄ CUNG NGHINH PHẬT NGỌC VÌ HÒA BÌNH THẾ GIỚI
TẠI CALIFORNIA CENTER FOR THE ARTS, ESCONDIDO, TỪ 29.01 ĐẾN 06.02.2011

LỄ CUNG NGHINH PHẬT NGỌC VÌ HÒA BÌNH THẾ GIỚI
TẠI TU VIỆN AN LẠC, VENTURA, CALIFORNIA, TỪ 12.02 ĐẾN 27.02.2011

ĐỌC THƠ XUÂN
CỦA NGUYỄN DU (1765- 1820)

Lam Nguyên

Nguyễn Du sinh năm 1765, mất năm 1820, tự là Tố Nhu 素 如, hiệu là Thanh Hiên, biệt hiệu là Hồng Sơn Liệp Hộ, người làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đậu Tam trường năm 19 tuổi. Năm 1787, ông đang giữ một chức quan võ ở Thái Nguyên thì Nguyễn Huệ đem quân ra Bắc, vua Lê Chiêu Thống chạy sang Tàu, ông lui về ẩn tại quê nhà.

Năm 1802, vua Gia Long thống nhất đất nước, ông bị vời ra làm quan, lần lượt giữ các chức Tri huyện Phụ dực Thái bình, Tri phủ Thường tín Hà đông. Năm 1804, ông cáo quan, nhưng năm 1806 lại bị triệu ra làm quan, và lần lượt giữ các chức Đông các Đại học sĩ ở kinh 1806, Bố chính tỉnh Quảng bình 1808, Cần chánh điện Đại học sĩ, sung chức chánh sứ sang Tàu 1813, Lễ hộ Hữu Tham tri 1814.

Năm 1820, ông lại được cử đi sứ nhưng chưa kịp đi thì mất ngày 10 tháng 8 năm Canh Thìn. Tác phẩm chữ Hán có *Thanh Hiên tiền tập, Thanh Hiên hậu tập, Nam trung tạp ngâm, Bắc hành thi tập, Lê quý kỷ sự*. Tác phẩm chữ Nôm có *Đoạn trường tân thanh, Văn tế thập loại chúng sanh, Thác lời trai phường nón*.

瓊 海 元 宵
Quỳnh Hải Nguyên Tiêu

元 夜 空 庭 月 滿 天
Nguyên dạ không đình nguyệt mãn thiên,
依 依 不 改 舊 嬋 娟
Y y bất cải cựu thuyền quyên.
一 天 春 興 誰 家 落
Nhất thiên xuân hứng thùy gia lạc,
萬 里 瓊 州 此 夜 圓
Vạn lí Quỳnh Châu thử dạ viên.
鴻 嶺 無 家 兄 弟 散
Hồng Lĩnh vô gia huynh đệ tán,
白 頭 多 恨 歲 時 遷
Bạch đầu đa hận tuế thì thiên.
窮 途 憐 汝 遙 相 見
Cùng đồ lân nhữ dao tương kiến,
海 角 天 涯 三 十 年
Hải giác thiên nhai tam thập niên.
素 如 Tố Như

Lam Nguyên phỏng dịch:

Đêm Nguyên Tiêu Ở Quỳnh Hải
Nguyên tiêu sân vắng nguyệt đong đầy,
Vẻ đẹp ngày xưa chẳng đổi thay.
Bóng ngọc Quỳnh Châu tròn vạn dặm,
Một bầu xuân tứ rớt nhà ai.

Anh em lưu lạc xa Hồng Lĩnh,
Ngày tháng tuần hoàn chịu đắng cay.
Thương cảnh cùng đường xa thấy bạn,
Ba mươi tuổi góc bể chân trời!
(Seattle, Thu 2009)

春 日 偶 興
Xuân Nhật Ngẫu Hứng

患 氣 經 時 戶 不 開
Hoạn khí kinh thời hộ bất khai,
逡 巡 寒 暑 故 相 催
Thuân tuần hàn thử cố tương thôi.
他 鄉 人 與 去 年 別
Tha hương nhân dữ khứ niên biệt
瓊 海 春 從 何 處 來
Quỳnh hải xuân tòng hà xứ lai.
南 浦 傷 心 看 綠 草
Nam phố thương tâm khan lục thảo,
東 皇 生 意 漏 寒 梅
Đông hoàng sanh ý lậu hàn mai.
鄰 翁 奔 走 村 前 廟
Lân ông bôn tẩu thôn tiền miếu,
斗 酒 雙 柑 醉 不 回
Đẩu tửu song cam túy bất hồi.
素 如 Tố Như

Lam Nguyên phỏng dịch:

Ngày Xuân Ngẫu Hứng
Mãi đóng cửa suốt mùa trời xấu,
Rét lại nồng lui náu lẫn nhau.
Quê người thân khách dãi dầu,
Giờ xuân Quỳnh Hải từ đâu lại rồi.

Nhìn cỏ biếc bùi ngùi Nam Phố,
Nhớ hoa mai hiện rõ xuân nồng.
Miếu thần quanh quẩn lân ông,
Rượu cam say tít nên không về nhà!
Seattle, Thu 2010.

山 居 漫 興
Sơn Cư Mạn Hứng

南 去 長 安 千 里 餘
Nam khứ Trường An thiên lý dư,
羣 峯 深 處 野 人 居
Quần phong thâm xứ dã nhân cư.
柴 門 晝 靜 山 雲 閉
Sài môn trú tĩnh sơn vân bế,
藥 圃 春 寒 隴 竹 疏
Dược phố xuân hàn lũng trúc sơ.
一 片 鄉 心 蟾 影 下
Nhất phiến hương tâm thiềm ảnh hạ,
經 年 別 淚 雁 聲 初
Kinh niên biệt lệ nhạn thanh sơ.
故 鄉 弟 妹 音 耗 絕
Cố hương đệ muội âm hao tuyệt,
不 見 平 安 一 紙 書
Bất kiến bình an nhất chỉ thư.
素 如 Tố Như

Lam Nguyên phỏng dịch:

Ở Núi Cảm Hứng
Ngàn dặm Trường An cách phía Nam,
Người quê núi thẳm túp lều nằm.
Cửa sài ngày vắng mây nhiều lớp,
Vườn thuốc xuân trơ trúc mấy hàng.

Trăng dõi hương quê lòng khắc khoải,
Nhạn xa dòng lệ khách âm thầm.
Anh em năm tháng biệt tin tức,
Chẳng một tờ thư gửi đến thăm!

XA CHÙA XA BẠN XA THẦY NHƯ CHIM XA TỔ NHƯ CÂY XA RỪNG

Tịnh Minh soạn dịch từ *Pháp Thoại Pháp Cú*

Thuở xưa, vì sự ràng buộc, bức bách của ba dòng tư tưởng độc hại tham, sân, si nên Trưởng lão Mê-ghi-da (Meghiya) không thể tiếp tục tu tập hành thiền trong khu rừng xoài mà phải trở về gặp Đức Thế Tôn để giải bày tâm sự. Vừa thấy Thế Tôn ngồi giữa đại chúng, Trưởng lão Mê-ghi-da liền ngỏ lời chào hỏi, cung kính đảnh lễ Ngài và thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn, con xin sám hối về cái tội đã không nghe lời khuyên răn của Đức Thế Tôn, đã tự ý vào rừng tịnh tâm tu niệm. Nhưng, bạch Thế Tôn, tu tập một mình, xa cách đồng môn pháp lữ quả thật vô cùng khó khăn. Cái cảm giác cô đơn trống vắng cứ vang dội trong tim, trong óc con; nhất là từ khi xa Đức Thế Tôn, không biết sao tâm ý con cứ chập chờn loạn động, thoạt đến thoạt đi, lăng nhăng lít nhít, không sao tĩnh tâm, định ý được; ngay trong giấc ngủ con cũng không cảm thấy an lành, cái tâm quả thật đáng sợ, khó bề nhiếp phục làm sao!

Đức Thế Tôn mỉm cười, nói:

- Vậy đó! Tăng ly chúng tăng tàn, hổ ly sơn hổ bại. Tôi khuyên thầy ở lại tu tập với tôi một thời gian, chờ thầy khác đến rồi thầy hãy đi, vậy mà thầy nỡ để tôi một mình một bóng nơi đây. Tỳ-kheo không được tự ý bỏ Thầy ra đi trong khi Thầy yêu cầu mình ở lại. Thầy đã phạm phải một lỗi lầm nghiêm trọng đó, Mê-ghi-da! Hơn nữa, như thầy biết đấy, trên bước đường tu tập, không phải Tỳ-kheo nào cũng cảm thấy dễ dàng trong việc điều phục thân tâm, bởi vì tâm ý con người luôn luôn thay đổi, hiện khởi liên tục như những đợt sóng cuồn cuộn trên mặt đại dương. Nếu không thân cận với các bậc thiện hữu tri thức, tôn đức minh sư thì khó mà hộ trì nhiếp phục, thúc liễm vọng tâm lắm Mê-ghi-da à!

Ngài đọc kệ:

Tâm dao động bất thường,
Khó hộ trì nhiếp phục,
Người trí điều tâm phúc,
Như thợ tên uốn tên.

Như cá vớt khỏi nước,
Quăng trên bờ vực khô,
Tâm lo sợ vùng vẫy,
Vượt thoát cảnh ma đồ.
(PC. 33, 34)

Vừa nghe Đức Thế Tôn đọc kệ xong thì Trưởng lão Mê-ghi-da liền chứng quả Tu-đà-hoàn, một số Sa-môn khác chứng quả Tư-đà-hàm và A-na-hàm. Tất cả đều lâng lâng hỷ lạc, đứng lên niệm danh hiệu Đức Bổn Sư và đảnh lễ Ngài ba lần. Sư đệ nhìn nhau bằng ánh mắt thân thương với nụ cười nồng ấm như ánh nắng ban mai sưởi ấm rừng núi đông phương.

LÝ NHÂN DUYÊN SANH

Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hoa Kỳ biên soạn

I. Định nghĩa:

Nhân: Những gì có năng lực phát sanh. Yếu tố chính của sự phát sanh.

Duyên: Những yếu tố phụ giúp cho nhân phát sanh.

II. Định lý Nhân Duyên:

Mọi vật hình thành do kết quả của sự tác dụng giữa nhân và duyên. Ví dụ:

1. Cái bàn thì được tạo thành do gỗ là yếu tố chính (Nhân) và công làm là yếu tố phụ (Duyên).

2. Ngôi chùa được tạo thành do gạch, xi-măng, gỗ, đinh v.v. là yếu tố chính (Nhân) và công xây cất là yếu tố phụ (Duyên).

III. Những đặc điểm của Lý Nhân Duyên:

1. Tất cả sự hiện hữu trong vũ trụ đều có thể giải thích trong Lý Nhân Duyên .

2. Lý Nhân Duyên chi phối tất cả: Tất cả các sự vật khác nhau (hình tướng, tánh tướng, thể tính, khí tính, v.v...) đều do nhiều Nhân-Duyên khác nhau mà hình thành. Không một vật gì hình thành ngoài sự hội hợp của Nhân Duyên.

3. Lý Nhân Duyên là một sự thật. Đức Phật chỉ là người phát hiện sự thật ấy. Lý nhân duyên sanh còn gọi là Lý duyên khởi:

- Cái này có vì cái kia có.
- Cái này sinh vì cái kia sinh.
- Cái này không vì cái kia không.
- Cái này diệt vì cái kia diệt.

IV. Áp dụng Lý Nhân Duyên vào đời sống hàng ngày:

1. Lý Nhân Duyên cho chúng ta rõ mọi sự vật đều do nhân duyên tụ hội mà thành. Khi nhân duyên thay đổi thì sự vật ấy cũng thay đổi; cho nên chúng ta đừng quá nâng chiều sự vật ấy vì một ngày nào đó nó cũng sẽ thay đổi khi nhân duyên tan rã. Không nên quá vui khi có nó và cũng đừng khi mất nó. Đừng để sự vui buồn của chúng ta lệ thuộc vào những thứ tạm có đó.

2. Lý Nhân Duyên cho chúng ta rõ mọi vật khác nhau đều do nhiều nhân duyên khác nhau tạo thành. Không nên buồn khi gặp những gì mình không thích và cũng đừng quá vui khi gặp những gì vừa ý. Vì làm như thế, dù trước hay sau mình cũng phải có một lần buồn vì được nó hoặc mất nó.

3. Lý Nhân Duyên cho chúng ta hiểu rằng mình hãy bình thản sống với những gì mình có. Đừng vì đua đòi những thứ tạm có ấy để rồi làm khổ cuộc đời mình.

4. Lý Nhân Duyên cho chúng ta thấy rằng: Không có một vật gì tự nhiên mà có, và không một nhân nào có thể phát sanh khi không có những duyên phụ. Vì thế, con người và các sự vật có đều do nhiều nhân duyên tạo thành chứ không phải do một vị Thượng Đế nào sáng tạo ra.

5. Lý Nhân Duyên cũng cho chúng ta thấy rằng tương lai của chúng ta nằm trong tay chúng ta. Chúng ta muốn đẹp hay xấu, giàu hay nghèo, vui hay buồn đều do những nhân duyên tự bản thân ta tạo ra.

V. Kết Luận:

Mọi sự vật hình thành khác nhau đều do nhiều nhân duyên khác nhau tụ hợp mà sanh ra.

Chính vì nhân duyên biến đổi không ngừng nên không có vật gì có thể tồn tại mãi mãi được. Hiểu được như vậy, chúng ta không nên quá vui hoặc quá buồn khi được nó cũng như khi mất nó. Trái lại,hiểu được như vậy sẽ giúp bản thân chúng ta sống an vui, hạnh phúc.

The Law of Causality

I. Definition:

Cause: Anything that is capable of producing/ happening/ forming. It's the main factor of the result.

Supporting Factor / constituent: Any factor that contributes to the cause to produce result.

II. Definition of the Law of Causality:

Everything happening or created or formed result from the interaction between the cause and supporting factors. Examples:

1. A table is composed of wood (main cause) and labor to build it (supporting factors / components).

2. A temple is composed of bricks, cement, wood, nails, etc..., (main causes) and labor to build it (supporting factors/ components).

III. The characteristics of the Law of Causality:

1. All existence in the Universe can be explained in terms of the Law of Causality.

2. All existence is formed differently due to different causes and supporting factors. The Law of Causality engages in every single element being formed.

3. The Law of Causality is a true principle. Buddha was just a person who cited it.

IV. The application of the Law of Causality in daily life:

1. The Law of Causality helps one understand every existence depending upon the main cause and supporting factors. In the absence of one or the other, that existence will be changed accordingly; therefore one should not feel too pampered over any existence. One should neither be too happy nor too sad when having or losing such existence. One should not base affections on the temporary existence of anything.

2. The Law of Causality helps one understand that different causes and different supporting factors can yield different results. One should neither be too happy nor too sad when one encounters it. Practicing the Law of Causality will eliminate the sadness in one's life.

3. Practicing the Law of Causality will help one feel pleased and delighted for what one is presently experiencing. Do not follow the material influence of the society which may bring misery to one's life.

4. The Law of Causality helps one understand that nothing exists without the correlation between cause and supporting factors. Therefore, all existences result from the correlation between cause and constituents. God does not create them.

5. The Law of Causality helps one understand that one's future is in one's hands. How one chooses one's destination depends upon one's daily activities.

V. Conclusion:

The correlation between different causes and factors can yield different results. The existence of any form depends upon the constant changing of interactions between causes and constituents; nothing last forever. A full understanding and practicing of the Law of Causality will help one stays happy in one's life.

Thoảng gió đâu đây

người có về trong nắng tháng giêng?
cho em giữ lại chút hồn nhiên
áo gấm vàng hoa đi trẩy hội
lễ chùa, khấn vái chuyện tư riêng

người có về trên cỏ tháng hai?
hương xuân còn thoảng gió đâu đây
đất trời ngây ngất mùa tăng trưởng
mai đào ưng ửng nắng hây hây

người có về theo gió tháng ba?
cho em thoáng tiếc tháng ngày qua
phần số chia xa mùa hạnh ngộ
thôi giữ giùm nhau chút thiệt thà

người có về khi mưa nửa đêm?
cho em tấm tức lệ hàn huyên
từng đêm thờ thẩn sân trăng vắng
nhật ký đầy vơi những nỗi niềm

người có về không - hay không về
hồn em vẫn mãi gửi sơn khê
theo người năm tháng, như trăng bạc
dõi bóng người đi - đi chẳng về.

NGUYỄN THỊ MINH THỦY

KHI NẮNG XUÂN VỀ

Lam Khê

Như thường lệ, sáng sớm ông Sang chạy bộ một vòng quanh con đường mới trải nhựa trong xóm. Sau đó ông ghé tạt vào khu nghĩa trang nằm heo hút trên một ngọn đồi thấp. Nơi đây lộng gió và không gian toả sáng một màu trời. Cảnh trí u nhàn cùng tiếng chim hót trên ngàn cây xanh khiến lòng người cảm thấy yên vui tĩnh lặng, cho dù đang ở giữa một bãi tha ma với nhiều ngôi mộ đá ong hoang phế đã lâu đời.

Trong bộ đồ thể thao đẫm ướt mồ hôi, ông Sang bước đến một ngôi mộ có mái che, lấy ra một nắm nhang được gói cất cẩn thận nơi đó. Ông đốt nhang và đi cắm hầu hết các ngôi mộ. Mấy hôm trước, ông ra dẫy cỏ, lặt lá mai, nên cả khu mộ lúc này trông thật thoáng đãng sạch sẽ. Ông làm những công việc mà nhiều người cho là vô công rỗi chuyện, với lòng thanh thản pha lẫn sự thành kính, cùng một niềm tin mơ hồ nào đó mà ông vẫn chưa hiểu hết.

Thắp nhang xong, ông đến ngồi xuống một tảng đá và phóng tầm mắt nhìn khắp ngọn đồi rực vàng màu hoa dại. Một vài nụ tầm xuân, mấy cánh mai vàng vừa chớm nở những bông hoa đầu tiên trong nắng sớm. Có tiếng chuông chùa vọng lại từ phía bên kia ngọn đồi. Ngôi chùa cổ quanh năm quạnh vắng ấy, ông chưa một lần bước chân vào. Chỉ thỉnh thoảng có dịp đi ngang qua cổng, ông mới dừng lại ngắm nhìn tượng Phật Quan Âm trước sân. Tượng đã cũ kỹ lắm, lớp áo thạch cao bên ngoài gần như bị sờn tróc hết. Nhưng hình dáng và khuôn mặt từ bi phúc hậu của vị Bồ Tát làm ông chạnh lòng hoài niệm bâng quơ.

Bất giác ông cho tay vào cổ áo kéo sợi dây chuyền bạc có gắn bức tượng Quan Âm nhỏ bằng đá cẩm thạch. Một kỷ vật mà ông cất giữ suốt bao năm. Sau này khi đem bọc bạc rồi đeo vào cổ, mọi người trông thấy đều lấy làm lạ lắm. Vợ ông thì không ngớt lời chế giễu:

- Ối dào! Mấy chục năm trời có bao giờ thấy ông đi chùa lễ Phật gì đâu, sao nay lại đeo tượng Phật. Hẳn là của thầy bên chùa cho ông đấy chắc?

Ông lắc đầu cười nhẹ, nói một câu vốn đã quen miệng:

- Bức Tượng này của một người bạn tặng cho tôi trong thời kháng chiến lận. Người bạn ấy mất lâu lắm rồi. Chính nhờ đeo tượng Phật mà tôi nhiều phen thoát hiểm đấy.

- Rõ vớ vẩn. Ông mà cũng dị đoan đến vậy cơ à!

Ông lặng thinh như đã quen với những gì bà hay nói. Làm sao bà có thể hiểu được. Cái kỷ niệm mà ông cho là rất thiêng liêng cao quý ấy, nó nằm sâu trong tận đáy lòng hơn một phần tư thế kỷ rồi. Có lần ông đã tìm về nơi ấy. Tất cả đã thay đổi theo thời gian cùng những chuyển biến không ngừng của cuộc sống. Tuy vậy ông cũng nhận ra chiếc cổng sắt sờn cũ có giàn hoa giấy phía trước. Ngôi nhà hai tầng nằm sâu bên trong phô hắn vẻ nhạt nhòa rêu bạc. Khung cảnh vẫn như ngày nào. Song khi ông hỏi tên người chủ cũ thì không ai biết. Ông bần thần đứng mãi trước căn nhà để hồi tưởng lại những con người đã từng giúp mình ngày trước. Giữa thời buổi loạn ly đầy biến động người ta vẫn sẵn sàng trải rộng tấm lòng bằng một nghĩa cử cao đẹp của tình người, dù biết ông không cùng chung chiến tuyến.

Những ngày đầu xuân năm ấy, chiến sự ác liệt xảy ra khắp nơi. Chính trong ngôi nhà này, Sang được mọi người cưu mang, khi bị tập kích truy lùng. Họ là mẹ, là vợ con của một sĩ quan cao cấp chế độ đương thời. Khi lọt vào đây, Sang nhận ra tình thế ngay khi thoáng thấy bức ảnh quân phục của người chủ nhân và đinh ninh mình khó thoát được. Nhưng bà cụ đã nhanh chóng bảo người con dâu cùng hai đứa cháu đưa vị khách không mời này lên lầu thay quần áo. Sau đó Sang được cho ăn uống thuốc men cùng nghỉ ngơi trong nhà suốt một tuần lễ. Hằng ngày hai đứa con của chủ nhà mon men đến lân la nói chuyện với Sang. Cô bé Thi-- mười bốn tuổi cùng cậu em nhỏ hơn một chút, đều mang khuôn mặt thánh thiện và phúc hậu của bà nội, lại luôn tỏ vẻ cảm mến người thanh niên xa lạ đầy bí ẩn đang trú tại nhà.

Mọi người xem Sang như con cháu người làm và dường như ai cũng tránh hỏi về lai lịch cùng công việc của Sang. Người đàn ông chủ nhà đi đâu vắng. Bà cụ rất mộ đạo. Sớm tối bà gõ mõ tụng kinh trên tầng hai. Hai chị em Thi cũng hay ngồi bên bà nghe kinh. Khung cảnh gia đình thân thiết chuẩn mực, cùng với không khí của ngày đầu xuân ấm áp làm lòng Sang bâng khuâng chạnh nhớ về làng quê xa xôi tận đất Bắc. Nhưng chàng thanh niên mang lý tưởng cách mạng vẫn không quên trách nhiệm đang còn nằm phía trước. Ngày từ giã, người mẹ trẻ đích thân lái xe hơi đưa Sang ra khỏi vòng nguy hiểm. Trước khi đi, Thi đã kịp chạy theo đưa cho Sang một vật. "Thi tặng chú Sang bức tượng Quan Âm bằng đá nè. Chú mang trong người đi. Bồ tát sẽ phù hộ cho chú mỗi khi gặp hoạn nạn."

Sang cầm bức tượng ngắm nghía. Cảm nghĩ đến năng lực của Bồ Tát đã khiến xui cho mình chạy lạc vào một ngôi nhà có đầy lòng nhân ái thạnh tình này. Sang bồi hồi chia tay cô bé Thi và hứa: "Khi nào đất nước thanh bình chú sẽ trở về thăm và tạ ơn những người đã cứu giúp mình. Ngày ấy chắc không còn xa lắm đâu.

"Cầu nguyện Bồ Tát gia hộ cho Thi sống đến ngày đó để gặp lại chú Sang."

"Sao Thi lại nói gở thế… Đâu lý nào…"

Không còn thời giờ để nói thêm gì nữa, Sang bước ra xe… ngoái nhìn lại ngôi nhà và cô chủ nhỏ đang đứng trước cổng như để in đậm hình ảnh quen thuộc ấy vào tâm tưởng. Vậy mà mất hơn mười năm, Sang mới thực hiện lời hứa trở lại chốn này. Ngôi nhà vẫn còn đó còn người năm cũ không biết đã trôi dạt về phương trời nào?

- Xin lỗi… Ông tìm ai ở đây?

Một ông lão đi ngang qua chợt dừng lại hỏi. Sang ngần ngại nhưng cũng buột miệng nói:

- Dạ tôi muốn tìm gia đình cô Thi hồi trước ở ngôi nhà này.

Ông lão nhìn Sang một hồi lâu rồi mới nói:

- Có phải ngày xưa ông từng trốn vào đây, được chủ nhà che chở cho ở lại phải không? Gia đình họ đã đi ra nước ngoài. Còn cô Thi… cô ấy mất trước đó vài năm vì chứng bệnh ung thư máu.

Ông lão dẫn Sang đi thăm mộ Thi ở trong khu nghĩa trang Thành phố. Ông kể nhiều về gia đình của họ, bởi ông từng làm quản gia trong nhà.

- Nhà chủ đi rồi thì tôi cũng dọn ra riêng. Ông cụ lại thở dài nói tiếp:

- Cô Thi bây giờ nằm đây một mình mà cũng chẳng yên thân. Nhà nước đang quy hoạch khu vực này. Mồ mả được thân nhân người ta dỡ đi gần hết. Gia đình cô Thi từ ngày đó đến nay bặt tin luôn. Bà con cũng chẳng thấy ai đến thăm nom cúng viếng. Tôi vì chút ân nghĩa với chủ cũ, nhưng cuộc sống còn khó khăn quá. Việc bốc mộ và di dời chỗ khác kinh phí rất tốn kém. Vả lại, sau này sợ người nhà về làm khó dễ…

Chính ông Sang đã đứng ra bảo lãnh và thuê người bốc mộ Thi đưa về chôn trên ngọn đồi này. Khi về hưu ông mua đất làm nhà rồi dọn về đây ở. Một phần vì ông thích cảnh miền quê yên tĩnh, không cách xa thành phố lắm mà cũng gần với nơi con cái làm việc. Một phần ông muốn chu toàn câu nghĩa tử nghĩa tận đối với người đã khuất - Cô Thi, một ân nhân mà ông xem như người bạn nhỏ. Một người con gái có tâm hồn vô tư bao dung rộng mở. Một trái tim từ bi thánh thiện như Bồ Tát Quan Âm. Nhiều khi ông tự nghĩ, như những câu chuyện Phật Pháp mà ông từng đọc qua, có thể bà cụ và cô bé là hóa thân của Bồ Tát đã đưa đường dẫn lối và cứu ông thoát nạn năm ấy. Bồ Tát đã biến mất khỏi cuộc đời sau khi trao cho ông một tín vật. Và ông đã nuôi dưỡng niềm tin ấy trong suốt quãng đời đi qua của mình.

Từ ngày về sống với xóm làng, ông thường lên đồi dẫy cỏ trồng hoa, thắp nhang cho những ngôi mộ hoang không người chăm nom, trong đó có cả mộ của Thi. Ông chỉ muốn làm chút gì đó để trả ơn cho cuộc đời. Suốt một thời chinh chiến ông đã thọ ân biết bao người. Họ là những dân lành chất phác, là những người tri thức đầy lòng yêu nước, và những tấm lòng người trải rộng mênh mông. Hơn nữa, ông nghĩ đây cũng là việc làm để vận động cơ thể, giúp tâm hồn khuây khỏa yên vui, lại tạo ra cảnh quan môi trường cho cuộc sống cũng như gieo âm đức cho vong hồn người khuất bóng được nhẹ nhàng thanh thản.

Khi ông Sang về đến nhà thì ánh nắng đã lên cao. Bà Sang đang bận phơi lá bên chái hiên. Cô con gái lớn đưa mấy đứa cháu ngoại về phụ ông bà dọn dẹp nhà cửa ăn Tết. Ông mang mấy ống tre lồ ô ra sân định ngồi xuống chẻ lạt thì cô con gái gọi:

- Con đã dọn cháo và pha cà phê xong rồi. Bố mẹ vào ăn sáng đi rồi hẳng làm.

Mấy đứa trẻ đang chơi đùa cười vang cả nhà. Ông Sang cảm thấy lòng rộn rã vui tươi như thời trẻ con cứ mong mỏi cho mau đến Tết. Thời thanh niên đầy nhiệt huyết, ông trải qua bao mùa xuân giữa mịt mù bom đạn, nhưng vẫn có đủ cả hoa cả bánh và cả tình người hậu phương gởi đến. Nhiều khi cận kề bên cái chết, ông lại nhớ đến bức tượng Quan Âm, cùng lời nói của bé Thi văng vẳng bên tai: "Chú nhớ mang theo, Bồ Tát sẽ phò hộ cho chú". Dù không tin lắm vào những điều thần kỳ hư diệu, nhưng ông vẫn cảm thấy có một sức mạnh nào đó khiến lòng thấy dũng cảm hơn mỗi khi nghĩ đến.

- Một lát con ra chợ đây. Bố mẹ cần mua gì thêm không? - Con gái ông hỏi khi cả nhà đang quây quần ăn sáng.

- Bánh trái hoa quả cũng tạm đầy đủ cả rồi. Có hai ông bà già và đám con cháu, ba ngày này cũng chẳng ăn bao nhiêu. Họa chăng có mấy ông bạn già tìm tới lai rai. À này, con nhớ mua thêm cho bố vài lọn hương thơm nhé.

Bà lên tiếng:

- Hôm trước ông mua cả gánh hương của con bé bán dạo, có đem ra mả thắp vài tháng cũng chưa hết. Tôi định chút nữa mang thúng gạo nếp và ít hương sang chùa cúng đấy.

- Vậy thì con tìm mua vài ký thạch cao và xi măng trắng, để chiều nay bố sang thưa sư ông sơn áo lại bức tượng Quan Âm cho mới để đón xuân.

- Chao ôi! Hôm nay ông muốn sang chùa làm công quả kiếm phước đấy à! Chắc năm mới chùa sư ông có quới nhân đến viếng.

- Bà nói… đâu phải cứ đến chùa thì mới làm công quả. Lâu nay tôi không đi chùa, nhưng cũng làm được nhiều điều công đức.

- Vâng, tôi biết. Cũng nhờ bức tượng Quan Âm của người bạn quá cố nào đó mà ông mới nghĩ đến việc sang đắp tượng Phật cho nhà chùa. Nhưng hôm nay đã hai mươi tám Tết rồi thì làm thế nào cho kịp. Ông còn phải phụ tôi chẻ lạt buộc bánh nữa chứ. Gói cả trăm cái bánh nậm bánh cúng để ông cúng mồ mả. Rồi nào bánh chưng bánh tét… Con Cả còn đòi đổ bánh in…

- Thôi để bố sang chùa làm công quả đi mẹ. Ngày mai có vợ thằng Hai thằng Ba về phụ gói bánh được rồi. Còn bánh in con làm cũng nhanh lắm. Tất cả cũng hoàn thành trước giờ giao thừa mà.

Thằng Tân, đứa cháu ngoại nhanh nhảu lên tiếng:

- Cho con theo ông sang chùa phụ đắp tượng nhé mẹ.

Nó quay sang ông vòi vĩnh:

- Ông cho cháu đi với...

Ông cười xoa đầu nó:

- Ừ, ông cháu mình cùng đi. Để mẹ con bà ấy ở nhà thử tài nội trợ xem sao.

- Chà! Rõ nói khéo nhỉ! Công việc đó tôi làm cả đời rồi. Đâu phải đợi đến bây giờ mới trổ tài cho ông thấy.

Cả nhà cười lớn vui vẻ. Ông Sang đứng lên thong thả bước ra sân. Một làn gió nhẹ. Một thoáng hương xa. Nắng ấm xuân về, như mang cả dáng hình người con gái năm xưa…

THƯỞNG XUÂN

Trần Đan Hà

Cứ mỗi độ xuân về, chắc chắn ai trong chúng ta cũng đều cảm thấy có một chút gì khiến cho cõi lòng bâng khuâng, xao xuyến trước cảnh vật thiên nhiên; trước những tín hiệu thông báo hiện tượng xuân về. Hay thời khắc giao mùa tuy cũng chỉ mơ hồ như thời tiết của đất trời: buổi sáng có sương mù tan loãng trong không gian; buổi chiều trải màu nắng nhạt vương vài giọt mưa rơi mỏng. Phảng phất ngọn gió heo may làm gây gây lạnh. Cái lạnh êm êm dễ chịu, chỉ cần mặc thêm chiếc áo len mỏng, cũng đã thấy ấm rồi. Ở vùng quê, những căn nhà lá không đủ che ấm, nhưng nhờ có bếp lửa đã nhen nhúm từ chiều. Mỗi mỗi nhà đều có để sưởi cho mùa đông tháng rét. Và hình như chỉ ở Việt Nam người ta mới phân biệt được thời tiết của bốn mùa. Rõ nét nhất là thời khắc giữa hai mùa Đông - Xuân hay nói đúng hơn là đêm giao thừa, giao thời hay giao mùa. Giây phút của cuối năm cũ và đầu năm mới giao nhau, còn gọi là đêm trừ tịch. Từ giây phút nầy, thời tiết đã chuyển dần sang ấm áp khiến cho cây cối đâm chồi nẩy lộc, và các loài hoa của mùa bắt đầu đua nở để đón chào chúa xuân giáng trần.

Cảm giác thoải mái của cơ thể được đón nhận sự dễ chịu của thời tiết ấm áp, cùng với phong cảnh nơi chốn thân yêu của một thuở nào đã khiến lòng ta bâng khuâng. Rất đơn sơ, nhưng còn lưu lại một nguồn sống thanh nhã nơi đồng nội hương ngàn. Và tình cảm êm đềm của những tâm hồn giản dị và đôn hậu, đang hiện diện bên nhau như một hòa điệu bởi tiếng lòng, được ấp ủ nơi khung cảnh chứa đầy tình tự yêu thương. Khiến cho lòng họ tràn trề cảm xúc, nỗi xao xuyến trước cảnh xuân về:

Năm vừa rồi
Chàng cùng tôi
Nơi vùng giáp mộ,
Trong gian nhà cỏ,
Tôi quay tơ,
Chàng ngâm thơ.
Vườn sau oanh giục giã;
Nhìn ra hoa đua nở;
Dừng tay tôi kêu chàng:
Này, này! bạn! xuân sang.
Chàng nhìn xuân mặt hớn hở;
Tôi nhìn chàng, lòng vồn vã…
(Xuân Về, Lưu Trọng Lư)

Khung cảnh được diễn tả trong bài thơ "Xuân Về" trên đây, thật thanh bình. Không gian và thời gian, hay những tín hiệu báo tin xuân nó cũng tự trong thiên nhiên ban phát một cách mầu nhiệm. Hiện tượng nghe thấy và cảm nhận như một sự tình cờ. Luôn đến rồi đi như không có sự bắt đầu và kết thúc. Và hình như lẽ vô thường cũng bàng bạc, ẩn dấu trong ấy để chuyển hóa mọi trạng huống.

Có phải chỉ là ngoại cảnh, hay vẫn còn những yếu tố khác nữa kèm theo để truyền đến cảm giác ấy. Không biết chắc chắn vì trong tất cả mọi nhận biết đều không mang một hình dáng rõ nét nào. Ngoại cảnh cho dù quyến rũ đến đâu, cũng không thể làm đổi thay nét hồn nhiên của những tấm lòng; và tình cảm ấy cũng không vì ngoại cảnh chi phối mà trở nên hững hờ với cuộc đời hiện tại. Thời khắc dành cho những tấm lòng thiết tha, trong sáng và thánh thiện, đang hòa chung với nhịp điệu của đất trời, với cảnh sống mà tạo nên. Chắc nhờ vào thuở thanh bình ấy mà người xưa họ vui xuân cũng có khác với bây giờ.

Họ chơi xuân không phải chỉ có Tết Nguyên Đán, mà còn những cái Tết tiếp theo: Tết Thanh Minh, Tết Đoan Ngọ, Tết Trung Thu, Tết Trùng Cửu. Mỗi cái Tết đều có một sắc thái và cách thưởng thức khác nhau. Chúng ta hãy tìm hiểu những trò chơi ấy, để tiêu khiển trong mỗi dịp xuân về.

Người xưa họ chú ý đến một vài loài hoa thường nở đúng với thời tiết của mùa, nên tao nhân mặc khách họ cũng lấy một loài hoa làm biểu tượng; cũng như trưng dụng hết tất cả sự công dụng của các loài hoa cỏ ấy để làm đối tượng cho cuộc thưởng thức thú vui xuân được trọn vẹn.

Bốn mùa có Xuân, Hạ, Thu, Đông thì hoa cũng có hoa Đào, hoa Lựu, hoa Cúc, hoa Mai là những loài hoa tiêu biểu cho mùa, thật ra còn có nhiều loài hoa khác nữa cũng cùng nhau đua nở.

Theo các nhà nghiên cứu về hoa thảo, thì họ lấy các loại hoa trên đây để làm biểu tượng (hay tượng trưng cho mỗi mùa). Nhưng trên thực tế thì có thể không đúng với thời điểm, nên các nhà chuyên môn trồng hoa họ có nghệ thuật hảm hoa cho nở đúng mùa. Hoa Mai thường nở vào những ngày lập Xuân, lúc thời tiết đã chuyển sang ấm áp của mùa Xuân. Tuy vậy, hoa Mai vẫn còn chịu đựng được khí hậu của mùa Đông giá rét. Và cũng theo các nhà nghiên cứu về hoa, thì hoa mai có các loại như: Mai tím, mai đen (hắc mai), hồng mai (mai hồng), bạch mai (mai trắng), hoàng mai (mai vàng).

Ở nước ta thông dụng nhất là mai vàng và mai trắng: Mai vàng có nhiều nơi tại miền Trung và Nam, có lẽ chỉ thích hợp với khí hậu ấm áp hơn, và cũng có thể vì tính thông dụng ấy mà được nhiều người yêu thích hơn. Còn mai trắng thì có nhiều ở miền Bắc, loại mai trắng chịu đựng được sương tuyết (còn gọi là cây mơ có trái chua chua, dùng để nấu canh hay làm bánh mứt). Cho dù thuộc loại hoa màu nào đi nữa, hoa mai cũng vẫn được trao tặng một danh xưng: "Loài Hoa Vương Giả".

Dương Duy Trinh khi vịnh hoa mai có những câu như sau:

Thập nhị lan can minh nguyệt dạ
Cưu hà trướng noãn thụy đông phong.
Lan can đêm sáng trăng ngời
*Ráng mây màu ấm ngủ vùi gió đông**

Người ta chỉ đưa ra một vài loài hoa tiêu biểu cho mùa, nhưng có lẽ vào mùa Xuân hoa nở nhiều nhất. Vì thời tiết ấm áp và là mùa cho tất cả các cây cỏ đâm chồi nẩy lộc. Thiền Sư Mãn Giác có bài kệ "Cáo Tật Thị Chúng" (dặn chúng trước khi thị tịch) với hai câu mở đầu đã chứng minh cho điều đó:

Xuân khứ bách hoa lạc
Xuân đáo bách hoa khai
(Xuân đi trăm hoa rụng
Xuân đến trăm hoa nở)

Và có lẽ cũng vì vậy mà hoa mai người ta còn phong tặng một cái tên cho mùa hoa là "Hoa Xuân" chứ còn hoa của các mùa khác thì không có tên gọi được như thế.

Còn loại hoa tiêu biểu cho các mùa khác như hoa sen hay hoa cúc chẳng hạn, chúng còn làm trung gian cho sự giao thoa giữa hai mùa:

Sen tàn cúc lại nở hoa
Sầu dài ngày vắn đông đà sang xuân. (Kiều)

Trong bốn mùa của năm, có lẽ mùa Xuân là mùa được nhiều sự chú ý của nhiều người, cũng như việc tổ chức "Lễ Hội" cho các mùa vẫn phải kể đến Tết Nguyên Đán. Ban đầu tổ chức lễ từ trong năm như ngày hai mươi làm lễ đưa Ông Táo về Trời. Theo tục lệ thì cứ đến ngày gần cuối năm, dân gian thường tổ chức lễ "đưa Ông Táo" lên Thiên Đình để trình tấu với Ngọc Hoàng Thượng Đế tất cả những việc dưới trần gian. Kế đến là tổ chức lễ đón Giao Thừa và xông đất Năm Mới. Buổi lễ cúng kiến và đón Giao Thừa lúc nào cũng thành kính và long trọng, vì trọn một năm mới có thuận lợi cho cuộc sống hay không cũng nhờ vào thành ý của những lễ hội đầu năm.

Như nội dung câu đối Tết của bà Hồ Xuân Hương:

"Đêm ba mươi khép cánh càn khôn ních chặt lại, kẻo ma vương đưa quỷ tới.

Rạng ngày mồng một lỏng then tạo hóa, cho thiếu nữ rước xuân vào".

Và để tránh ma quỷ đến nhà quấy nhiễu, người ta thường bày ra tục lệ rào ngõ nhà bằng cách cắm một cây nêu trước ngõ, và trước cửa treo một lá bùa (theo sự tích ngày xưa thì quỷ vương đã có giao ước với dân làng là phân chia biên giới và vùng trú ngụ của hai bên bằng cây nêu đầu ngõ, hoặc lá bùa trước cửa).

Buổi sáng ngày mồng một, nếu người nào đến viếng nhà mình đầu tiên, thì người đó sẽ là người "xông đất" nhà mình. Có đem đến an vui hạnh phúc cho gia đình mình hay không cũng là do người ấy. Cho nên người xưa thường đi "mời người xông đất" đến thăm nhà mình, vì nghĩ rằng người được mời là một người đạo hạnh thì sẽ đem đến cho gia đình mình nhiều phúc lợi trong năm mới.

Tiếp theo là chọn giờ lành để "xuất hành" thường là lên Chùa lễ Phật và hái lộc đầu năm. Vì họ nghĩ rằng được lộc chùa mang về nhà là đem về những điều tốt lành cho năm mới được hạnh phúc an vui.

Kế tiếp là đi thăm bà con xóm giềng, cũng như ăn chơi thả giàn. Người ta thường nói "ăn chơi ba ngày Tết" nhưng thật ra kéo dài đến hết tháng Giêng (tháng Giêng là tháng ăn chơi). Mà cũng chưa hẳn chỉ có ăn chơi của một tháng Giêng, mà còn tiếp theo những trò chơi dân gian vào tháng Hai tháng Ba nữa. Tháng Ba còn có lễ hội Đạp Thanh.

Xuân du thanh thảo địa.
(Mùa xuân dạo chơi trên thảm cỏ xanh non)

Sau khi tổ chức Tết Nguyên Đán, các lễ hội được tổ chức tiếp theo để mọi người được kéo dài việc vui xuân. Vì cuộc chơi xuân của người xưa không chỉ dừng lại ở ba ngày Tết, mà còn kéo dài đến gần cuối mùa Xuân. Tháng Ba là tiết Thanh Minh, (có lẽ ảnh hưởng với phong tục cổ xưa ở bên Tàu, bắt nguồn từ lễ tảo mộ của hàng năm) người ta thường bày trò chơi tụ tập ngoài những cánh đồng cỏ, mang theo đồ ăn thức uống. Họ ngồi chung ăn uống với nhau, rồi sau đó cởi giày dép ra và đi chân không trên cỏ. Họ cho rằng bàn chân được tiếp xúc với cỏ mượt, tạo nên những cảm giác thích thú.

Hạ tẩm bạch liên trì.
(Mùa hạ ướp trà với hoa sen trắng)

Mùa Hạ chỉ còn lại những loài hoa mọc dưới nước, hay nơi chốn ẩm ướt trong đó đặc biệt là hoa sen. Hoa sen là loài hoa tinh khiết: *Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn* (ca dao). Và hoa sen theo tình tự của Phật giáo thì tượng trưng cho nhiều ý nghĩa và hạnh lành:

1) Có hoa là có gương: nhân quả đồng thời.
2) Mọc trong bùn lầy mà vẫn trong sạch thơm tho.
3) Cọng hoa từ góc tách riêng không chung cành với lá.
4) Ong và bướm không bu đậu.
5) Không bị người dùng làm trang điểm (xưa đàn bà Ấn Độ quen dùng hoa kết thành tràng để đeo).

(thích nghĩa của dịch giả Thích Trí Tịnh)

Theo đó thì hoa sen được tượng trưng cho các hạnh như: hạnh thanh tịnh, hạnh tinh tấn, hạnh nhẫn nhục…

Ngoài ra còn cung cấp một nguồn thực phẩm và dược phẩm rất phong phú. Hoa sen còn dùng để ướp trà để uống, rất thơm ngon. Cũng như người ta thả vào trong nước tắm làm tăng mùi thơm và mát dịu, còn có công dụng làm cho huyệt mạch điều hòa, an thần.

Thu ẩm hoàng hoa tửu.

(Mùa thu uống rượu hoa cúc vàng)

Mùa Thu là mùa của tao nhân mặc khách, mùa của thi nhân uống rượu ngâm thơ, hay cùng nhau xướng họa. Và mùa thu là mùa của hoàng cúc, một loài hoa quý phái, vương giả như các nàng cung phi. Nhưng cúc cũng còn ví với người quân tử, vì đến mùa đông giá rét mà cúc vẫn ngạo nghễ với tuyết sương. Như người quân tử, dù trong thời ly loạn vẫn giữ được tiết tháo của mình. Với những câu châm ngôn như:

- *Cúc ngạo hàn sương:* cây cúc kiêu ngạo giữa sương lạnh, trời đông, mọi hoa đều tàn mà hoa cúc vẫn tươi.

- *Cúc tú lan hương:* Cúc đẹp, hoa lan thơm.*

Hoa cúc thường nở vào mùa Thu kéo dài cho đến ngày lập Đông mà vẫn còn hoa cúc nở.

Mùa Thu còn là mùa của Tết Trùng Cửu (hay Trùng Dương) là ngày các cụ thường hay rủ nhau lên núi để uống trà và ngâm thơ. Tương truyền, người xưa họ uống trà phải dùng nước suối trên cao để pha trà mới tăng thêm vị đậm đà, mùi hương thanh khiết.

Đông ngâm bạch tuyết thi.

(Mùa đông ngâm vần thơ tuyết trắng)

Không riêng gì mùa Thu mới có những trò chơi tao nhã như thế, mà còn chuẩn bị cho những cuộc vui kế tiếp vào mùa Đông nữa. Thế cho nên người ta cũng đã hái hoa cúc ủ thành men để làm rượu. Rượu hoàng cúc uống rất thơm và bổ dưỡng. Đến mùa đông giá rét thường đem hoàng cúc tửu ra để thưởng thức, bên án sách và ngâm nga một vài câu cổ thi. Đấy là cái thú của người xưa, mà trong thời hiện đại không thể tìm thấy được. Vì có lẽ quê hương bị chiến tranh loạn lạc, giặc giã tràn lan, nghèo đói khắp nơi, tang thương khắp chốn thì còn đâu mà mơ tưởng đến cái cảnh ngắm hoa thưởng nguyệt, uống rượu ngâm thơ như người xưa nữa.

*

Nơi xứ Đức nầy, mùa Đông năm nay thời tiết có hơi khác với những năm về trước: mùa Giáng sinh không có tuyết, chỉ về đêm có ít sương muối, ngoài trời không lạnh lắm. Khí trời ấm áp, kéo dài qua năm mới dương lịch.

Ban ngày vẫn có nắng vàng nhạt, hiu hiu gió như heo may ở quê nhà. Như thời tiết đang phơi phới trong những ngày vào xuân. Nhưng sao vẫn thấy không có cảm giác mến yêu, vẫn không tìm thấy trong ấy những cảm xúc êm đềm như những lần xuân đến ở nơi quê nhà, nơi chốn thân yêu của mỗi chúng ta. Có lẽ khung cảnh ở đây kể cả thời tiết vẫn còn có chút gì khang khác, mặc dù đã sống trên dưới hai mươi năm qua, vẫn chưa quen. Hay ý niệm tha hương vẫn còn ghi đậm trong tâm thức của mỗi chúng ta, nên tình cảm dành cho đời sống, không còn đắm thắm và thiết tha như những ngày xưa cũ. Có lẽ, khung cảnh xa lạ, cảm giác không thân thiện với nơi đây, hay mặc cảm lạc loài vẫn còn đè nặng trong lòng người xa xứ theo tháng ngày qua.

Những đổi thay trong cuộc đời, theo lẽ vô thường đến rồi đi, làm phôi phai ngày tháng và cảnh biệt ly như còn ẩn hiện trong tâm thức hiện tại, nỗi cô đơn vẫn hiện hữu khi mùa dần tàn, và không còn thấy lại bóng dáng của người xưa!

Rồi ngày lại ngày
Sắc màu: phai,
Lá cành: rụng,
Ba gian: trống;
Xuân đi,
Chàng cũng đi.
Năm nay xuân còn trở lại,
Người xưa không thấy tới.

(thơ đã trích dẫn)

Trong giờ phút đón xuân, tình cờ tôi đọc lại bài thơ "Xuân Về" của Lưu Trọng Lư, chợt bắt gặp hai khung cảnh: một của quá khứ với cảnh thanh bình, êm ả; và một hiện tại với trạng thái mất mát, hụt hẫng, buồn đau. Tôi chợt hiểu ra một điều mà xưa nay tôi không mấy để ý. Có phải thời gian đang đi, mang theo những đổi thay của đất trời, của vạn vật nhưng không mang theo lòng người. Cho nên bây giờ xuân lại trở về, nhưng khung trời cũ, kỷ niệm xưa thì không. Nó đã bị dấu quên nơi đâu để chỉ còn lại những cảm giác mất mát tiếc thương. Và cuộc sống tha hương hiện tại cũng lắm não nề, nên chỉ thấy cuộc đời bằng một màu tăm tối. Cho nên mới thấy được những điều mà lâu nay tôi cứ ngỡ là của trời, của đất và của tôi. Vì thế những gì qua đi thì cảm thấy tiêng tiếc, và những gì chưa đến thì cứ khắc khoải mong chờ, để luôn cảm thấy cuộc sống cứ bất an!

Sao tôi không trở về với lòng mình để tìm lại một mùa Xuân an bình? Một mùa xuân miên viễn?

Trần Đan Hà

_____

Sách tham khảo: *Tùng Cúc Trúc Mai Thi Tuyển* của Huyền Thanh Lữ biên soạn và chú giải.

GIỚI THIỆU CD TỪ BI CA
với tiếng hát HOÀNG ĐÌNH NGUYÊN

- Nhằm gây quỹ giúp các chùa, các chương trình từ thiện, trẻ em khuyết tật, mồ côi, v.v…

  Xin hãy đến cho nhau nụ cười
  Xin hãy đến cho nhau tình người
  Xin hãy nói yêu thương một lời
  Xin hãy tốt với nhau cho đời nở hoa

- CD có bày bán tại LÂM VIDEO (714) 539-5709 / 10242 W. Westminster Ave., Garden Grove, CA 92643 *(đối diện Bò 7 Món Ánh Hồng, trong khu phở 54)*
- hoặc liên lạc HOÀNG ĐÌNH NGUYÊN **(714) 603-3676** / Email: hoangdinhnguyen10@yahoo.com / 9353 Bolsa Ave., F 46, Westminster, CA 92683
- Nếu các chùa chiền hoặc bất cứ chương trình từ thiện nào cần sự giúp đỡ, xin liên lạc Hoàng Đình Nguyên **(714) 603-3676**

CÂU CHUYỆN VỚI TỰA ĐỀ "MY SISTER'S KEEPER"

(tạm dịch là Cứu Sống Chị Tôi)

Singapore – Điểm chua xót nhưng rất cảm động của câu chuyện "Cứu Sống Chị Tôi" là một em bé gái biết rằng cô được sinh ra là chỉ để cứu lấy đời sống của người chị của mình. Cô đã quyết định đi kiện cha mẹ cô để không còn bị lệ thuộc vào quyết định y học của cha mẹ nữa (danh từ Mỹ gọi là medical emancipation: một đứa trẻ dưới vị thành niên có thể ra tòa đòi quyền tự quyết định về cách chữa trị bệnh tình của chính mình) – và trong tương lai cô sẽ không chấp nhận hiến tặng bất cứ một bộ phận nào trong cơ thể mình; cô ta muốn được sống trọn vẹn cuộc đời của mình trong tự do thoải mái. Chẳng có gì bất công cả, cho dù cô rất thương chị .

Nhưng tại sao cô ta quyết định như thế? Nếu bạn đứng trong cương vị cha mẹ của hai chị em này, bạn sẽ giải quyết ra sao? Lỡ như cái thận còn lại của cô sau này bị hư hỏng trong khi cô đã cho đi quả thận kia? Đúng là một công án với hai song đề đạo đức rất trung thực! Đứng về phía người cha người mẹ, có phải họ quá thiên vị trong tình thương không? Hay quả thực chẳng còn một lựa chọn nào khác hơn để cứu mạng đứa con này bằng những hiểm nguy có thể xẩy ra cho đứa con kia? Tình thương này có điều kiện hay không điều kiện? Và cho đứa con nào đây?

'Còn bao lâu nữa?' người cha hỏi vị bác sĩ về thời gian còn lại của đứa con gái lớn. 'Khó biết lắm'. Có phải câu trả lời này chính là đời sống của chúng ta chăng? Thậm chí khi mà chúng ta ở vào thời kỳ "khỏe khoắn" nhất thì cũng khó mà ước đoán được chúng ta sẽ sống bao lâu nữa. Việc sinh tử có thể ghi nhận trong mẫu đối thoại của một cặp tình nhân cùng bị ung thư. Khi người yêu ói mửa vì phản ứng phụ của việc xạ trị, cô nói 'em xin lỗi'. Anh ta trả lời "có sao đâu em? mai đến phiên anh mà, lạ gì..." Trong vòng luân hồi, một khi được sinh ra tất cả chúng ta đều bị bệnh và chết. Người thương, kẻ thù... hay những người hoàn toàn xa lạ không quen biết nhau. Biết rằng rồi ai cũng phải chết, nhưng hai đấng làm cha mẹ này có bảo bọc che chở con cái một cách quá đáng không? Và nếu quá bảo bọc cho đến nỗi con cái không còn có thể sống trọn vẹn được thì sao? Vậy con đường trung đạo của tình thương là gì? Để trả lời cho câu hỏi này thì cần phải thực hành Bồ tát đạo.

Cô em gái tin rằng phần đông trẻ con được sinh ra một cách tự nhiên thôi (lời phụ đề của người dịch: chứ không phải được thụ thai và sinh ra vì có một mục đích chín chắn như trường hợp của cô); và cô cũng không hiểu được tại sao chị của cô phải bị bệnh nặng và phải chết. Cho dù người ta có tin tưởng vào nghiệp quả và luân hồi hay không đi chăng nữa, thì chắc hẳn sự sống và cái chết không phải là chuyện tình cờ, mà là do sự tương hợp của rất nhiều yếu tố phức tạp. Khi người chị thân thương của cô qua đời trước khi được cứu vãn, cô ta mới hiểu rằng mình được sinh ra không phải là để cứu lấy chị mình mà là để chiêm nghiệm tình thương của người chị.

Qua tình thương, trước khi lìa đời người chị đã nhắn nhủ với cô em phải sống một cách trọn vẹn thay cho mình. Em đã phải hy sinh quá nhiều cho chị từ khi em còn rất bé nhỏ, cho nên chị đã quyết định "tự giải phóng" cho dù biết chắc chị sẽ chết. Thật sự chúng ta không thể dự định cho một cái gì cụ thể hơn là những gì chúng ta lựa chọn. Chúng ta không có bất cứ một bổn phận nào để trở thành một người bảo hộ cho kẻ khác nhưng tất cả chúng ta được tự do yêu thương vào bảo vệ lẫn nhau. Nếu được như vậy thì tại sao chúng ta không mở lòng mình ra, làm hết sức mình để trở thành những người bảo hộ về mặt tinh thần?

Pháp Độ dịch
(The Buddhist Translation Group)

The Keeper of 'My Sister's Keeper' is My Sister

by **Shen Shi'an**, The Buddhist Channel, Oct 16, 2009

Singapore -- In the poignant but touching story of 'My Sister's Keeper', a young girl realizes that she was conceived specifically to save her older sister's life. She decides to sue her parents for 'medical emancipation' – to reject any further bodily donations, so that she can live her life fully, in a carefree manner. Now that sounds fair, but she does love her sister too.

Why then, does she make such a decision and what would you do if you were their parents? What if her remaining kidney fails after donating one to her sister? A koan with real ethical dilemmas indeed! On the parents' part, is it unfair favoritism or is it perfectly understandable choicelessness to hope one child can save another despite some risk? Is it conditional or unconditional love? For which child?

'How long?' A parent asks the doctor on the time left for the older sister. 'Hard to say.' Isn't this the story of our lives? Even if we are in the pink of health, it is also hard to say how long more we have. The mortality of us all is well reflected in a dialogue between two young cancer-stricken lovers. When she vomits as a side effect of chemotherapy, she says, 'I'm sorry.' He replies, 'What are you talking about? Tomorrow it could be me.' Samsarically, once born, we are all sick and dying 'lovers', enemies… or strangers to one another. That we will all die, should the parents be more protective out of love? But what if they become over-protective, such that the child cannot live fully? What is the Middle Path of love? To seek the answer is to walk the Bodhisattva path.

The younger sister believed that most babies are conceived accidentally, and could not understand why her sister had to die. Whether one believes in karma and rebirth or not, surely, life and death is never by chance, but due to the coming together of many complex conditions. When her sister passes away before she could be saved, she realized she wasn't born to save her, but to experience the love of her sister.

Out of love, the older sister had asked her to live her life fully in spite of her. Having sacrificed so much for her since little, she had decided to 'liberate' her, even if she had to die. The truth is, we are not destined for anything in particular, other than what we choose. We have no obligations to be any person's keeper, but we are all free to love and save one another. If so, why don't we open our hearts, to do our best to be one another's spiritual keepers?

Mười lạy mùa xuân

Một lạy động đến mười phương
Hai lạy cảm đến sáu đường chúng sanh
Ba lạy tấc dạ chí thành
Bốn lạy quên bỏ tứ ân sao đành?

Năm lạy ngũ phần hương thanh
Sáu lạy thuần hóa lục căn, lục trần
Bảy lạy "Thất Giác Chi" phần
Tám lạy "Bát Chánh Đạo" nhân Bồ-đề.

Chín lạy cửu phẩm sinh về
Mười lạy sen nở, ước thề… Tây phương
Đất trời xông ngát ngàn hương
Bao la vũ trụ chơn thường'Tâm Xuân'.

(Pháp Vũ, January 30th 2011)

Lâu rồi…

Lâu rồi giấy không gần hương mực
Nét chữ nghiêng buồn chẳng thiết tha
Bút họa lạnh lùng vô tình lắm
Bỏ mặc sao trời, bỏ Hằng Nga.

Nhặt chút tàn hơi rét cuối đông
Thắp lên ánh nến rạng cõi lòng
Đón xuân sắp đến tràn hy vọng
Trí tuệ gom đầy một cõi Không!

(Florida, chiều đông xứ lạnh quê người)

THÍCH NỮ VIÊN QUANG

Chùa Quang Thiện Tổ Chức Lễ An Vị Phật Và Khánh Thành

Ontario, California (Bình Sa) - Trưa Chủ Nhật 23 tháng 01 năm 2011 Chùa Quang Thiện tọa lạc tại 704 East "E" Street, Ontario, CA 91764, đã long trọng tổ chức lễ an vị Phật và cắt băng khánh thành ngôi chánh điện.

Tham dự lễ chính thức khoảng 100 Chư Tôn Đức Tăng Ni cùng hàng trăm đồng hương Phật tử.

Về phía Chư Tôn Đức nhận thấy có: Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, HT. Thích Nguyên Lai, HT. Minh Thông, HT. Thích Phước Thuận, HT. Thích Từ Diệu, HT. Thích Nguyên Trí, HT. Thích Giác Sĩ, HT. Thích Huệ Minh, HT. Thích Nguyên Siêu, Thượng Tọa Thích Minh Mẫn, TT. Thích Minh Trí, TT. Thích Như Minh, TT. Thích Tuệ Uy, TT. Thích Trí Thọ, TT. Thích Ân Dao... Huynh Trưởng Trần Tư Tín (Trưởng Ban Hướng Dẫn trung Ương Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hoa Kỳ) và nhiều vị nhân sĩ trí thức Phật Giáo tham dự. Chính quyền địa phương có Bà Debra Porada, Nghị Viên Thành Phố Ontario, và một số đại diện các cơ quan truyền thông, truyền hình Việt, Mỹ.

Điều hợp chương trình Đạo hữu Quảng Tuệ Huỳnh Phước. Chương trình lễ cầu nguyện bắt đầu, Chư Tôn Đức quang lâm lễ đài để chuẩn bị nghi lễ, phần nghi lễ do Hòa Thượng Thích Chí Năng Chủ Sám. Sau khi dâng hương đảnh lễ Tam Bảo toàn thể tụng bài tựa Kinh Lăng Nghiêm, tán bài Đại Từ Đại Bi, Tứ Hoằng Thệ Nguyện, Phục Nguyện và Hồi Hướng.

Mở đầu cho chương trình phần II của buổi lễ sau khi lược qua lý do Đạo Hữu Quảng Tuệ Huỳnh Phước đã không ngăn được niềm xúc động nhớ về những giai đoạn khó khăn nhất để có được ngày hôm nay.

Tiếp theo phần II với nghi thức chào quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa, Hoa Kỳ, Phật Giáo Kỳ và phút nhập Từ Bi Quán để tưởng niệm Chư lịch đại tổ sư, đồng thời để tưởng nhớ và cầu nguyện các anh linh, các chiến sĩ, đồng bào đã hy hiến đời mình vì lý tưởng tự do, nhân quyền cho đất nước.

Sau đó Huấn Từ của Hòa Thượng Thích Minh Thông đại diện Chư Tăng Ni. HT. nói: "...Hôm nay ngày vui của chùa Quang Thiện hòa chung niềm vui với Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tôn Đức Tăng Ni và đồng hương Phật tử... Riêng tôi, Thượng Tọa Minh Dung lập nên ngôi Tam Bảo nầy để hòa nhập vào sự truyền bá Phật pháp cùng với qúy Thầy, qúy Cô tại Nam California nầy là niềm vui chung. Thường làm việc gì cũng có trở ngại nhưng trở ngại bao nhiêu là công đức bấy nhiêu. Hòa Thượng cũng tán dương công đức của các Phật tử, quý vị đã nêu cao tinh thần hoằng dương Phật pháp, hôm nay, lễ an vị Chư Phật, Chư vị Bồ Tát là điều đáng xiển dương công đức... Hòa Thượng nhắc câu trong kinh Trường A Hàm là: "Bất cứ già trẻ lớn nhỏ lấy một nhánh gỗ, hay một thân cây, hoặc bùn, đất sét để nắn lên một pho tượng đó là công đức vô lượng..." huống chi lập nên một ngôi chùa, một pho tượng cho Phật tử chiêm bái cúng lễ, công đức đó ngang bằng công đức của những người rao truyền chánh pháp. Vô cùng tán dương công đức với sự chứng minh của Chư Tôn Đức tăng già cùng đồng hương Phật tử chúng ta cùng nhau nhận chùa Quang Thiện là một đơn vị góp phần hoằng dương Phật pháp. Chùa lập nên để dẹp ác làm thiện để chúng ta tiến đến con đường chân thiện mỹ. Chúng ta hãy góp lời cầu nguyện để cùng chia sẻ niềm vui hôm nay..."

Tiếp theo lời phát biểu của Đạo Hữu Quang Nghiêm. Anh rất vui mừng khi có ngày nầy với sự chứng minh đông đảo của Chư Tôn Đức Tăng Ni cùng đồng hương Phật tử hiện diện dưới mái chùa nầy...

Sau đó là bản nhạc "Đường Gian Truân" do anh chị Phật tử Thiện Thảo sáng tác và trình bày. Bản nhạc kể lại đoạn đường đầy gian khổ trải qua khi thành lập ngôi chùa Quang Thiện, bản cổ nhạc "Đường Gian Truân" đã làm cho mọi người phải rơi lệ. Cũng nên biết Anh Chi đạo hữu Thiện Thảo là người đã đóng góp nhiều công sức trong việc hình thành ngôi chùa nầy...

Sau đó phần Đạo Từ của Hòa Thượng Thích Thắng Hoan (Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ). Mở đầu Hòa Thượng nói: "Thay mặt Giáo Hội, chia vui cùng Thượng Tọa Viện Chủ, mừng Thượng Tọa hoàn thành một Trung tâm tu học theo chiều hướng phát triển chung của Giáo Hội, theo chiếu hướng duy trì, phát huy tinh thần văn hóa, đạo đức cho những người bỏ nước ly hương. Mỗi quốc gia đều có tôn giáo, văn hóa riêng của họ, Phật giáo nước nào phát huy nền văn hóa riêng của nước đó vì vậy chúng ta phải phát huy nền văn hóa Việt Nam cho cộng đồng chúng ta có điểm tựa. Trong dịp nầy Hòa Thượng cũng nhấn mạnh; hiện tại giữa Phật tử và Tăng già chưa có hòa hợp chặt chẽ chính vì vậy nên Phật Giáo Việt Nam, văn hóa Việt Nam phải siết chặt nhau từ trong cũng như ngoài nước trên khắp năm châu bốn để thực hiện điều nầy..."

Tiếp theo là lời tri ân của Thượng Tọa Thích Minh Dung. Thượng tọa nói: "Xin sám hối đã để qúy vị ngồi dưới cơn nắng gắt của buổi trưa nầy đó là vì thời tiết bất thường nên đã làm sụp đổ các căn lều đã được dựng lên trước đây. Dưới cơn nắng gắt nầy cũng như bao cơn nắng đã đổ lên nóc chùa và vườn chùa nầy trong những năm qua... nhờ vào sự độ trì của Chư Phật, Chư Bồ Tát, Chư Long Thần Hộ Pháp, năng lực của Đại Tăng, sự quang lâm của qúy ngài là một hùng lực, trí lực, sự cầu nguyện của Chư Tôn Đức Tăng Ni và sự nhiệt tình của đồng hương Phật tử trong suốt thời gian dài trôi qua đến nay chùa Quang Thiện được hòan thành. Xin đê đầu đảnh lễ và tri ơn đến tất cả thiện nam tín nữ của chùa bắt đầu bằng những khó khăn nhất để có ngày nầy..."

Sau đó cung thỉnh Chư Tôn Đức quang lâm trước chánh điện để cắt băng khánh thành. Sau khi cắt băng khánh thành là phần nghi lễ Sái Tịnh do Hòa Thượng Thích Chí Năng Chủ Sám. Sau phần lễ là phần cúng dường trai tăng và đồng hương Phật tử cùng thọ trai để xem một chương trình văn nghệ đặcï sắc do các nghệ sĩ thân hữu và anh chị em trong gia đình Phật tử trình diễn. Sau phần văn nghệ là phần chẩn tế cô hồn.

Được biết lễ kéo dài trong vòng 3 ngày kể từ tối Thứ Sáu ngày 21 tháng 01 đến tối Chủ Nhật ngày 23 tháng 01 năm 2011.

(Bình Sa - Việt Báo)

Chư tôn đức Tăng, Ni và quan khách tham dự trong lễ An Vị Phật và Khánh Thành Chùa Quang Thiện

Nghị Viên Thành Phố Ontario, Debra Porada, trao bằng tưởng lục cho Thượng Tọa Thích Minh Dung trong lễ An Vị Phật và Khánh Thành Chùa Quang Thiện

Thiền

Gieo tứ đề thơ gửi ý thiền
Để tâm thôi vọng những cuồng điên
Đuổi hình, mộng kiếm bao trần tục
Bắt bóng, mơ tìm những cảnh tiên
Ngày tháng đắm chìm trong bể ái
Phút giây trôi nổi tại bờ duyên
Một lần phủi sạch hồn thanh thản
Là lúc tâm về hạnh mãn viên.

DIÊU LINH

Tin Tức Phật Giáo Thế Giới

Diệu Âm lược dịch

TÍCH LAN: Thái Lan tặng 11 tượng Phật cho Viện Bảo tàng Phật giáo Quốc tế (IBM) của Tích Lan

Colombo, Tích Lan - Vụ Mỹ thuật của Thái Lan đã tặng 11 tượng Phật cho Viện Bảo tàng Phật giáo Quốc tế (IBM) của Tích Lan - tọa lạc tại Đền Linh Nha ở thành phố Kandy - vào cuối tháng 01-2011.

Số tượng này sẽ đến Tích Lan trong tháng 02 và sẽ được trưng bày tại Phòng Triển lãm Thái Lan của IBM ở Kandy.

Trong một buổi lễ được tổ chức tại Vụ Mỹ thuật Thái Lan ở Bangkok, 11 hiện vật Phật giáo nói trên đã được ông Karun Sutthipool - Phó Tổng Giám đốc Vụ Mỹ thuật Thái Lan - trao cho Đại sứ Tích Lan là Giáo sư J.B.Disanayaka.

Ông Sitthipool nói rằng sự kiện này đánh dấu một sự liên kết quan trọng khác trong lịch sử của mối quan hệ Tích Lan - Thái Lan. "Phòng triển lãm mới được đề nghị này sẽ giúp thúc đẩy những quan hệ tốt hơn giữa 2 nước Phật giáo Nguyên thủy trên thế giới," ông nói.

(Buddhist Channel - February 1, 2011)

Các tượng Phật của Vụ Mỹ thuật Thái Lan tặng IBM của Tích Lan - Photo: Asian Tribune

TRUNG QUỐC: Bắc Phật Tự ở thành phố Tây Ninh, tỉnh Thanh Hải

Chùa Bắc Phật có diện tích 28.000 km vuông, nằm tựa vào ngọn Bắc Sơn (còn gọi là núi Tulon) ở một vùng ngoại ô phía bắc thành phố Tây Ninh, do đó chùa còn có tên là Bắc Sơn Tự.

Với kiến trúc Phật giáo và phong cách kiến trúc Đạo giáo, chùa được mệnh danh là 'Một Viên Trân châu Sáng trên Tiểu lộ Nam của Con đường Tơ lụa'.

Được xây dựng vào thời Bắc Ngụy 9386-534), Chùa Bắc Phật là kiểu mẫu xưa nhất của kiến trúc tôn giáo tại tỉnh Thanh Hải.

Nó được xây dựa trên một sự biến dạng tự nhiên trên sườn núi, với đặc điểm có đá xen kẽ giữa sự mềm mại và vững chãi.

Nhìn lên ta có thể thấy vách đá cheo leo, và nhìn xuống dưới là vực. Chỉ có ngôi chùa nằm treo ở giữa, do đó chùa còn gọi là Chùa Treo. Đây là Chùa Treo lớn thứ 2 tại Trung quốc.

(China.org - February 1, 2011)

Bắc Phật Tự ở thành phố Tây Ninh, tỉnh Thanh Hải - Photo: China.org

MÃ LAI: Hàng nghìn du khách tập trung tại Đại Tịnh xá Phật giáo vào Năm Mới Trung quốc

Kuala Lumpur, Mã Lai - Đông đảo khách viếng đã tập trung tại Đại Tịnh xá Phật giáo ở Brickfields vào ngày đầu Năm Mới Trung quốc (Tết Âm lịch).

Đại đức Witiyala Bodhi Vathana, người Tích Lan, nói: "Thông thường mỗi ngày chúng tôi có vài trăm khách viếng, nhưng vào Năm Mới Trung quốc, nhà chùa tiếp khoảng 2.000 khách".

Các tăng sĩ hàng ngày tổ chức các thời kinh, nhưng vào những dịp đặc biệt như Năm Mới Trung quốc hoặc Lễ Phật Đản, có một số thời kinh được tổ chức suốt cả ngày.

Các nhà sư cũng tổ chức một bữa ăn trưa từ thiện để gây quỹ cho chùa.

Khởi thủy được thành lập bởi cộng đồng người Sinhalese để làm nơi thờ phụng cho truyền thống Phật giáo Nguyên thủy Tích Lan, Đại Tịnh xá từ một sảnh đường nhỏ đã phát triển kể từ đó, và bây giờ nó bao gồm một đền thờ, một đại sảnh cầu nguyện và cả một ngôi chùa nữa.

(The Star - February 5, 2011)

Đại Tịnh xá Phật giáo tại Brickfields, Kuala Lumpur vào dịp Năm Mới Trung quốc - Photo: The Star

NEPAL: Bảo tháp Bodnath và Losar (Năm Mới Tây Tạng)

Bảo tháp Bodnath của Phật giáo Tây Tạng nằm cách thủ đô Kathmandu (Nepal) 6 km. Đây là bảo tháp lớn nhất tại đất nước này và là địa điểm chính của các lễ mừng Năm Mới của Tây Tạng.

Năm Mới Tây Tạng luôn luôn nhằm ngày trăng tròn tháng 02 Dương lịch và được mừng đón trong 3 ngày vui chơi.

Các cuộc lễ cũng diễn ra tại các khu định cư của người Tây Tạng tị nạn sống quanh Pokhara và Kathmandu, và tại các khu Phật giáo ở cao nguyên. Người ta tổ chức những cuộc diễn hành, chư tăng chúc phúc và các gia đình có một ngày nghỉ để cùng nhau cúng kính.

(Urban Dharma - February 7, 2011)

Mắt Phật trên bảo tháp Bodnath ở Nepal - Photo: Serena Davies

ẤN ĐỘ: Đức Đạt Lai Lạt Ma đề nghị lập thư viện ở các đền chùa

Panaji, Goa - Là một phần của một loạt các cuộc diễn thuyết do chính quyền bang Goa tài trợ, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã thuyết giảng tại thủ phủ Panaji của bang này vào ngày 07-02-2011.

Ngài đề nghị rằng rất nhiều đền thờ vốn đang được xây dựng trên khắp đất nước Ấn Độ cũng cần phải có những thư viện được lập kèm theo với các tượng thần Phật.

"Cần phải có những thư viện trong các đền chùa, thay vì chỉ có tượng mà thôi," Đức Đạt Lai Lạt Ma phát biểu. Ngài cũng nói thêm rằng Ấn Độ là một kho thông tin từ 3.000 năm qua, và rằng các thư viện trong đền chùa sẽ động viên mọi người đến với giáo dục và học tập, và để hiểu biết nhiều hơn nữa.

Ngài nói, " Khi ai đó nói với tôi về việc xây một tượng Phật, tôi bảo người ấy rằng tượng Phật không nói. Thay cho một pho tượng, hãy in nhiều sách hơn, đó mới là điều quan trọng".

(IANS - February 7, 2011)

ĐÀI LOAN: Hội chợ Triển lãm Sách Quốc tế Đài Bắc lần thứ 19

Đài Bắc, Đài Loan - Cuộc Triển lãm Sách Quốc tế Đài Bắc được tổ chức từ ngày 09 đến 14-02-2011, với 856 nhà xuất bản từ 59 nước tham gia.

Qua hơn 700 hoạt động văn hóa, 450 nhà văn trong nước và nước ngoài tập trung tại hội chợ sách này để giao lưu với độc giả.

Gần 100 thi sĩ và văn sĩ tham gia những buổi đọc sách, và ngoài ra còn có các đại diện từ 7 nước - Tây Ban Nha, Mễ Tây Cơ, Đức, Ý, Pháp, Peru và Israel - được mời ngâm thơ hoặc đọc sách từ chính nước của họ.

Triển lãm năm nay tập trung vào Bhutan, còn được mô tả là ' đất nước hạnh phúc nhất thế giới'.

Đất nước vùng Hi Mã Lạp Sơn này trưng bày hơn 300 ấn phẩm, bao gồm danh tác Phật giáo quý giá có tựa đề "Tám nghìn Vần thơ của Trí huệ Thù thắng".

Trưởng Văn phòng Thông tin chính phủ Đài Loan là Johnny Chiang nói rằng sau 18 năm nỗ lực, hội chợ sách Đài Bắc đã trở thành một trong những triển lãm lớn nhất về quy mô lẫn sự tham gia. Ngày nay nó đóng vai trò của một nền tảng quan trọng cho giao lưu văn hóa quốc tế, giao dịch bản quyền và khuyến khích đọc sách.

(CNA - February 8, 2011)

Poster của cuộc Triển lãm Sách Quốc tế Đài Bắc lần thứ 19

MIẾN ĐIỆN: Lễ Poi Sanglong (Thọ giới Sa di) của Phật tử người Shan theo giáo phái Joti

Từ ngày 04 đến 10-02-2011, Phật tử người Shan (còn gọi là người Tai) thuộc phái Joti kỷ niệm lần thứ 19 của lễ Poi Sanglong, lễ truyền thống tôn vinh trẻ em Tai nam như 'các hoàng tử' trước khi các em được thọ giới sa di.

Lễ hội 7 ngày này được người Tai từ khắp đất nước phối hợp tổ chức tại Mong Yang, bang Kachin ở bắc Miến Điện.

Trên 300 cậu bé, tuổi từ 5 đến 15, được mặc trang phục truyền thống của hoàng gia để dự lễ. Bao quanh là cha mẹ và những người phụ giúp của các em.

Có hàng nghìn người tham gia lễ này vì đây là một địa điểm nổi tiếng đối với Phật tử Joti người Tai để tổ chức lễ lạc.

"Không chỉ những bé trai người Tai mà cả các cậu bé Miến Điện cũng tham dự lễ, tất cả đều được mặc trang phục hoàng tử Shan (Xiêm)," một người tham dự nói.

Lễ thọ giới sa di của người Tai phái Joti được tổ chức 3 năm một lần. Phần lớn các lễ lớn của giáo phái này thường được tổ chức Trụ sở của họ tại Mong Yang.

(Shan Herald - February 11, 2011)

Tu viện phái Joti ở huyện Shwekyin, Bago (Miến Điện) - Photo: VS

Tu viện phái Joti ở Rangoon (Miến Điện) - Photo: VS

ẤN ĐỘ - TÍCH LAN: Quan hệ giữa 2 nước được nâng lên qua việc triển lãm xá lợi

Ấn Độ đã đồng ý cho Tích Lan mượn các mảnh xương của Đức Phật - còn gọi là xá lợi Kapilavastu - cho một cuộc trưng bày trong năm nay để chào mừng năm thứ 2.600 Đức Phật thành đạo. Đây sẽ là lần đầu tiên trong nhiều thập kỷ các mảnh xương này - được bảo quản tại Viện Bảo tàng Quốc gia - được đưa ra khỏi Ấn Độ.

Trong chuyến thăm Ấn Độ vào tháng 6 năm ngoái, Tổng thống Tích Lan Mahinda Rajapaksa đã đề nghị với Thủ tướng Ấn Độ Manmohan Singh về việc trưng bày xá lợi Kapilavastu. Và trong cuộc gặp gỡ vào ngày 12-02 tại Colombo, Phát ngôn viên của Hạ viện Ấn Độ là bà Meira Kumar đã chuyển lời đến Tổng thống Tích Lan Rajapaksa rằng các mảnh xá lợi Kapilavastu sẽ được gửi đến Tích Lan để trưng bày trong suốt thời gian lễ.

Lễ Đức Phật Thích Ca Thành đạo sẽ được tiến hành trên quy mô lớn ở quốc đảo Tích Lan, nơi đạo Phật là tôn giáo chính. Dự kiến sẽ có đông đảo tín đồ đến tham quan cuộc trưng bày này.

(Hindustan Times - February 14, 2011)

PAKISTAN: Phát hiện thêm một di tích Phật giáo tại thủ đô Islamabad

Một di tích Phật giáo đã được phát hiện tại Khu G-12 ở Meharabad thuộc thủ đô Islamabad. Đây là một gò cao 10 feet, có thể từng là một bảo tháp vì trên gò có những mảnh gốm được xem là thuộc thời kỳ Phật giáo.

Người dân ở Meharabad nói rằng những kẻ săn tìm kho báu đã đào xới đỉnh và sườn của bảo tháp này với hy vọng tìm được bảo vật, và rằng một số hiện vật đã được tìm thấy trên đỉnh gò.

Bảo tháp ở Meharabad (G-12) được phát hiện gần đây là một trong số các di tích Phật giáo bên trong và xung quanh Islamabad.

Hiện nay di tích Phật giáo này nằm giữa các cánh đồng nông nghiệp. Phần lớn khu vực đã được đưa vào canh tác. Những mảnh gốm và một số mảnh nồi nấu ăn nằm rải rác trên bề mặt, cả trên gò lẫn trên phần đất đã trồng trọt.

Các cơ quan chức năng cần thực hiện việc khai quật tại địa điểm này và cứu lấy những hiện vật còn nằm chôn lấp khỏi bị phá hoại thêm. Họ cũng cần phải rào quanh gò để nó không bị lấn chiếm thêm. Nếu không có hành động kịp thời, có khả năng là phần còn lại của di tích cũng sẽ bị người dân của Meharabad đưa vào canh tác.

(The Express Tribune - February 18, 2011)

Di tích Phật giáo tại Khu G-12 của Islamabad - Photo: Zulfiqar Ali Kalhoro

TRUNG QUỐC: Triển lãm các tác phẩm điêu khắc bằng bơ tại Tu viện Taer

Tu viện Taer, một tu viện nổi tiếng ở tỉnh Thanh Hải của Trung quốc, đã tổ chức cuộc triển lãm thường niên những tác phẩm điêu khắc bằng bơ.

Để chiêm bái các tác phẩm điêu khắc tinh tế mô tả Đức Phật, các truyền thuyết Phật giáo và lịch sử Tây Tạng này, khoảng 150.000 Phật tử và du khách trong và ngoài nước đã đến tham quan tu viện cổ Taer.

Hơn 40 nhà sư đã làm việc 70 ngày trong cái lạnh buốt người để hoàn thành tất cả 7 tác phẩm điêu khắc. Được tạo tác bằng thủ công bằng bơ bò Tây Tạng, các tác phẩm cân nặng hàng nghìn kg này được treo trên những giàn gỗ cách mặt đất 20 m và có thể được bảo quản đến một năm trong các phòng máy lạnh.

Vào năm 2006, Hội đồng Nhà nước đã xếp hạng tác phẩm điêu khắc bằng bơ là một di sản văn hóa phi vật thể của quốc gia.

(Xinhua - February 18, 2011)

ẤN ĐỘ: Triển lãm "Kho báu của Trung Hoa cổ xưa" tại New Delhi

Ngày 19-02-2011, Viện Bảo tàng Quốc gia Ấn Độ ở New Delhi đã khai mạc một cuộc triển lãm về "Kho báu của Trung Hoa cổ xưa".

Sự kiện này kéo dài đến ngày 20-03-2011, được tổ chức bởi Ban Nghiên cứu Khảo cổ Ấn Độ, phối hợp với Cục Quản lý Nhà nước về Di sản Văn hóa Trung quốc và Triển lãm Nghệ thuật Trung quốc.

Có 95 cổ vật được trưng bày, đại diện cho nền văn hóa Trung Hoa từ thời kỳ đồ đá mới (khoảng 10.000 năm trước Công nguyên) đến thời nhà Thanh - được làm bằng đá, kim loại, ngọc bích, sứ, gốm sứ v.v.

Từ 2 thiên niên kỷ qua, Ấn Độ và Trung quốc đã tương tác và cùng có ảnh hưởng đến châu Á và cả thế giới, tạo nên sự đóng góp xuất sắc trong lĩnh vực nghệ thuật và văn hóa.

Con đường tơ lụa và sự truyền bá đạo Phật từ Ấn Độ sang Trung Hoa là một số liên kết quan trọng, tạo nên sự phát triển bước ngoặt về hợp tác. Thương nhân và tăng sĩ của nước này vẫn luôn sang nước kia. Một số nhà du hành Trung Hoa quan trọng từng đến Ấn Độ như Pháp Hiển, Huyền Trang và Ai Trang (vào thế kỷ thứ 4, thứ 7 và thứ 10 sau Công nguyên) đã để lại những cuốn du ký tạo thành các nguồn tư liệu cơ bản quan trọng đối với lịch sử Ấn Độ. Các nhà sư Ấn Độ là Kasyapa Matanga và Dharmaraksha đã cưỡi ngựa trắng, mang kinh Phật đến Trung hoa vào năm 68 sau Công nguyên và thành lập ngôi đền Phật giáo đầu tiên tại Trung Hoa - cụ thể là Đền Bạch Mã ở Lạc Dương, kinh đô của Trung hoa thời bấy giờ.

Cuộc triển lãm "Kho báu của Trung Hoa cổ xưa" hiện nay nhằm làm mới các cuộc đối thoại văn hóa, và nhờ đó tăng cường tình hữu nghị giữa 2 nước cộng hòa lớn của châu Á bằng cách thiết lập mối quan hệ của 2 dân tộc.

(pib.nic.in - February 19, 2011)

ĐÀI LOAN: Võ sư phái Thiếu Lâm và bộ sưu tập vũ khí truyền thống

Được đào tạo từ khi còn bé tại Tung Sơn Thiếu Lâm Tự ở Trung quốc, võ sư Đài Loan Hsiao Chuan-yi đã thành lập hội kungfu Thiếu Lâm đầu tiên của Đài Loan để giúp mọi người học võ thuật. Nơi ở của ông cũng trưng bày bộ sưu tập gồm trên 1.000 vũ khí võ thuật.

Sau khi từ Trung Hoa đại lục trở về Đài Loan, ông Hsiao bắt đầu thực hiện hoài bão đưa Thiếu Lâm đến với quốc đảo này của mình, và ông đã thành lập một hội. Môn đệ của ông gồm cả các huấn luyện viên võ thuật của cảnh sát và quân đội. Ông đã dạy tổng cộng gần 10.000 học viên.

Hiện nay, các kế hoạch cho một "Phòng Triển lãm Văn hóa Vũ khí Võ thuật và Học viện Võ thuật Thiếu Lâm Tự của Trung Hoa Dân Quốc" của ông đang tiến triển, để mọi người được thấy tận mắt những điều mà hầu hết chỉ thấy trong các phim võ thuật.

(Liberty Times - February 21, 2011)

TRUNG QUỐC: Đại Lễ hội Đèn lồng

Lễ hội Đèn lồng, còn gọi là Lễ hội Nguyên Tiêu, vào ngày 15 tháng Giêng âm lịch (năm nay nhằm ngày 17-02 dương lịch) đánh dấu sự kết thúc Lễ hội Mùa Xuân (Năm Mới Trung Hoa).

Từ thời Tây Hán (năm 206 trước Công nguyên đến năm 25 sau Công nguyên), nó đã trở thành một lễ hội có ý nghĩa rất lớn. Suốt thời nhà Hán (từ năm 206 trước Công nguyên đến năm 220 sau Công nguyên), Phật giáo phát triển mạnh ở Trung Hoa. Một vị hoàng đế nghe nói rằng vào ngày rằm tháng giêng âm lịch các tăng sĩ thường chiêm bái xá lợi của Đức Phật và thắp sáng đèn lồng để cúng Phật. Do đó ông ra lệnh thắp sáng đèn lồng trong hoàng cung và chùa chiền để tỏ lòng kính Phật vào ngày này.

Về sau, nghi thức Phật giáo ấy đã phát triển thành một lễ hội lớn trong dân chúng, và ảnh hưởng của nó lan rộng từ các đồng bằng miền trung đến toàn cõi Trung Hoa. Ngày nay, Lễ hội Đèn lồng vẫn được tổ chức khắp đất nước Trung quốc.

(Jamaica Gleaner - February 21, 2011)

Đèn lồng được trưng bày tại Lễ hội Đèn lồng Trung quốc - Photo: Jamaica Gleaner

Dạ ảnh

đèn giăng cháy lũng sa mù
trăng tê điếng rụng mấy dư ảnh vàng
gió lùa tiếng núi âm vang
trăng đi để lại vết loang lưng trời.

Cắn niềm ưu tư

Lúc về ngang bãi rừng im
con chim giọng nhỏ cắn niềm ưu tư
lòng ta một cõi sương mù
bỗng nhiên sáng động thiên thu
không ngờ.

Nhớ nhà

nhớ giàn bông giấy ra hoa
nhớ sân gạch nhỏ đã già mấy xuân
chớm theo con mộng ngập ngừng
e rằng cửa ngõ quá chừng xa xăm.

Thí phát

hôm qua tóc xõa phong trần
tấm thân du mục quay mòng cuộc chơi
hôm nay trả tóc lại đời
đầu không với một nụ cười
cũng không.

PHÙ DU

CHÁNH PHÁP

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**
Trị sự: **ĐĐ. Thích Đồng Trực**
Thư ký: **ĐĐ. Thích Đồng Châu**

Chủ biên: **Vĩnh Hảo**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

LIÊN LẠC:

- *Bài vở:* baivochanhphap@gmail.com
- *Quảng cáo/Phát hành:* (714) 638-0989
- *Chi phiếu ủng hộ,* xin ghi "CHANH PHAP" và gửi về địa chỉ:

11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840 – U.S.A.
Tel.: **(714) 638-0989**

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: *"Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành… Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình sẽ trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."*

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.us

Số **23**
3.2011

CHƯƠNG TRÌNH TỔNG QUÁT
CHIÊM BÁI PHẬT NGỌC HÒA BÌNH THẾ GIỚI
TẠI CHÙA TRÚC LÂM, CHICAGO - HOA KỲ
Từ 20/04 /2011 đến 30/04/2011

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC:
1521 W. Wilson Ave.
Chicago, IL 60640
Tel. **773-506-0749**

Thứ Tư: Ngày 20/04 /2011
10:00 AM Lễ An Vị Bảo Tượng Phật Ngọc tại Lễ Đài
11:00 AM Tiếp Tục Trang Hoàn Lễ Đài Phật Ngọc

Thứ Bảy: Ngày 23/04 /2011
01:00 PM Hát Mừng Đạo Hữu Phật Tử về Chiêm Bái Phật Ngọc
06:00 PM Lễ Khai Mạc Cung Nghinh Phật Ngọc
08:00 PM Văn Nghệ Kính Mừng Phật Ngọc

Chủ Nhật: Ngày 24/04/2011
06:00 AM Công Phu Khuya, Nhiễu Phật Lễ Bái Phật Ngọc
07:00 AM Điểm Tâm
08:00 AM Chiêm Ngưỡng Xá Lợi Chư Bồ Tát Thánh Tăng
10:00 AM Thuyết Pháp
11:00 AM Lễ Húy Nhật Cố Đại Lão H.T. Thích Trí Thủ
12:00 NN Lễ Cúng Dường Trai Tăng
02:00 PM Chiêm Ngưỡng Xá Lợi Chư Bồ Tát Thánh Tăng
03:00 PM Thuyết Pháp
04:30 PM Giới Đàn Bồ Tát Tại Gia, Thập Thiện, Tam Quy Ngũ Giới
06:00 PM Dược Thực
07:00 PM Lễ Hội Hoa Đăng Cầu Nguyện Hòa Bình Thế Giới
08:00 PM Văn Nghệ Cúng Dường Phật Ngọc

Thứ Hai: Ngày 25/04 đến Thứ Năm Ngày 28/04/2011
06:00 AM Cung Phu Khuya, Nhiễu Phật Lễ Bái Phật Ngọc
07:00 AM Điểm Tâm
08:00 AM Tụng Kinh Pháp Hoa - Lễ Bái Hồng Danh Phật Bồ Tát
09:00 AM Thuyết Pháp (Nếu có thính chúng từ 20 vị trở lên)
11:00 AM Cúng Ngọ Lễ Bái Phật Ngọc
12:00 NN Ngọ Trai
02:00 PM Tụng Kinh Pháp Hoa – Lễ Bái Hồng Danh Phật Bồ Tát
03:30 PM Công Phu Chiều – Thí Thực
06:00 PM Dược Thực
08:00 PM Ngồi Thiền, Nhiễu Phật, Lễ Bái Phật Ngọc
08:30 PM Thuyết Pháp

Thứ Sáu: Ngày 29/04/2011
06:00 AM đến 02:00 PM Chương trình giống như ngày Thứ Hai ở trên
04:00 PM Chạy Đàn Trì Chú Phổ Am Cầu Siêu Bạt Độ Hương Linh
07:00 PM Văn Nghệ Văn Hóa Dân Tộc Cúng Dường Phật Ngọc

Thứ Bảy: Ngày 30/04/2011
06:00 AM đến 02:00 PM: Chương trình giống như ngày Thứ Hai ở trên
03:00 PM Thuyết Pháp
04:30 PM Công Phu Chiều – Thí Thực
06:00 PM Dược Thực
06:30 PM Văn Nghệ Cúng Dường
09:30 PM Lễ Bế Mạc Tiễn Đưa Phật Ngọc

Địa chỉ tòa soạn:
CHÁNH PHÁP
803 S. Sullivan Street
Santa Ana, CA 92704
Tel.: **(714) 571-0473**

TO: _____

_____

_____

Báo Chánh Pháp số 23, tháng 3 năm 2011, do Chùa Linh Mụ (3828 S. Rockbridge Rd., Stone Mountain, GA 30087) ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quí tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.